

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
Theravāda

CHÚ GIẢI LỊCH SỬ CHƯ PHẬT

Nguyên Tác: BUDDHAVAMSA
Bản Pāli Ngữ: BUDDHATTA THERA
Bản Dịch Anh Ngữ: I.B. HORNER
Bản Dịch Việt Ngữ: TỶ KHUU THIỆN MINH

PL. 2551 - DL.2007

Lưu ý: Đọc với phông chữ [VU Times](#) (Viet-Pali Unicode)

IIB. CHÚ GIẢI ĐỨC PHẬT DĪPAṆKARA

Những cư dân thành Ramma là các cận sự nam đã tổ chức buổi bố thí lớn dành cho Tăng Đoàn các vị tỳ khuru đứng đầu là đức Phật Dīpaṅkarā, kính lễ và kính bái ngài bằng những vòng hoa, dầu thơm v.v... Khi ngài đã dùng bữa xong và rút tay ra khỏi bát của ngài, họ ngồi xuống gần ngài và nóng lòng muốn nghe lời chúc phúc của ngài về cuộc bố thí ngày hôm nay. Sau đó đạo sư đã ban phước cho họ với những lời ngọt ngào chúng ta sắp sửa được nghe sau đây:

“Của bố thí được coi là nguồn hạnh phúc v.v... là cầu thang và là nguồn trợ lực cho những kẻ nên giống như chư Thiên^[1]

65

Của bố thí chính là nơi cư trú của một người, là niềm trợ giúp cho cả họ hàng và là dòng suối mát tuyệt vời nhất cho chúng sanh bị buồn sầu ám Đảnh.

66

[120] Của bố thí được ví như một chiếc tàu hiệu theo nghĩa chuyên chở chúng sanh thoát khỏi đau khổ; và của bố thí cũng được khen ngợi như là một thành phố, bằng cách gìn giữ chúng sanh khỏi mọi sợ hãi.

67

Và của bố thí lại được ví như là một con rắn độc hiệu theo nghĩa rất khó bị tấn công; của bố thí là cánh hoa sen vô tỳ vết khỏi tham lam v.v...

68

Trên đời này chẳng có sự trợ giúp nào dành cho một người nào cả ngoài của bố thí; chính vì thế hãy thực hiện việc bố thí theo chiều hướng tích cực.

69

Những của bố thí khôn ngoan chính là nguồn tái sinh nơi thiên đàng. Ai là người trên thế gian này. Đang say mê với hạnh phúc, lại chẳng phải là người đang say mê thực hiện bố thí đó sao?

70

Ai là người khi nghe thấy việc bố thí tạo chứng đắc nơi các chư Thiên, lại không thực hiện bố thí, bố thí là sợi dây ràng cột hạnh phúc, là niềm vui cho cõi lòng ta nhỉ?

71

Khi một người nào đó đang di chuyển đó đây lại thực hiện bố thí, người đó có thể tìm thấy niềm vui sướng trong một thời gian dài, được các tiên nữ bao quanh, nơi Nandana, là Nandana dành cho các vị chư Thiên.[\[2\]](#)

72

Người bố thí tìm thấy phi lạc tột đỉnh; trên thế gian này người đó bước đi trong niềm kính trọng và người bố thí còn được hưởng tiếng thơm vô tận,[\[3\]](#) và được tín cẩn.

73

Đang khi thực hiện việc bố thí, người đó sẽ được phồn vinh và được nhiều của cải[\[4\]](#) sẽ được sống lâu; người đó cũng sẽ được một thân hình duyên dáng; được vui chơi đùa giỡn với các chư Thiên trên trời, được trú ngụ trong ngôi nhà vang tiếng nhạc công đờn hát.

74

Tài sản của kẻ trộm, của kẻ thù, của nhà vua, nước, lửa cũng không thể phân chia được; nhưng của bố thí người đó thực hiện thì thực sự sẽ xuất hiện nơi lãnh vực trí của chư Thánh văn, nơi lãnh vực Phật Độc Giác và lãnh vực Phật Toàn Giác”

75

Sau khi ngài đã chúc phước cho của bố thí đó bằng cách bắt đầu như vậy và ngài đã giải thích những lợi thế khi ta thực hiện bố thí, ngay tức khắc ngài đã thuyết giảng một bài về trì giới[\[5\]](#) trì giới này thực sự là nền tảng cho mọi chứng đắc[\[6\]](#) trên cõi đời này và cả trên cõi đời sau nữa:

“Giới đức là nguồn hạnh phúc tuyệt vời nhất; người có giới đức tiến tới với giới đức đạt tới cõi Tam Thập Tam. Vì đạo đức chính là nơi trú ẩn, là căn hầm và là nguồn trợ giúp cho kẻ nào đang trong Vòng Luân Hồi tái sinh.

76

Và tìm đâu ra, tại cuộc sống này hay cuộc sống mai hậu, được nguồn trợ giúp khác cho những người xứng với trì giới đó? Giới đức là nguồn trợ giúp chính để có được những ân đức đặc biệt giống như trái đất cũng là nguồn trợ giúp cho những gì bất động và cho cả những gì đang di chuyển[\[7\]](#).

77

Giới đức thật dễ thương làm sao. Giới đức là điều tối thượng trên đời này, kẻ nào có giới đức chính là người có phẩm hạnh tốt và là một cuộc tu tập cuộc sống Thánh hạnh[8].”

78

[121] Chẳng có đồ trang sức nào sánh bằng đồ trang sức giới đức. Chẳng có dầu thơm nào sánh bằng dầu thơm giới đức. Chẳng có cách nào tẩy sạch được các vết nhơ phiền não sánh bằng giới đức cả. Chẳng có cách nào làm giảm bớt cơn sốt nung đốt (do các đam mê, v.v...) lại sánh bằng giới đức được. Chẳng có bậc thang nào để trèo lên đỉnh tầng trời sánh bằng giới đức. Và cũng chẳng có ngưỡng cửa nào để vào được kinh thành Níp Bàn lại sánh bằng giới đức được. Như có lời nói rằng[9]:

Các vị vua cho dù được trang điểm bằng vàng vòng châu báu cũng không sáng giá bằng những người thu thúc được tô điểm bằng những đồ trang sức do giới đức mà có. Ta có thể tìm đâu ra được một loại dầu thơm giống như loại dầu thơm do giới đức đem lại, phát phối bay trong gió và cũng bay ngược được với gió chẳng?

Dầu thơm của loài hoa sẽ không bay ngược chiều gió được, cũng như mùi thơm gỗ đàn hương hay hương nhang hay mùi thơm vùng mè; một người tốt sẽ tràn ngập mọi chốn và mùi thơm giới đức của người đó sẽ bay ngược với chiều gió.*

Gỗ đàn hương hoặc mùi hương nhang và hoa sen, cũng như dầu mè[10] - trong số những loại dầu thơm thì dầu thơm giới đức là loại tối thượng*₁

Ngay cả dòng sông Hằng hay sông Jumnā, sông Sarabhū cũng như sông Sarassatī, cả dòng sông sâu chảy xiết Aciravatī hay ngay cả Đại sông Mahī[11] cũng không thể quét sạch được những vết nhơ của các chúng sanh. Vì chỉ có dòng nước giới đức mới có thể rửa sạch được những vết nhơ của chúng sanh mà thôi.

Ngay cả những cơn gió thổi làm mây mưa tới, hoặc ngay cả gỗ đàn hương màu vàng, ngay cả những chuỗi hạt vàng ngọc hoặc đá quý hay ngay cả vẻ sáng ngời của những ánh trăng cũng chẳng thể giúp ích gì trên đời này[12] hay làm dịu cơn sốt cho các chúng sanh cũng chẳng giúp gì được mà chỉ có giới đức thánh thiện mới thực sự đem lại nguồn mát lạnh vĩnh cửu.

Giới đức có thể đẩy lùi hoàn toàn được sợ hãi tự khiến trách của lương tâm và đối với người có giới đức luôn luôn đem lại tiếng thơm và hạnh phúc.

âu ta có thể tìm thấy được bậc thang sánh được với giới đức để có thể trèo lên thiên đàng được, hoặc ở đâu ta có thể tìm thấy một ngưỡng cửa để vào được thành phố Níp-bàn?

Như vậy giới đức có thể được biết đến như điều thuận lợi tối thượng, làm nguyên nhân cho mọi ân đức đặc biệt, và tước đoạt được sức mạnh nơi mọi khiếm khuyết.

Khi đức Thế Tôn đã giải thích về những lợi thế của giới đức mang lại ngài nói thêm. “Tùy thuộc vào[13] giới đức này mà ta chứng đắc được thiên đàng” và khi đã giải thích điều này như vậy ngay lập tức ngài đã thực hiện một bài nói chuyện về Thiên

Đàng như sau: “Thiên đàng là nơi hoàn toàn thoải mái, sung sướng, đáng mong đợi, và hoàn toàn hạnh phúc; ở đó có nhiều điều thích thú và chúng sanh thường xuyên chứng đắc niềm vui sướng vô tận.

* Dh. 54. A. I 226. Ja iii 291; Miln 333, DA 56.

** Dh 55, và vì đã bỏ qua ở trên A I 226

Các vị chư Thiên của bốn Đại Thiên Vương nhận được hạnh phúc thần tiên, niềm vui sướng thần tiên kéo dài cả chín mươi trăm ngàn năm, [14] các vị chư Thiên thuộc cõi Tam Thập Tam Thiên cũng nhận được niềm hạnh phúc thần tiên đó kéo dài cả ba vạn triệu và sáu mươi trăm ngàn năm. [15] Như vậy ngài đã thực hiện một bài nói chuyện bắt đầu với điều có liên quan với những ân đức đặc biệt nơi thiên đàng. [122] Còn nữa, sau khi đã thử thách họ với bài thuyết giảng về thiên đàng như vậy, ngài lên tiếng: “Ấy vậy thiên đàng này lại vô thường, không tồn tại vĩnh cửu, ở đó ta chẳng còn ước muốn, chẳng còn chấp thủ điều chi nữa.”, và ngài lại trình bày chi tiết về nỗi hiểm họa, tính phù phiếm, điều đòi bại do dục lạc đem lại và những lợi thế do xuất ly những điều kể trên mang lại, [16] ngài cũng thực hiện một bài thuyết giảng về Phật Pháp, mà đỉnh cao của Pháp chính là bất tử.

Khi ngài đã nói chuyện về Phật Pháp với một số lượng công chúng đông đảo đến như vậy, và đã khiến cho một số đông đã xuất gia quy y Phật. Và một số đã chăm chú thực hiện năm giới. Và một số lại thiết lập Thánh quả Nhập Lưu và một số nơi Thánh quả Nhất Lai, số khác lại thiết lập nơi Thánh quả Bất Lai một số khác trong bốn Thánh quả, một số khác chứng đắc tam minh, số khác đạt đến lục thắng trí. Số khác lại thiết lập được bát chứng đắc, đứng lên khỏi chỗ ngồi ngài rời khỏi thành phố Ramma và tiến vào trụ trì tại ngôi chùa Sudassana. Theo như lời kể lại rằng:

IIB 189. Rồi các chúng sanh sau khi đã tiếp đãi vị lãnh đạo thế gian với Tăng Đoàn của ngài, liền tiến đến gặp vị đạo sư Dpañkarā để được quy y Phật.

190. Đức Như Lai kiến lập một số người xuất gia quy y Phật, kiến lập năm giới cho một số khác, số khác nữa được kiến lập Thập Giới.

191. Đối với một số người ngài ban Sa-môn với bốn Quả tối thượng; số khác với tuệ phân tích. Một số khác với nhiều điều không thể sánh bằng.

192. Đối với một số chúng sanh vĩ đại ngài ban bát thiên chứng huy hoàng, nơi một số người ngài đạt đến tam minh và số khác lại là lục thắng trí.

193. Theo cách thức như vậy vị đạo sư động viên đám đông. Với cách thức này Giáo Pháp của đấng bảo vệ cõi trần đã được lan rộng khắp nơi.

194. Đạo sư Dpañkarā với xương hàm mạnh phi thường, vai rộng, Ngài đã tạo cho nhiều người thắng vượt, ngài đã giải thoát chúng sanh khỏi ranh giới xấu xa.

Nhận thấy chúng sanh có thể được Giác Ngộ cho dù họ có ở xa đến hàng ngàn do tuần (yojana) vị ân sĩ vĩ đại này đã cất công đến cùng họ để biến họ thành Giác Ngộ.

189. Trong trường hợp này họ có nghĩa là những cận sự nam là thân dân thành phố Ramma.

189. Nơi nương tựa hay quy y[17] ở đây được hiểu như là nơi trú ngụ. Kẻ chạy lại nơi nương tựa đó. Ở nơi đó phải chen chúc nhau, phải chiến đấu, phải tan rã. Như vậy đây quả thật là nơi nương tựa. Tam bảo đó là gì vậy? Khi chúng sanh chạy lại với Tam bảo để tìm nơi nương tựa, nhờ vào chính hành vi chạy lại nương tựa[18] đó, đã tiêu hủy và đánh tan sợ hãi, buồn khổ ranh giới xấu xa và các phiền não. Như vậy điều này ta gọi là nơi nương tựa. Và người ta đã đề cập đến vấn đề này như sau:

Người nào quy y với Đức Phật tìm nơi nương tựa sẽ không phải sa vào khổ cảnh, sau khi đã từ bỏ xác thân nhân loại, họ sẽ được gia nhập với tầng lớp các vị thần tiên.[19]

[123] Bất kỳ ai quy y với Pháp tìm nơi nương tựa....[20]

Bất kỳ kẻ nào quy y với Tăng Đoàn tìm nơi nương tựa... sẽ được gia nhập với tầng lớp các vị thần tiên¹ trên trời.

Tâm trạng nổi lên khiến ta có được những hiện trạng có Tam Bảo trợ giúp được gọi là quy y Tìm nơi nương tựa. Chúng sanh có được hiện trạng này ta gọi là kẻ chạy lại tìm nương tựa nơi cửa Phật. Như vậy ba điều này nên được hiểu như vậy: nơi cư trú, quy y nơi cư trú (nương tựa) việc chạy lại tìm nơi nương tựa.[21]

189. *Người đó* có nghĩa là Phật Dīpaṅkarā. Sở hữu cách (*tassa*) nên được hiểu theo nghĩa đối cách “Họ chạy lại đó tìm kiếm nơi nương nhờ” cũng là một cách giải thích.

189. (*Nơi người*) *đạo sư* có nghĩa là nơi đạo sư.[22]

190. *Một số khi chạy lại tìm nơi nương tựa*: ý nghĩa ở đây được ngài kiến lập là một số cá nhân quy y tìm nơi nương tựa. Ta nên hiểu ý nghĩa ở đây là nhằm ám chỉ đến thời gian quá khứ, cho dù có đề cập đến ý nghĩa ở hiện tại. Đây cũng là ý nghĩa được áp dụng cho những trường hợp còn lại. (trong những đoạn kệ khác) “Một số chúng sanh[23] tìm đến nơi nương tựa” cũng là một cách giải thích. Và đây là điều vô cùng ý nghĩa.

190. *Một số chúng sanh được kiến lập với ngũ Giới* có nghĩa là ngài kiến lập một số chúng sanh với năm giới trong việc tránh xa.

190. *Một số chúng sanh khác được kiến lập với thập giới* có nghĩa là ngài kiến lập một số cá nhân khác nơi thập giới. “Một số chúng sanh được (kiến lập với mười pháp thiện.” Cũng là một cách giải thích. Ý nghĩa của điều này là ngài tạo ra một số chúng sanh để hiểu được có mười pháp được coi như là thập thiện nghiệp.”[24]

191. *Đối với một số người ngài kêu gọi gia nhập Sa môn*: Về điểm này, theo như chân đế tuyệt đối thì Thánh Đạo được gọi là bậc Sa môn. Như người ta nói rằng: “Và hỏi các vị tỷ khưu, bậc Sa môn là gì vậy? Đó chính là Bát Thánh Đạo vậy, tức là chánh kiến...chánh định. Hỏi chư vị tỷ khưu, điều này được gọi là bậc Sa môn.”*

191. *Bốn Thánh Quả tối thượng*: ý nghĩa ở đây ám chỉ bốn quả tuyệt đối[25] phân từ “ma” chỉ là liên từ nối kết giữa hai từ. Người ta nói rằng ở đây có chuyển đổi giống. Ý nghĩa ở đây là ngài ban cho một số chúng sanh bốn Thánh Đạo, bốn thánh quả Sa môn để minh chứng ân đức[26] của họ.

191. *Có một số điều không gì sánh nổi*. Có nghĩa là đối với một số chúng sanh ngài ban cho bốn điều duy nhất đó chính là bốn tuệ phân tích.

192. *Với một số chúng sanh là chứng đắc huy hoàng*, có nghĩa là đối với một số chúng sanh ngài ban cho bát thiên chứng chỉ xuất hiện thông qua những phần đầu tiêu diệt các pháp cái.

192. *Tam minh nơi một số (chúng sanh)* có nghĩa là tùy theo ân đức (ngài dành cho) một số chúng sanh tam minh bao gồm thiên nhãn minh, Túc mạng minh, Lưu tận minh.

* Xin đọc S. v. 25 được trích trong DA, 158.

192. *Dành cho lục thăng trí* có nghĩa là ngài ban tặng cho một số chúng sanh sáu thăng trí.

193. *Theo cách thức này* có nghĩa là theo phương pháp này, theo thứ tự sau.

193. *Số đông* có nghĩa là một đám đông người.

193. *Được động viên* có nghĩa là ngài động viên.[27] Ta phải hiểu rằng người ta nói với biến đổi các thì, trong những câu tương tự như vậy kể từ nay ý nghĩa phải được coi như chỉ nhằm diễn đạt quá khứ mà thôi.

193. *Nhờ vậy mà được lan truyền rộng rãi* có nghĩa là nhờ vào lời động viên và thuyết giảng mà Giáo Pháp của Phật Dpañkarā được lan truyền rộng rãi, sâu rộng và một cách đáng kể.

[124] 194. *Hàm có sức mạnh phi thường* có nghĩa là: người ta kể lại rằng cả hai hàm của vị Đại Nhân đều tròn trịa giống như mặt trăng vào ngày 12 trong nửa đầu của tháng. Người nào có hai hàm mạnh mẽ chính là có sức mạnh phi thường nơi hai hàm cũng được gọi là hàm mạnh như hàm sư tử vậy.[28]

194. *Vai rộng* có nghĩa là người nào có cặp vai giống như cặp vai của con bò mộng được gọi là có vai rộng[29]; ý nghĩa ở đây là khi cặp vai của người nào tròn trịa[30] cân đối. Cặp vai thật dễ thương trông giống như một cặp trống vàng vậy.

194. *Hồng danh là Dpañkara* có nghĩa là với hồng danh gọi là Dīpañkara

194. *Giúp nhiều người vượt qua* có nghĩa là giúp nhiều chúng sanh để vượt qua[31] lại được chính Đức Phật Dīpañkara hướng dẫn.

194. *Người đó được giải thoát* có nghĩa là người đó được giải thoát.[\[32\]](#)

194. *Khỏi cảnh xấu xa* có nghĩa là khỏi khổ cảnh[\[33\]](#) - đối cách hiểu theo nghĩa một xuất xứ cách.

195. Đến đây, nhằm vạch rõ những ý nghĩa một hiện trạng tạo ra khả năng vượt qua khỏi và tự thoát khỏi, các đoạn kệ cho biết “chúng sanh nào có thể được tỉnh thức (Giác Ngộ)” Trong trường hợp này “*chúng sanh nào có thể được tỉnh thức*. Có nghĩa là “một thế hệ có thể được Giác Ngộ hay đây chính là một cách hiểu mà thôi.”

195, *Nhận thấy* có nghĩa là hoặc là thấy với Phật nhãn của Đức Phật Dīpaṅkarā hoặc với Biến nhãn.[\[34\]](#)

195. *Ngay cả cách xa cả trăm ngàn do tuần (yojana)* có nghĩa là đang sống cách xa ngay cả hàng trăm hàng ngàn do tuần (yojana) vô số kể. Và điều này cũng phải được coi như là được đề cập đến mười ngàn cõi ta bà thế giới.

Người ta nói rằng sau khi đã chứng đắc quả Phật thì đạo sư Dīpaṅkara đã trải qua bảy tuần liên tiếp dưới gốc cây Bồ Đề. Trong tuần lễ thứ tám, sau khi đã đồng ý với việc thỉnh cầu của Vị Đại Phạm Thiên liên quan đến Giáo Pháp, ngài đã Chuyển Pháp Luân ngay trong ngôi chùa Sunanda và đã khiến cho một trăm vạn triệu chư Thiên và con người được nếm hương vị Giáo Pháp. Đây là lần thâu triệt Pháp hội đầu tiên): Rồi vị đạo sư, thấu hiểu được mức trưởng thành nơi trí của con trai mình, là Samavattakhandha Usabhakkhandha,[\[35\]](#) ngài đã phong con trai đó trở thành người tối thượng trong số các Thịnh văn đệ tử của ngài và giảng dạy Phật Pháp tương tự như những lời giáo giới Rāhula, ngài đã khiến cho chín mươi vạn triệu chư Thiên và chúng sanh thâu triệt Pháp.[\[36\]](#) Đây là lần Thấu Triệt Pháp hội thứ hai. Còn nữa, sau khi đã thực hiện được Phép song thông ngay dưới gốc cây Acacia tại cổng thành Amaravatī và đã giải thoát một lượng chúng sanh đông đảo khỏi mọi gông cùm, Đức Phật Dīpaṅkara đã ngồi xuống, bao quanh ngài là một đám đông các vị chư Thiên giống như ánh sáng mặt trời chói chang, ngài ngồi trên một tảng đá[\[37\]](#) được trang hoàng cẩn thận dưới bóng cây dễ thương ngay tại gốc cây Pāricchattaka[\[38\]](#) trong nơi trú ngụ các chư Thiên và của vị Tam Thập Tam. Khiến cho chính mẹ của ngài thành một người đàn bà tuyệt vời nhất, đó là Bà Sumedhā, là người mang phỉ lạc cho toàn thể đám ông các vị chư Thiên. Đức Phật Dīpaṅkara chư Thiên các chư Thiên, được toàn thể thế gian này biết tiếng như là một vị chư Thiên tinh luyện[\[39\]](#) thuyết giảng Tạng Vi Diệu Pháp trong vòng bảy bộ, lại cho chín mươi ngàn vạn triệu chư Thiên được nếm hương vị Phật Pháp. Đây là lần Thấu triệt Pháp hội thứ ba. Do đó người ta nói rằng:

IIB.196. Vào lần thâu triệt Pháp hội đầu tiên Đức Phật Dīpaṅkara đã Giác Ngộ một trăm vạn triệu sanh linh; vào lần thâu triệt Pháp hội thứ hai vị bảo vệ đã thức tỉnh được chín mươi vạn triệu chúng sanh.

196. Và khi Đức Phật Dīpaṅkara đã thuyết pháp trong nơi cư trú thuộc các chư Thiên lại diễn ra lần Thấu Triệt Pháp hội thứ ba, khiến cho chín mươi ngàn vạn triệu chúng

sanh Giác Ngộ.

[125] Và Đức Phật Dīpaṅkara lại có ba Tăng Đoàn làm đồ đệ. Tăng Đoàn đầu tiên gồm một trăm ngàn vạn triệu có mặt trong ngôi chùa Sunanda.

IIB. 198. Đạo sư Dīpaṅkarā có ba Tăng Đoàn; cuộc tụ họp đầu tiên lên tới một trăm ngàn vạn triệu chúng sanh.

Rồi chính ngài với mười sức mạnh, được khoảng bốn trăm ngàn[40] Tỳ khưu vây quanh, đã tiến hành đi từ làng này sang làng khác, qua các khu chợ búa, các thành thị và giúp đỡ rất nhiều người. Dần dà ngài tiến đến một thị trấn kia có một ngọn núi hết sức thơ mộng được gọi là Chỏm Đá Nārada. Chỏm đá này được một đám rất đông chúng sanh kính lễ, nổi tiếng trên khắp thế gian này có các chư Thiên thường lui tới, họ rất sợ vì là một đỉnh núi làm nơi một số loại cây và loại hoa thơm ngát hương mọc rất nhiều, một chỏm đá có rất nhiều đoàn thú hoang dã lui tới. Người ta kể lại rằng toàn bộ vùng đó có một Dạ-xoa (Yakkha) tên là Nārada thường hay lui tới và đám rất đông các chúng sanh đó mỗi năm một lần phải tổ chức tế sống một mạng người cho Dạ-xoa (Yakkha).

Thế rồi sau nhận thấy dân chúng chúng đặc những ân đức đặc biệt, đức Phật Dīpaṅkara đã sai đến đây Tăng Đoàn các vị tỳ khưu từ khắp tứ phương đến. Một mình ngài, không có bất kỳ một người nào hộ tống, ngài đã leo lên núi Nārada, trong lòng tràn ngập từ bi sâu đậm, để có thể xua đuổi Dạ-xoa (Yakkha) ra khỏi[41] ngọn núi đó. Rồi con yêu tinh ăn thịt người tỏ vẻ rung rung với chính hạnh phúc của mình, rất tài tình trong việc sát hại chúng sanh, không thể chế ngự được cơn thịnh nộ[42] của mình, tâm Dạ-xoa tràn ngập bức tức[43] muốn xua đuổi ngài Như Lai Thập Lực bằng làm cho ngài khiếp sợ, hấn liền khiến ngọn núi rung chuyển. Nhưng đang khi hấn làm cho ngọn núi rung chuyển để làm cho ngài khiếp sợ, thì nhờ vẻ oai nghiêm[44] của Đức Phật Dīpaṅkara khiến cho ngọn núi đang rung chuyển xụp đổ ngay lên chính đầu tên Dạ-xoa vậy. Bởi vậy dạ xoa vô cùng khiếp sợ và nghĩ, “Thế thì ta sẽ phóng hoả ngọn núi.” Và hấn đã tạo ra một đám lửa lớn nhìn không cũng phải khiếp sợ. Vì gió thổi ngược lại,[45] nên đám lửa chỉ đem lại thống khổ cho chính hấn, vì không thể thiêu rụi bất kỳ một miếng vải nhỏ y cà sa của Đức Phật Dīpaṅkara. Nhưng yakkha Dạ xoa suy nghĩ: “Không hiểu ta đã thiêu rụi vị Sa môn hay chưa [46]?”

Ngó quanh hấn nhìn thấy vị Sa môn Như Lai Thập Lực, giống như mặt trăng mùa thu vô tỳ vết đem lại vui sướng cho mọi chúng sanh (và quan sát thấy) Đức Phật Dīpaṅkara giống như đang ngự trên một đoá hoa sen trên mặt hồ nước mát lạnh, dạ-xoa suy nghĩ, “Ồi, vị Sa môn này đầy vẻ uy nghi. Bất kỳ điều hại nào ta gây ra cho ngài đều dội ngược lại về phía ta [47] Nhưng ngoài vị Sa môn này ta chẳng còn bất kỳ vẻ oai nghi nào khác cũng như nguồn trợ lực nào khác. những rung chuyển trên mặt đất vẫn ứng yên lại được hỗ trợ trở lại chỉ bằng mặt đất mà thôi, Nào ta sẽ đến qui y nơi vị Sa môn này”.

Sau khi đã nghĩ như vậy, hấn liền quì sụp đầu xuống chân Đức Phật Dīpaṅkara, gót chân ngài được trang trí với nhiều tướng bánh xe, và nói rằng: “Thưa ngài, việc phạm tội lỗi này đã chiến thắng ta.” Thế rồi dạ xoa (yakkha) chạy lại tìm nương tựa nơi Đức Phật Dīpaṅkarā.

Sau đó Đức Phật Dīpaṅkara đã nhanh chóng thuyết pháp cho dạ xoa. Khi kết luận bài thuyết pháp chính dạ xoa (yakkha) được kiên lập thánh quả nhập lưu cùng với mười ngàn dạ xoa khác nữa. Người ta kể lại rằng kể vào ngày hôm đó các cư dân sống trong toàn cõi Ấn độ [126] mỗi người đều dẫn theo một người khác từ khắp các làng mạc để tế lễ cho ngài (dạ xoa), đồng thời họ cũng mang theo rất nhiều vừng mè, gạo xay, đậu tằm, đậu tây và đậu nhỏ, rồi bơ đặc, bơ tươi, phô mai, dầu, mật, mật đường v.v... rồi ngày hôm đó dạ xoa đã dành cho Đức Phật Như Lai Thập Lực toàn bộ những gì dân chúng đem đến và ngài đã trả lại toàn bộ những dầu mè v.v... Đã được chuyên đến dâng cúng.

Rồi sau khi đã đề cho những người này được xuất gia quy y bằng cách nói “Thiện lai Tỳ khuru” (đây là công thức) xuất gia, vị đạo sư khiến cho họ được kiến lập nơi bậc A-la-hán chỉ trong vòng bảy ngày. Vào đêm trăng rằm tháng Magha Đức Phật Dpaṅkara ứng giữa một đám đông một trăm ngàn các vị tỳ khuru đã cùng nhau tụng Giới bản trong một tập thể đã được thiết lập bốn chi.[48] Bốn chi đó được gọi là: Tất cả đều là: “Thiện lai tỳ khuru.”[49]; tất cả đều chứng đắc lục thắng trí; tất cả đều đến mà không phải báo trước; và ngày trai giới là ngày rằm (trong hai tuần có ánh trăng.) [50] Đây là bốn chi và đây cũng là tăng đoàn thứ hai. Do đó người ta nói rằng:

IIB 199. Lại nữa, khi vị Chiến Thắng đã rút khỏi vùng núi (tách khỏi) Nārada, ta thấy xuất hiện một trăm ngàn người, đã đoạn tận các lậu hoặc, các vết nhơ đã biến mất.

199. Trong trường hợp này đã *rút khỏi vùng núi* có nghĩa là đã ra đi sau khi rút khỏi đám đông các vị tỳ khuru.

199. *Cùng đến với* có nghĩa là tụ họp lại.

Và khi các cư dân vùng Ấn độ đang tổ chức một lễ hội hàng năm trên đỉnh núi[51] chính lúc đó Đức Phật Dīpaṅkara, lãnh tụ thế gian, đã đến cư trú qua mùa mưa trên ngọn núi có tên là Sudassana. Người ta kể lại rằng các chúng sanh đã qui tụ lại để mừng lễ hội đó. Khi nhìn thấy đức Như Lai Thập Lực, họ nghe một bài thuyết giảng về Giáo pháp của ngài. Cảm thấy mãn nguyện và hài lòng họ đã xuất gia. Vào ngày Đại Lễ Tự Tứ [52] Đạo sư lại tổ chức một buổi thuyết pháp phù hợp với tình trạng tâm của họ. khi đã lắng nghe lời thuyết pháp đó và đã quán xét về Pháp hành [53] (construction) và họ đã chứng đắc A-la-hán bằng nhận tuệ giác từ từ và thánh đạo tuần tự. Rồi họ đã mời Đạo sư cùng với chín mươi ngàn vạn triệu vị tỳ khuru. Đây là tăng đoàn thứ ba, Do đó có người nói rằng:

IIB 200. Trong suốt thời gian vị anh hùng vĩ đại đang cư trú trên núi Sudassana vị đại ần sĩ được mời” với chín mươi ngàn vạn triệu vị tỳ khuru.

201. Vào thời đó ta là một vị ẩn sĩ búi tóc, rất nghiêm khắc trong những việc khổ hạnh, di chuyển trên không. Rất rành nghề thắng trí.

Đoạn kệ này được viết nhằm giải thích về các vị tiền bối[54] Trong tập Biên Niên Ký về Đức Phật Dīpaṅkara trong tập Atthasālinī. Đó là tập Chú giải về tác phẩm Dhammasaṅgan. [55] Nhưng trong tập Biên Niên ký sự về Đức Phật không có lý do tại sao điều đó lại không thích hợp. Tại sao thế? Điều này đã được nói tới ở trên trong chương bản tường trình về Sumedha[56]

Đang khi Đức Phật Dīpaṅkara đang thuyết pháp đã diễn ra cuộc thâu triệt pháp hội cho mười ngàn và hai mươi ngàn người. Không có xảy ra kết thúc những cuộc thâu triệt pháp hội cho một vài ba người. [57] chính vì thế Giáo Pháp của Đức Phật Dīpaṅkarā đã trở nên phổ biến rộng rãi nơi nhiều người. Do đó có người nói rằng:

[127] IIB 202. *Đã diễn ra việc thâu triệt Pháp hội với mười ngàn và hai mươi ngàn chúng sanh. Còn thâu triệt do một hai người là điều không thể đếm được bằng tính toán.*

202. Trong trường hợp này với *mười và hai mươi* có nghĩa là mười ngàn hay hai mươi ngàn người.

202. *Cuộc thâu triệt* Pháp hội có nghĩa là hiệu thâu đạo Pháp Tứ Diệu Đế.

202. *Do một hoặc hai* có nghĩa là do một cũng như hai. Ý nghĩa ở đây là theo cách thức bắt đầu như vậy (thâu triệt) được thực hiện với một, hai, ba hay bốn, mười người và vô số kẻ. Như vậy, vì sự thâu triệt là vô số kẻ (theo con số.) và tính chất to lớn của việc chứng đắc đã được nổi tiếng rộng khắp, và cách thức[58]. Được biết đến trong số nhiều người cũng như nơi các vị chư Thiên đã diễn ra thành công trong việc tu luyện tăng thượng giới, v.v... Và sự tiến tới chánh niệm và chánh định, v.v... Do đó người ta nói rằng:

IIB. 203. Giáo Pháp được tinh luyện kỹ càng của Đức Phật Dīpaṅkara đã rất nổi tiếng rộng khắp nơi chúng sanh, giáo pháp này rất thành công và phát triển rộng khắp.

203. Trong trường hợp này được *tinh luyện kỹ càng* có nghĩa là được tinh luyện một cách tinh vi do Đức Phật Dīpaṅkara thực hiện và tinh luyện.

Bốn trăm ngàn vị tỳ khưu đã chứng đắc Lục Thắng trí và có được sức mạnh thần thông đang tụ tập chung quanh Đức Phật Dīpaṅkara là đạo sư thuộc mọi thời đại. Và vào thời đó tất cả những ai là hữu học nhưng đã ra đi vào cõi thiên hằng họ thường bị coi thường - Ý định ở đây là chỉ những ai đã đoạn tận các lậu hoặc và chứng đắc hoàn toàn Níp Bàn. Chính vì thế Giáo Pháp của Đức Phật Dīpaṅkara được triển nở đầy đủ, rất thành công, chiếu rọi liên tục với các vị tỳ khưu đã đoạn tận các lậu hoặc. Do vậy người ta nói rằng:

IIB. 204. Có Bốn trăm ngàn người đã chứng đắc Lục thắng trí. Có sức mạnh thần thông to lớn, luôn vây quanh Dpañkarā, là đáng thể gian giải.

205. Coi thường những ai là hữu học vào thời gian họ từ già cuộc sống này như là các chúng sanh không thể chứng đắc được mục tiêu của mình.

206. Thế giới đang triển nở tối đa chiếu sáng liên tục nơi các vị A-la-hán là những người đã luôn kiên trì và đã đoạn tận các lậu hoặc và trở thành vô tỳ vết.

204. Trong trường hợp này *bốn trăm ngàn* có nghĩa là được thể hiện nơi con số; để chứng tỏ cho thấy rằng như vậy các vị tỳ khuru này đã là một con số cụ thể. *Chứng đắc lục thắng trí, và sức mạnh thần thông* ý nghĩa ở đây nên được hiểu như vậy. Hay thể chủ cách[59] nên được hiểu theo nghĩa sở hữu cách[60], những ai có được sáu thắng trí, và tiềm năng lực thần thông to lớn.

205. *Liên tục* có nghĩa là thường xuyên liên tục. Ý định ở đây là họ bao vây xung quanh ngài với Thập Lực và không rời bỏ Đức Phật bất luận họ phải đi đến đâu.

205. *Vào thời điểm đó* có nghĩa là vào lúc đó[61]. Đối với từ ‘samaya’ (thời gian, v.v...) có tới chín nghĩa bắt đầu với samavāya (biến cố). như người ta nói rằng:

[128] Đó là biến cố, sát na, thời gian, nhiều, nguyên nhân, và quan điểm, thu nhận được, và là từ bỏ và thấu triệt, có nghĩa là điều cần được xem thấy.*

Ở đây ta nên hiểu là thời gian: ý nghĩa là: vào thời điểm đó.

205. *Là các Chúng Sanh* có nghĩa là con người.[62]

205. *Vẫn chưa chứng đạt được mục tiêu* có nghĩa là: những ai chưa đạt đến được, chưa đạt được mục tiêu của mình - “mục tiêu” (manasa) đó là một biểu hiện tham ái. và biểu hiện tư duy và biểu hiện bậc A-la-hán. Như người ta nói rằng: mục tiêu như là cái bẫy đi xuyên qua cả không gian” ở đây mục tiêu được nói đến như là tham ái. Về điểm này người ta nghĩ rằng, “ý, tâm linh, mục tiêu, trái tim, sự sáng chói.” về vấn đề này cũng có thể là bậc A-la-hán. “Làm thế nào, được nổi tiếng nơi mọi người, một người là hữu học có thể kết thúc thời gian nghiệp chướng của mình mà vẫn chưa đạt được mục tiêu? Nhưng ở đây ta chỉ muốn nói đến bậc A-la-hán. Chính vì thế ý nghĩa ở đây là: Thánh quả của bậc A-la-hán vẫn chưa thể đạt được.[63]

205. *Những người hữu học*. Hữu học được hiểu theo nghĩa nào? Hữu học hiểu theo nghĩa chúng đắc Phật Pháp đối với những người mới bắt đầu và điều này được đề cập đến như sau: “Thưa ngài, người mới hữu học đến mức độ nào? Các vị tỳ khuru, ở đây một vị tỳ khuru là người chứng đắc hữu học chánh kiến... có được chánh định của người mới hữu học.”* Hơn thế nữa, những người mới hữu học tự tu luyện chính mình. Và có lời nói rằng: “Hỡi các vị tỳ khuru, người mới hữu học tự tu luyện chính mình, và như vậy người đó là người tự luyện tập. Chính vì thế người đó được gọi là hữu học. Và người đó tu luyện điều gì vậy? Người đó tự tu luyện tăng thượng giới, tu

luyện tăng thượng tâm, và luyện tập cho được tăng thượng tuệ. Người đó tự tu luyện cho chính mình vì thế ta gọi họ là người mới hữu học[64]**

* VA o 106tt. DA 31, M I, 7; SA I 9; AA i. 11; KhA 104 UdA 19. Pts A iii 530 Asl 57.

Vin I 21, S i 111, trích trong UDA 367. Ita 61, Asl 140. v.v...

Dhs 6, Vbh 87.

S. i 121 trích Pháp cú kinh (Dhammapada) I 432, Asl 140. việc ám chỉ ở đây là Về Godhika người đã tự vẫn trước khi đạt đến bậc A-la-hán, nhưng tuy nhiên ngài cũng đạt đến Níp-bàn.

* S. v. 14

** A i 231

206. *Triển nở một cách toàn diện* có nghĩa là đâm chồi nảy lộc một cách mỹ miều.

206. *Lời* (pāvacana) có nghĩa là lời tán dương (vacana). Hay là lời (pavavana) là lời (vavana) làm cho phát triển.. từ (pāvacana) chỉ đơn giản là từ (pavacana). Ý nghĩa ở đây là Giáo Pháp.

206. *Chiếu sáng* có nghĩa là soi rọi một cách sáng láng. Soi rọi liên tục.[65]

206. *Liên tục* có nghĩa là vĩnh viễn. “chiếu rọi trên thế gian này cùng với các chư Thiên” cũng thường được đọc thấy.

Thành phố của Đức Phật Dīpaṅkara được gọi là Rammavati; cha của ngài, một vị vua quý tộc sát đế li có tên là Sudeva, mẹ ngài là Sumedhā; Sumaṅgala và Tissa là hai tối thượng nam tinh văn của ngài; Thị giả của ngài tên là Sāgata; hai tối thượng nữ tinh văn của ngài là Nandā và Sunadā; Cây Bồ đề của Phật tổ là cây Pippali[66]. Ngài cao khoảng tám cubit. Tuổi thọ của ngài vào khoảng một trăm ngàn năm.[67]

Nhưng vì lý do gì ta chứng tỏ cho thấy các thành phố v.v... là nơi họ được sinh ra? Người ta nói rằng: Không ai biết thành phố nơi của người nào đó sanh ra thì cũng chẳng biết cha mẹ người đó là ai, nếu không hay biết thành phố nơi sanh, cũng như không biết gì về cha mẹ người đó, chẳng phải người đó là một chư Thiên hay Thiên Chủ (Sakka) hoặc Ma-vương hay Phạm thiên hoặc bất kỳ một chư Thiên nào khác. [129] Nghĩ rằng: Một điều lạ lùng như vậy cũng chỉ là chuyện bình thường thôi.[68] Có thể tưởng rằng người đó cũng không đáng được ta lắng nghe. Chính vì thế sẽ chẳng có thấu triệt pháp diễn ra; nếu không có thấu triệt diễn ra thì những lời của đức Phật sẽ trở thành vô dụng và Giáo Pháp chẳng là nhân tố dẫn đến giải thoát. Chính vì thế cách phân định ranh giới thành phố là nơi sanh v.v... của tất cả Chư Phật nên được nêu ra. Do vậy người ta nói rằng:

IIB207. Rammavatī là tên thành phố, Sudeva[69] là tên của một vị Quý Tộc Sát Đế Li, Sumedhā là tên của mẹ ngài Dīpaṅkara là một vị đạo sư.

213. Sumaṅgala và Tissa là tối thượng nam tinh văn, Sāgata là tên của thị giả Đức Phật Dīpaṅkara đạo sư.

214. Nandā và Sunandā là tối thượng nữ tinh văn. Cây Bồ đề của Đức Phật đó được cho là cây Pippal

216. V đại hiền triết Dīpaṅkara cao tám mươi cubit. Ngài toả sáng như một cây ánh sáng, như cây vương đế sālā đang đâm chồi xum xuê.

Tuổi thọ của vị Đại ẩn sĩ này vào khoảng một trăm ngàn năm. Sống lâu đến như vậy nên ngài tạo cho biết bao nhiêu người được vượt qua khổ ải.

Sau khi được Phát sáng giáo pháp và tạo cho nhiều chúng sanh vượt qua được triền cái. Ngài chiếu sáng rực giống như một đám lửa. Cùng với các đồ đệ của ngài, ngài đã tịch diệt.

Và Sức Mạnh thần thông đó và đám đồ đệ vĩ đại đó và những kho báu nơi chân ngài toàn bộ đều biến mất. Có phải toàn bộ những pháp hành đều trống rỗng cả chăng?

207. Trong trường hợp này *Sudeva tên của một Quý Tộc Sát Đế Lị* có nghĩa là Sudeva là tên của cha ngài, là đế vương Quý tộc Sát Đế Lị.

Người mẹ có nghĩa là người sinh thành[70]

214. *Pippali* có nghĩa là cây Bồ đề là một loại thuộc họ *Ficus religiosa*[71]

216. *Cao tám mươi cubit* có nghĩa là chiều cao khoảng tám mươi cubit.

216. *Giống như một cây ánh sáng* có nghĩa là giống như một cây ánh sáng toả sáng với các cuộn[72] ánh sáng và chùm hoa. Ngài đã được phú cho với một hình hài hoàn hảo theo chiều cao và chung quanh. Thân hình của ngài được trang điểm với Ba mươi hai tướng đại nhân và tám mươi tướng phụ. Đang khi Đức Phật còn sống trên đời này, ngài toả sáng, có nghĩa là ngài phát sáng[73] giống như một chòm sao chói lọi với muôn vàn ánh lửa và những ánh sáng lung linh dưới vòm trời.

216. *Giống như một cây vương đế đang đâm chồi xum xuê*. Có nghĩa là: giống như một cây Sālā vương đế đang trở bông với muôn vàn hoa trái nơi các chồi non và giống như cây Trầm Hương, cao hàng trăm do tuần (yojana) với muôn vàn hoa đang hé nở. Cũng giống như vậy Đức Phật cao tám mươi cubit toả sáng liên tục.

217. *Một trăm ngàn năm* có nghĩa là tuổi thọ của ngài kéo dài khoảng một trăm ngàn năm.

217. *Sống lâu đến như vậy* có nghĩa là sống một khoảng thời gian lâu đến như vậy.

[130] 218. *Giúp cho chúng sanh vượt được thác ghềnh* có nghĩa là chính ngài đã khiến cho chúng sanh vượt qua được[74] “khiến cho con người lần chừ Thiên vượt qua được” cũng là một cách dịch. Ý nghĩa của câu này là thế gian này cùng với các chừ Thiên.[75]

219. *Và sức mạnh thân thông tiêm tàng đó* có nghĩa là: tính cách tráng lệ đó, tính cách uy nghiêm đó.

219. *oàn tùy tùng* có nghĩa là những người đi theo tùy tùng[76].

219. *Toàn bộ đã tan biến hết*: ý nghĩa ở đây là những đặc tính tráng lệ đó, được nói đến đều đã biến mất hết, đều tan biến đi.

219. *Phải chăng toàn bộ những pháp hành đó đều trống rỗng cả sao?* Có nghĩa là: Phải chăng tất cả những gì là pháp hành đều trống rỗng, hư vô cả hay sao? Ý nghĩa ở đây là: chúng thường xuyên trống vắng bản chất thiết yếu, v.v...

Về vấn đề này, cho dù có phân định ranh giới theo thành phố v.v... Được truyền xuống trong bản văn. Ấy vậy có nhiều chủ đề lại không được để lại, hay đưa ra trước chúng ta cần được giải thích. Có nghĩa là phân định giới hạn bằng con trai, phân nh bằng người vợ, phân định bằng các toà lâu đài, phân định bằng cuộc sống gia đình, phân định bằng các vũ nữ, phân định ranh giới bằng việc xuất gia, phân định ranh giới bằng cuộc phấn đấu khổ hạnh, phân định ranh giới bằng ngôi chùa, bằng những người trợ lý[77] và lý do nhằm khai sáng những điều đó giống như những gì ta đã nói đến ở trên.[78]

Và rằng ngài Dīpaṅkara có tới một trăm ngàn cung nữ trong số đó người vợ chính của ông có tên là Padumā, và con trai của ông có tên gọi là Usabhakkhandha. Do vậy người ta nói rằng:

Vợ của ngài Dīpaṅkara có tên gọi là Padumā[79] - miệng của nàng có hình dáng một bông sen. Usabhakkhandha là con trai của đạo sư Dīpaṅkara

79

Và ba toà lâu đài của ngài được biết đến với tên là Hāṃsa. Koca, Myūrā. Ngài sống trong hoàng cung trong vòng mười ngàn năm.

80

Ngài đã xuất gia cưỡi trên lưng voi, vị Chiến Thắng cư trú trong công viên[80] Nanda, Nanda [81] có nghĩa là đem lại niềm vui sướng tốt độ cho thế gian, là tên người phụ tá của ngài

81

Có ba điều khác nhau giữa Chư Phật:[82] Khác nhau về tuổi thọ, khác nhau về chiều cao, khác nhau về gia cảnh, khác nhau về thời gian cần để phấn đấu khổ hạnh trước khi đạt đến Giác Ngộ, khác nhau về hào quang chiếu sáng.

Trong trường hợp này, khác nhau về tuổi thọ; thí dụ, chiều dài tuổi thọ của Đức Phật Dīpaṅkara là một trăm ngàn năm, tuổi thọ của Đức Phật chúng ta là một trăm năm. Khác biệt về chiều cao[83] có nghĩa là một số vị thì cao, số khác lại thấp; thí dụ. Dīpaṅkara cao tám mươi cubit. Còn Đức Phật chúng ta chỉ cao có mười tám cubit mà

thôi. khác biệt về gia cảnh có nghĩa là một số vị được sinh ra trong gia đình Quý tộc sát đế li, một số sinh ra trong gia đình Bà-la-môn; thí dụ như, Dīpaṅkara và một số vị khác sanh ra trong gia đình Quý tộc sát đế li, Kakusandha, Koṇāgamana và các vị khác sinh ra trong gia đình Bà-la-môn. Khác biệt về thời gian cần để phấn đấu khổ hạnh có nghĩa là một số thực hiện phấn đấu chỉ trong một thời gian ngắn như đối với Đức Phật Kassapa. [131] Đối với một số khác, như thế Đức Phật của chúng ta, thì cần đến một thời gian dài. Khác biệt về hào quang có nghĩa là các hào quang nơi thân hình Đức Phật Maṅgala lan toả ra tới mười ngàn cõi ta bà thế giới, còn hào quang của Đức Phật chúng ta chỉ vào khoảng độ một sải. Khác biệt về hào quang còn tùy thuộc vào khuynh hướng - tới mức độ một vị ước muốn. tới mức độ ánh sáng rực rỡ nơi thân hình thể chất của ngài toả sáng ra. Ý định của Phật Maṅgala là “chớ gì nó toả sáng đến mười ngàn cõi ta bà thế giới này...”

Nhưng không có gì khác biệt nơi bất kỳ vị nào về những ân đức đặc biệt lãnh hội được.

Và đối với toàn thể Chư Phật thì có bốn vị thể không thể thay đổi được[84]: đó là tư thể kiết già chỉ có một vị thể mà thôi; vị thể Chuyển Pháp Luân là ở tại Chư Tiên đọa xứ trong lộ giả cũng không thể thay đổi được; việc đặt bước chân đầu tiên vào cổng thành Saṅkassa vào thời điểm ngài giáng lâm từ cõi thần tiên[85] cũng không thể thay đổi được; vị thể bốn chân giường trong Hương Phòng tại Jetavana cũng không thể thay đổi và thiền viện không thể thay đổi cho dù có nhỏ hay lớn.[86]

Nhưng [87] có một sự khác biệt hơn nữa chỉ trong trường hợp Đức Phật của chúng ta mà thôi dưới góc độ phân định ranh giới thời gian đối với những ai sinh ra cùng thời với nhau. Và liên quan đến sự phân định các chòm sao hộ mệnh, có bảy vị này được sinh ra cùng thời với vị Bồ Tát Toàn Tri đó là Mẹ của Rāhula, trưởng lão Ānanda, Channa, Kanthaka, những hàm châu báu, cây cỏ thụ Bồ đề, Kāḷudāyin.[88]

Người ta kể lại rằng Vị Đại Nhân thọ thai xuống lòng mẹ, đã lên đường thực hiện một cuộc xuất gia vĩ đại. Chuyển Pháp Luân và thực hiện Song thông dưới chòm sao Uttarāsāḷha; hạ sanh và chứng đắc Chánh Đẳng Giác và tịch diệt nhập Níp Bàn dưới chòm sao Visākha, và rằng Tăng Đoàn các đồ đệ của ngài, và việc từ bỏ các sự việc cùng xảy ra về tuổi thọ lại xảy ra dưới chòm sao Māgha. Sau khi đã kể ra nhiều sự kiện như vậy ta phải giải thích rằng việc giáng trần từ cõi các thần tiên thì dưới chòm sao Assayuja. Điều này là sự phân định do rất nhiều yếu tố khác nhau.

Điều còn lại trong đoạn kệ coi như rất rõ ràng.

Chính vì thế Đức Phật Dīpaṅkara, đã thực hiện bốn phận của toàn bộ Chư Phật, đứng lúc ngài chứng đắc nhập tịch chung cuộc. Níp Bàn chẳng còn chấp thủ tái sanh hiện hữu nữa.

Trong niên đại Đức Phật Dīpaṅkara, đức Như Lai Thập Lực đã nổi lên (xuất hiện) thì cũng có ba vị khác nữa cũng đồng thời nổi lên đó là: Taṇhaṅkara, Medhaṅkara, Sāṇaṅkara. Họ không được bàn tới ở đây vì không thọ ký Bồ Tát lúc họ còn hiện hữu.

Nhưng để chứng tỏ trong tập Chú giải về toàn bộ Chư Phật đã nổi lên ngay từ lúc đầu niên đại đó nên người ta đã nói như sau:

Taṇhaṅkara, Medhaṅkara và rồi đến Saraṇaṅkara, và vị tỳ Giác Ngộ Dīpaṅkara, Koṇdañña người tối thượng nơi các con người.

Maṅgala và Sumana và Revata, Sobhita là hiền triết.

Anomadassin, Paduma, Nrada, Padumuttara. Sumedha, và Sujāta và Piyadassin là những người rất nổi tiếng lừng lẫy khắp nơi.

Atthadassin, Dhammadassin, Siddhattha là lãnh tụ thế gian này.

Tissa và Chánh Đẳng Phussa, Vipassin, Sikhin. Vessabhū, Kakusandha, Koṅgamana. và cả vị lãnh đạo Kassapa.

[132] Các vị này đã chứng đắc Chánh Đẳng Giác, chấp thủ biến mất, và chánh định.

Sau khi đã nổi lên giống như ngài đắc thủ hàng trăm hào quang, xua tan bóng tối bao la,

Toát ra trông tựa như một khối lửa cùng với các đồ đệ của các ngài, rồi các ngài tịch diệt.[\[89\]](#)

Kết thúc Chú giải ở mức độ này và không thực hiện bất kỳ giản lược nào hay mở rộng tập Chú giải Biên Niên Sử Kỳ về đức Phật Dīpaṅkara trong tập Chú giải Người Khai Sáng Ý Nghĩa Ngọt Ngào, là tập Chú giải Biên Niên Kỳ Sự về Chư Phật.

Đến đây kết thúc tập Biên Niên Kỳ đức Phật đầu tiên.

-ooOoo-

III. CHÚ GIẢI ĐỨC PHẬT KOṆDAÑÑA

Sau khi Đức Phật Dīpaṅkara đã viên tịch Níp Bàn, Giáo Pháp của ngài vẫn tiếp tục tồn tại kéo dài một trăm ngàn năm sau. Và Giáo Pháp của ngài chỉ tịch diệt sau khi các đồ đệ của ngài cũng tịch diệt vì chư vị muốn trở thành đồ đệ của Đức Phật[\[90\]](#). Kết quả là đối với ngài sau một A Tăng kỳ đã qua đi lại nổi lên trong đại kiếp[\[91\]](#) một đạo sư tên là Koṇdanñña. Sau khi đã chu tất được những (ba-la-mật) trong suốt mười sáu A-Tăng Kỳ và hàng trăm ngàn đại kiếp và sau khi đã thông thạo trí Giác Ngộ Ngài lưu lại trong một các nhân giống như Bồ tát Vessantara. Ngài đã từ trần khỏi nơi đó và tái sanh nơi cõi Trời Đâu Xuất. Ngài đã lưu lại đó trong suốt một thọ mệnh của ngài.[\[92\]](#) Nghe theo lời thỉnh cầu của các chư Thiên ngài đã tịch diệt khỏi cõi Trời Đâu Suất và đầu thai xuống cung lòng Sujātā, là hoàng hậu trong hậu cung nhà vua Sunanda trong thành phố Rammavatī. Trong thời điểm ngài thụ thai đã xuất hiện ba mươi hai điềm lạ như đã nói đến trong tập Biên Niên Sử Đức Phật Dīpaṅkara[\[93\]](#). Các chư Thiên chăm sóc và bảo vệ ngài kỹ càng, ngài đã xuất khỏi cung lòng mẹ ngài sau mười tháng. Ngài là người tuyệt vời nhất so với toàn thể chúng sanh, ngay lúc Đản sanh mặt ngài hướng về phía bắc, ngài đã bước bảy bước dài, quan sát khắp tứ

phương thiên hạ và thốt ra những lời tuyên bố oai nghiêm như sau: “Ta là kẻ hoàn hảo nhất trên đời này, ta là người anh cả trên thế gian này, ta là người tốt nhất trên đời này, đây là lần tái sinh cuối cùng của ta, giờ đây ta chẳng còn phải tái sinh nữa.” *

Khi đặt tên cho cậu bé vào ngày lễ đặt tên người ta đã đặt cho cậu một tên gọi là Koṇḍañña. Vì đức Phật này thuộc hoàng tộc Koṇḍañña. Ngài sở hữu ba toà lầu đài rất tuyệt diệu gọi là Rāma, Surāma, Subha. Trong các toà lầu đài đó có tới ba ngàn vũ nữ, rất giỏi khiêu vũ, ca hát và đàn nhạc luôn luôn lúc nào cũng túc trực để hầu hạ ngài. Người vợ chính thức của ngài có tên là Rucīdevī, [133] Tên con trai của ngài là Vijitasena. Ngài đã sống cuộc sống gia đình trong một thời gian là mười ngàn năm. Nhưng khi ngài đã nhìn thấy một người già, một người bệnh, một xác chết, và một người xuất gia. Ngài đã thoát ly (xuất gia) trên một chiếc xe có ngựa nòi kéo, ngài đã xuất gia và thực hiện phần đầu khổ hạnh trong vòng mười tháng. Và vị Hoàng tử Koṇḍañña đã xuất gia có tới mười vạn triệu chúng sanh cũng đã xuất gia theo gương ngài. Vây quanh là đoàn người này và sau khi ngài đã thực hiện phần đầu khổ hạnh trong vòng mười tháng, vào ngày rằm tháng Visākha trong ngôi làng Sunanda ngài đã tham gia một bữa tiệc ngọt có cơm sữa và mật ong làm đồ ăn do Yasodharā dâng cúng, người này là con gái một thương gia có bộ ngực nảy nở và cân đối. Sau khi đã trải qua[94] một ngày lưu lại tại cánh rừng Sāla được trang hoàng rất đẹp để với trái cây, chồi lộc, và nhánh cây non, và sau khi đã giải tán đám đông vào buổi tối ngài đã nhận tám bó cỏ khô do Sunandaka dâng cho ngài, ông này là một ẩn sĩ loa thể. Ngài đã đi vòng quanh cây sālā ẹp tuyệt trần ba vòng, hướng mắt ngắm hướng đông, và quay lưng về phía cây Bồ Đề[95] ngài đã rải đám cỏ khô rộng khoảng độ năm mươi tám cubit. Ngài ngồi xuống bắt đầu ngồi trong tư thế kiết già, và xác định quyết tâm về bốn yếu tố tinh tấn.[96] Ngài đã đẩy lui đạo quân Ma-Vương, tinh luyện Túc mạng minh trong suốt canh nhất, tinh luyện Thiên nhãn minh trong canh hai và canh cuối cùng ngài quán xét đến hiện trạng nhân duyên, thoát ra khỏi thiên thứ tư bằng thở ra và hít vào, ngài quán sát ngũ uẩn trọn vẹn năm mươi đặc tính liên quan đến sanh và diệt.[97] Sau khi đã tăng thêm tuệ quán về chuyển tánh trí[98], ngài thấu triệt chính xác hoàn toàn về Phật trí[99] toàn bộ trí về Bốn Thánh Đạo và bốn thánh quả, tứ tuệ phân tích, trí phân định ranh giới thông qua bốn cách sanh khởi,[100] trí phân định ranh giới thông qua năm giới hạn⁴, sáu loại trí không thể chia sẻ được (với người khác)[101]. Ý định của ngài được hoàn tất, ngay cả khi ngài còn đang ngồi thiền dưới gốc cây Bồ Đề ngài thốt lên lời tuyên bố long trọng sau đây:

* D ii 15, M iii. 123.

Thông qua rất nhiều lần tái sinh nơi kiếp luân hồi ta đã chạy đi tìm song không tài nào kiếm ra được một người xây ngôi nhà; đau buồn vì phải tái sinh liên tục.

Hỡi người xây cất nhà cửa, ta đã tìm thấy bạn, bạn sẽ không xây dựng kiến thiết nhà cửa nữa. Toàn bộ những òn tay của bạn cũng đã bị phá hủy hết. Cây tâm đông đã bị gãy tan tành; tâm đã chứng đắc vô vi. Tôi đã đạt đến diệt trừ ái dục.*

Giống như một giới hạn của một ánh lửa loé lên đưng phải ngay cái đe, từ từ phai tàn đi, và không còn ai biết đến nữa, chính vì thế chẳng ai có thể chỉ ra giới hạn cho những ai nhờ trí tuệ đã tự giải thoát mình một cách đúng đắn, và đã vượt qua những tham dục thân phược và bộc lưu và đạt đến được hạnh phúc không gì lay chuyển nổi.**

Sau khi đã trải qua chính xác bảy tuần lễ tại gốc cây Bồ Đề trong niềm vui triền miên chứng đắc thánh quả, vào tuần lễ thứ tám do đại phạm thiên thỉnh cầu, ngài suy nghĩ, “Giờ đây, ai là người đầu tiên ta phải thuyết Pháp cho đây[102]?” Đang khi ngài còn quán xét như vậy, ngài chứng kiến mười vạn triệu vị tỳ khuru xuất gia cùng với ngài, và ngài lại suy nghĩ. “Thực vậy, những bạn trẻ trong gia đình đã tích lũy được căn thiện [134] lại xuất gia theo ta, cùng với ta họ đã thực hiện cuộc phấn đấu khổ hạnh, và họ đã phục vụ ta. Nào, ta sẽ dạy cho họ Phật Pháp trước tiên.” Sau khi quán xét như vậy, ngài lại nghĩ, “Nhưng giờ đây họ đang sống ở đâu?” và ngó quanh ngài khám phá ra rằng họ đang sống cách xa tận mười tám do tuần (yojana) trong một cánh rừng thần tiên gần thành phố Amaravati[103] ngài lại suy nghĩ, “Ta sẽ đến đó để dạy họ Phật Pháp.” Cảm lấy bát khát thực và y cà sa, ngay cả một người khoẻ mạnh cũng có thể đuối tay ra rồi co tay lại hoặc co tay lại rồi đuối tay ra, thế là như vậy, ngài biến khỏi gốc cây Bồ Đề và xuất hiện nơi cánh rừng thần tiên.

Vào thời đó mười vạn triệu vị tỳ khuru đang sống trong cánh rừng Thần Tiên gần thành phố Amaravati. Thế rồi nhìn thấy ngài Như Lai Thập Lực xuất hiện từ xa, với tâm hoàn toàn mãn nguyện, các tỳ khuru này đã đến gặp đức Thế Tôn, nhận bát khát thực và y cà sa, sửa soạn một chỗ ngồi cho Đức Phật, và họ tỏ lòng kính lễ vị đạo sư và đang khi kính lễ Đức Thế Tôn họ ngồi xuống giữ một khoảng xa để tỏ lòng tôn kính vây quanh ngài. Ngồi đó trên chỗ ngồi của Đức Phật vây quanh[104] là một đoàn các nhà hiền triết, vây quanh[105] họ là những đoàn chư Thiên Tam Thập Tam, đức Phật Koṇḍañña, đức Như Lai Thập Lực, toả sáng giống như đức Như Lai Ngàn Mắt, [106] giống như mặt trời mùa thu tỏa sáng trên bầu trời trong sáng vô tỳ vết, giống như bao quanh là những chòm các vì sao. Rồi vị đạo sư, sau khi đã thuyết với họ Bài Thuyết Pháp không thể so sánh được về Chuyển Pháp Luân với ba luân và mười hai thể[107] theo thông lệ giống như toàn thể Chư Phật, tạo ra hàng trăm ngàn chư Thiên và con người dẫn đầu là mười vạn triệu các vị Tỳ khuru đang hưởng thức hương vị Phật Pháp Do vậy người ta nói rằng:

*. Dh. 153. Asl 18, Ja I 76 trích trong VA 16, KhA 12-13, SnA ii 392. UdA 208, xin đọc thêm Thag 183, 184.

** . Ud 93, Ap. Tr. 543, đoạn văn được trích ở tr. 236; đối với những tính cảm tương tự như vậy xin đọc Sn. 1074

III 1. Xuất hiện sau ngài Dīpaṅkara là vị lãnh tụ hồng danh là Koṇḍañña, người có tâm trong sáng bất tận, với đoàn tùy tùng đông đảo vô số kể, không dễ gì tấn công được ngài.

2. Trong kiên nhẫn ngài giống như trái đất này, có Giới đức giống như đại dương, có chánh định (concentration) giống như núi Meru, có trí tuệ với vợ giống như trời cao.

3. *Đối* với hạnh phúc các chúng sanh đức Phật Koṇdanñña đã kiên trì diễn giải những chân đế liên quan đến những quyền chính yếu, liên quan đến lực bí và những yếu tố tác thành Giác Ngộ và Thánh đạo.

4. Khi Đức Phật Koṇdanñña Chuyển Pháp Luân đã diễn ra việc thâu triệt pháp hội ầu tiên có tới một trăm ngàn vạn triệu người tham dự.

Trong trường hợp này *sau ngài Dīpaṅkara* có nghĩa là tiếp theo sau Đức Phật Dīpaṅkara.

Có hồng danh gọi là Koṇdaña có nghĩa là tên được gán cho ngài theo như truyền thống của bộ tộc.

1 *Người lãnh đạo* có nghĩa là người chỉ lối dẫn đường cho chúng sanh thoát khỏi (lậu hoặc).

1. *Tâm trong sáng vô tận* có nghĩa là lòng kính trọng vô tận thông qua giới đức của chính ngài, những ân đức đặc biệt và công đức. Từ địa ngục A tỳ Avīci phía dưới cho tới đỉnh cao sanh hữu phía trên, từ chỗ vượt khỏi không gian vô tận nơi giữa những thế giới vô biên [135] chẳng có được bất kỳ một cá nhân nào có thể sống chỉ có một lần mà nhìn vào gương mặt của ngài. Do đó: lòng kính trọng bao la này đã được đề cập đến.

1. *Có vô vàn vô số người đi theo* có nghĩa là một đoàn tùy[108] tòng bất tận vì không gian của đức Phật này kéo dài hàng trăm ngàn năm cho đến thời kỳ ngài viên tịch Níp Bàn chẳng có giới hạn nào để ước tính đến các vị tỳ khưu trong đoàn tùy của ngài. Chính vì thế “đoàn tùy tòng đông đảo” không đếm nổi cũng được nói tới như là “sự nổi tiếng vô song và những ân đức đặc biệt vô kể”.

Không thể đo lường được có nghĩa là vô số kể ở góc độ đo lường về số lượng những ân đức đặc biệt: vô số kể. Như được nói tới sau đây:

Cho dù một đức Phật nên ngợi khen một đức Phật.

Cho dù nếu ngài không thể kể hết trong một đại kiếp khác

Thì trong một thời gian chuyển tiếp hằng đại kiếp có thể trôi qua

Việc khen ngợi đức Như Lai sẽ chẳng bao giờ qua đi.*

Chính vì thế không thể đo lường được nói đến ở đây là vì các ân đức đặc biệt thì không thể đếm nổi.

1. *Khó lòng tán công* có nghĩa là khó có thể tiếp cận được. khó lòng tán công xuất phát từ đặc tính không thể tiếp cận được ngài để (đánh đòn), để ra tay[109]. Ý nghĩa ở đây chính là khó lòng có thể vượt qua được ngài,

*. Chú giải Trường Bộ Kinh (DA) 288, UdA 336, CpA 8

2. *Giống như trái đất* có nghĩa là tương tự như trái đất này.

2. *Trong kiên nhẫn* nghĩa là: trong kiên trì[110] người được coi như là “giống như trái đất này” xét dưới góc độ không bị lay động với toàn bộ những gì ngài đã chiếm hữu được cho dù có sáng khoái hay bất sáng khoái[111] v.v...y hết như trái đất vĩ đại, dày khoảng bốn mươi ngàn và hai trăm ngàn do tuần (yojana) (không thể lay động nổi) do một cơn gió bình thường.

2. *Nhờ giới đức giống như đại dương* có nghĩa là nhờ thu thúc giới ngài trở nên giống như đại dương có nghĩa là không vượt quá giới hạn bờ đại dương. Vì có lời nói rằng: “hỡi các vị tỳ khưu, đại dương thì ổn định, không thể tràn bờ được.”*

2. *Trong Chánh Định ngài tương tự như núi Meru* có nghĩa là: tương tự như ngọn núi Meru đây quang vinh không lay chuyển khi hiện trạng tâm tạo ra được những gì thù địch, chống lại chánh định. Ý nghĩa là: giống như vậy. Hay có nghĩa là, giống như núi Meru, hình thái vật lý thì rất vững chắc.

2. *Nơi trí tuệ tựa trời cao* có nghĩa là: về vấn đề này có một ẩn dụ đối với bản chất bất vô biên trí của Đức Phật được so sánh với không gian vô tận. Có bốn điều vô tận được Đức Phật nói tới như người ta nói rằng:

Tập hợp các sanh vật, và không gian cùng với các cõi thế giới bất tận,

Và vô biên trí của đức Phật không thể nào có thể xác định nổi.*¹

Chính vì thế một ẩn dụ về vô biên trí của đức Phật được thực hiện nhờ vào không gian vô tận.

3. *Việc giải Thích Các chân đế thuộc các quyền, các lực, các yếu tố cấu tạo thành Giác Ngộ, Thánh đạo* có nghĩa là bằng cách am hiểu hết những chân lý nơi các quyền, các sức lực, các yếu tố cấu tạo thành Giác Ngộ, Bát Chánh Đạo, cũng như am hiểu đến việc chuyên tâm chánh niệm, chuyên tâm phân đầu chính đáng (chánh tinh tấn), chuyên tâm nghiên cứu các tiềm năng căn bản của thần thông (thần túc). Chính vì thế ngài giải thích có nghĩa là ngài diễn giải Phật Pháp bằng việc giải thích ba mươi bảy pháp Giác chi bằng cách tận dụng đến bốn nhóm khả năng chủ yếu v.v...

3. Vì Hạnh Phúc có nghĩa là vì hạnh phúc của chúng sanh.

[136] 4. Đang chuyên[112] Pháp Luân có nghĩa là chính ngài ban cho[113] chúng sanh trí về giáo lý của ngài.

Rồi sau đó, các chư Thiên thuộc Thập Vạn Đại Thiên ta bà Thế Giới, tụ tập lại để nghe Kinh Điem Lành,[114]sau khi đã tạo ra những cá tính riêng thật tinh tế, cùng tụ họp lại nơi cõi ta bà thế giới này. Tại đó người ta nói rằng có một vị thiên tử đã đặt ra

một câu hỏi với đức Phật Koṇḍañña, đức Như Lai Thập Lực. Đức Thế Tôn đã đề cập đến phước lành[115] dành cho vị đó. Có đến chín mươi ngàn vạn triệu chúng sanh chứng đắc A-la-hán tại đó. Không có bất kỳ giới hạn nào đối với ước tính những người Nhập Lưu v.v...[116] Do đó người ta đã nói rằng:

*1. Vin. 237, A· iv 198, Ud 53

*2 I. 64

III. 5. Sau đó, khi ngài đang thuyết pháp cho đám đông các chư Thiên và con người một cuộc thâu triệt pháp hội lần thứ nhì đã diễn ra cho chín mươi ngàn vạn triệu chúng sanh.

5. Trong trường hợp này *sau đó* có nghĩa là tiếp theo ngay sau đó

5. *Khi ngài đang thuyết pháp* có nghĩa là khi Đức Phật đang giải thích Phật Pháp.

5. *Về con người và các vị chư Thiên* có nghĩa là thuộc con người cũng như những người bất tử.[117]

ang khi đức Thế Tôn thực hiện Song thông dưới vòm trời nhằm nghiền nát tính kiêu hãnh và tính tự cao tự đại của nhiều giáo phái khác nhau ngài đã diễn giải Phật Pháp. Có tám mươi ngàn vạn triệu người chứng đắc bậc A-la-hán. Người kiến lập ba thánh quả vượt quá mức dự đoán. Do đó có lời nói rằng:

III 6. Khi ngài diễn giải Phật Pháp, dẹp tan những ngoại giáo khác, một cuộc thâu triệt Pháp hội lần thứ ba[118] đã diễn ra cho khoảng độ tám mươi ngàn vạn triệu người.

²Người ta kể lại rằng sau khi Đức Phật Koṇḍañña đã chứng đắc Chánh Đẳng Giác ngài đã trải qua mùa mưa lần đầu tiên tại Chùa Canda gần thành phố Candavatī. Có người con trai của một người Bà-la-môn giàu có tên là Sucindhara có tên gọi là Candamānava[119] và con trai một người Bà-la-môn tên là Yasodhara là Subhaddamānava. Khi cả hai đã nghe giáo lý về Phật Pháp đối diện với Đức Phật Koṇḍañña với tấm lòng nhiệt tình, họ đã quyết định xuất gia quy Phật trước sự hiện diện của mười ngàn[120] thanh niên Bà-la-môn và đã chứng đắc bậc A-la-hán. Rồi đạo sư Koṇḍañña, vây quanh với một trăm ngàn vạn triệu chúng sanh có Trưởng Lão Subhadda dẫn đầu, đã tụng Giới bản vào ngày rằm trăng tròn tháng jettḥa. Đó là Tăng hội lần thứ nhất. Tiếp theo sau đó, khi Vijitasena, con trai của bậc Đạo sư Koṇḍañña ắc chứng A la hán, Đức Thế Tôn đã tụng giới Bản giữa một ngàn vạn triệu vị tỳ khưu với con trai ngài dẫn đầu. Đây là tăng đoàn thứ hai. Rồi sau đó ít lâu, đang khi ngài Thập lực Như Lai đang du hành ở vùng nông thôn ngài liền thực hiện xuất gia với toàn bộ nhóm người đó. Nhà vua Udena có một đoàn tùy tùng khoảng độ chín mươi vạn triệu người. Đức Phật có khoảng chín mươi vạn triệu các vị A-la-hán vây quanh cùng với nhà vua Udena đứng đầu sau khi ngài đã chứng đắc bậc A-la-hán. Đức Thế Tôn tụng Giới Bản. Đây cũng là Tăng Đoàn thứ ba. Do đó có thời nói rằng:

III 7. Ngài đại ân sĩ Koṇḍañña có ba Tăng Đoàn gồm những người trung kiên đã đoạn tận các lậu hoặc và vô tỳ vết, với tâm an tịnh.

8. Cuộc tụ tập đầu tiên gồm tới một trăm ngàn vạn triệu. Lần thứ hai lên đến một ngàn vạn triệu, lần thứ ba có chín mươi ngàn vạn triệu chúng sanh tham gia.

[137] Người ta nói rằng vị Bồ Tát của chúng ta, đang cư ngụ tại thành phố Candavatī, lúc đó là vua Chuyển Luân Vương tên là Vijitāvin. Vây quanh ngài có biết bao nhiêu người đầy vinh quang, ngài đã canh giữ họ bằng Giáo Pháp chứ không bằng gậy gộc hay đao kiếm, có nguồn nước trên núi Meru và Yugandhara và đồng ruộng rộng bao la đem lại biết bao nhiêu tài sản quý giá.^[121] Và ở ngay tại thời điểm đó vây quanh là hơn một trăm ngàn vạn triệu chúng sanh đã đoạn tận mọi lậu hoặc đức Phật Koṇḍañña đang đi du hành khắp miền nông thôn và đã đến được thành phố Candavatī đúng lúc.

Nhà vua Vijitāvin nghe biết tin đó liền nói, “Vị Chánh Đẳng Giác” đã đến thành phố chúng ta,” sau khi đã sửa soạn đón tiếp đức Thế Tôn và sửa soạn chỗ ở cho ngài cư ngụ tại đó, ngày hôm sau nhà vua đã mời ngài cùng với Tăng Đoàn các vị tỳ khuru, vào ngày kế tiếp ngài đã sửa soạn một bữa tiệc thịnh soạn thiết đãi ngài và Tăng Đoàn các vị tỳ khuru con số lên đến cả một trăm ngàn vạn triệu có đức Thế Tôn đứng đầu và nhà vua đã tổ chức một cuộc bố thí lớn. Khi vị Bồ Tát đã dâng cho đức Thế Tôn bữa ăn ngài đã nói sau khi ban phước. “Thưa ngài, xin lưu lại đây trong ba tháng để giúp đỡ chúng sanh.” và khi vị Bồ Tát xin Đức Thế Tôn như vậy, ngay lập tức ngài liền dâng tặng một Cuộc Bố Thí lớn không gì sánh bằng cho Tăng Đoàn các vị tỳ khuru có Đức Phật đứng đầu.

Rồi đạo Sư thọ ký về vị Bồ Tát như sau, “Trong tương lai ngài sẽ trở thành một vị Phật có tên là Đức Phật Cồ Đàm” và ngài đã diễn giải Phật Pháp, khi vị Bồ Tát nghe bài thuyết pháp của vị đạo sư ngài đã từ bỏ vương quốc, xuất gia quy Phật, thành thạo Tam Tạng, chứng đắc tám thiền chứng và ngũ thắng trí và ngài nhập thiền không gián đoạn. Rồi được tái sanh nơi Cõi Phạm Thiên. Do vậy người ta nói rằng:

III 9. Vào thời đó ta là một Quý Tộc Sát Đế Lị tên là Vijitāvin, ta đã thống trị từ đầu tới cuối đại dương.

Ta đã bồi dưỡng với thực phẩm tuyệt vời một trăm ngàn vạn triệu bậc lậu tận, những đại ân sĩ cùng với người bảo vệ cao nhất cho thế gian.

Và đức Phật Koṇḍañña, là lãnh tụ thế giới cũng đã thọ ký về ta: “vô số những đại kiếp kể từ nay người này sẽ trở thành đức Phật trên cõi đời này.

Sau khi đã cố gắng phấn đấu, thực hiện những điều khổ hạnh, vị Chánh Đẳng Giác rất nổi tiếng sẽ chứng đắc Giác Ngộ ngay dưới gốc cây Bồ Đề Assattha.

Người bảo mẫu cũng là mẹ của ngài sẽ có tên là Māyā. Cha của ngài là Suddhodana, và ngài sẽ có hồng danh là Cồ Đàm.

Kolita và Upatissa sẽ trở thành tối thượng nam tinh văn của ngài, nanda là tên của người thị giả sẽ phục dịch cho vị Chiến thắng.

15. Khemā và Uppalavaṇṇā là hai tối thượng nữ tinh văn của ngài. Cây Bồ Đề của đức Thế Tôn đó được cho là cây Assattha.”

[138] 17. Khi họ đã nghe những lời thọ ký của vị đại ẩn sĩ ngài là người không ai sánh nổi, thì cả chúng sanh và các chư Thiên đều hân hoan nghĩ rằng, “Đây là mầm lộc Phật Tồ.”

18. Những lời tung hô vẫn cứ tiếp tục vang dội: Các cư dân thuộc cõi Thập Vạn Đại Thiên ta bà Thế Giới cùng với các vị chư Thiên vỗ tay cười đùa và tỏ lòng kính lễ ngài với tiếng vỗ tay vang dội.

(Nói rằng) “Nếu chúng ta thất bại với Giáo Pháp của vị bảo vệ thế gian này, trong một tương lai nào đó chúng ta sẽ phải đối mặt với một người này.

Giống như các con người vượt sông nhưng không tìm được chỗ có thể vượt qua được đến bên bờ bên kia, lại sử dụng một chỗ cạn thấp hơn để vượt qua sông cái.

Ngay cả như vậy, tất cả chúng ta, nếu như chúng ta nhớ lời của vị Chiến Thắng này, trong tương lai xa chúng ta sẽ phải đối mặt với vị này.

Khi ta đã nghe thấy lời của ngài càng ngày ta càng có chiều hướng ngã theo. Để đem lại hiệu quả cho chính mục tiêu đó ta đã dâng vương quốc rộng lớn của ta cho vị Chiến Thắng này, sau khi đã từ bỏ vương quốc, ta đã xuất gia đi theo ngài.

Sau khi đã học hỏi cẩn thận Kinh Tạng Và Luật Tạng và toàn bộ Giáo Pháp chín chi phần của vị đạo sư. Ta soi sáng Giáo Pháp của vị Chiến Thắng.

Trong trường hợp này sống chuyên cần, cho dù có ngồi, đứng hay nằm sau khi đã đạt đến toàn hảo nơi những thăng trí ta sẽ đi đến cõi Phạm Thiên.[\[122\]](#)

9. Trong trường hợp này *trong thời gian đó* có nghĩa là ta đang ở trong thời gian đó [\[123\]](#)

9. *Tên là Vijitāvin* có nghĩa là Vua Chuyển Pháp Luân được gọi như vậy.

9. *Từ đầu tới cuối đại dương* về điểm này có nghĩa là: biến những ngọn núi biên cương thế gian trở thành vùng biên giới, ranh giới, làm cho biển trở thành cùng tận. *Ta đã thống trị* đến điều này không mấy rõ ràng.

Họ cho là nhà vua, chuyển luân vương, nhờ vẻ oai phong nơi bảo luân xa, đã duy trì núi Sineru ở bên trái, đã vượt biển đến tận Pubbavideha ông thắng thần châu cách xa khoảng tám ngàn do tuần (yojana) [\[124\]](#), nhà vua, chuyển luân vương, đã ưa ra lời động viên tại đó, nói rằng, “Không được sát sanh, không được lấy những gì không thuộc quyền ta sở hữu, không được tà tâm, không được nói dối, không được uống

rượu và các chất say, nên ăn uống có điều độ. [125] Khi ngài đã đưa ra những lời động viên như vậy [126], bảo luân xa sau khi đã nổi lên khỏi mặt đất liền lao xuống vùng biển phía đông; và bảo luân xa lao xuống đến độ khiến cho sóng biển phải ngưng chuyển động. Đang khi nước biển lùi lại thành một hồ sâu đo được cả một do tuần (yojana) [139] và rồi nước biển dừng lại, giống như một bức tường thành lục ngọc thạch ở cả hai bên mặt biển, trông rất là ngoạn mục. Khi đã vượt tới bờ phía đông bên kia đại dương, bảo luân xa liền quay trở lại. Và đang khi bảo luân xa quay trở lại thì đoàn người đó đi đầu, nhà vua, chuyển luân vương đứng ở giữa, và bảo luân xa ở cuối. Và hầu như không chịu nổi cảnh chia hai ra như vậy nơi đường biên phân chia [127] khối nước đó liền đổ ập trở lại phía bờ biển đụng tới đường biên của bánh xe. Như vậy sau khi biến Pabbavideha ông thẳng thân châu dòn về phía đường biên bờ biển phía đông vì muốn tàn phá Jambudipa cho đến tận bờ biển phía nam, nhà vua, chuyển luân vương đã di chuyển về biển phía nam. Theo cách thức bảo luân xa chỉ cho. Sau khi đã chinh phục được Nam thiên bộ châu (Jambudipa) rộng khoảng mười ngàn do tuần (yojana) [128] quay phần đuôi về phía biển nam, và di chuyển dọc theo cách thức đã mô tả ở trên để rồi đánh bại luân vương quốc Aparagoyāna Tây ngưu hóa châu, rộng khoảng bảy ngàn² do tuần (yojana) và đang lúc chinh phục được biên giới đại dương và vượt qua từ phía biển tây, đi dọc theo như trước đó để chinh phục luân nước Uttarakuru Bắc cưu lưu châu rộng khoảng tám ngàn [129] do tuần (yojana) và chinh phục luân biên thủy vùng biển đó như trước. Bảo luân xa lại quay đuôi trở lại vùng biển hướng bắc. Tới mức độ này thế lực của nhà vua, chuyển luân vương, đã đạt được trên mặt đất do đại dương bao bọc. Do vậy người ta nói rằng: *Ta đã thông trị trên biển cả từ vùng cùng cực này đến vùng cùng cực khác.*

10. *Một trăm ngàn vạn triệu (crore) [130] có nghĩa là một trăm ngàn vạn triệu hay đây chính là một cách giải quyết.*

10. *Vô tỳ vết có nghĩa là những lậu hoặc của họ đã đoạn tận.*

10. *Với vị bảo vệ cao nhất thế gian này có nghĩa là: một trăm ngàn vạn triệu cũng với đức Như Lai Thập Lực.*

10. *Cùng với thực phẩm cao cấp có nghĩa là: với thực phẩm cao quý nhất.*

10. *Ta đã được tươi trẻ trở lại có nghĩa là được sung sức [131] trở lại.*

11. *Vô số đại kiếp kể từ bây giờ trở đi có nghĩa là: trong một Hiền kiếp [132] Khi một trăm ngàn đại kiếp và ba A Tăng kỳ kể từ bây giờ đã qua đi.*

Cuộc phân đấu có nghĩa là cố gắng.

Hiệu quả là mỗi mục tiêu có nghĩa là làm trọn, mang lại hiệu quả, hoàn tất chính mục tiêu đó đối với quả Phật như bồ thí Ba la mật mà ra.

Vương quốc vĩ đại có nghĩa là vương quốc của vua chuyển luân vương.

Đôi với kẻ chiến thắng có nghĩa là đôi với Đức Thế Tôn. Hay là định sở cách ở đây (Jine) nên được hiểu như là chỉ định cách ở đây.

Ta ban cho có nghĩa là ta ban tặng cho^[133] “hiệu quả mang lại như vậy” có nghĩa là ta nên hiểu có liên quan đến vấn đề (bố thí) này. Một số người lại hiểu là “ta ban tặng^[134] vương quốc vĩ đại cho Bậc Chiến Thắng (Đức Phật) “

Sau khi đã từ bỏ có nghĩa là sau khi đã ban tặng cho.

Kinh (Suttanta) có nghĩa là Kinh Tạng.

23. *Luật (Vinaya)* có nghĩa là Luật Tạng.

23. *Chín chi phần* có nghĩa là chín chi bắt đầu với Khế Kinh, ng tụng.^[135]

23. *Được Giáo Pháp của vị Chiến Thắng (Đức Phật) soi sáng* có nghĩa là ta được trang điểm với những truyền thống phổ biến^[136] rộng khắp và những thực chứng^[137] siêu nhiên.

Trong đó có nghĩa là Nơi Giáo Pháp của Đức Thế Tôn.

Chuyên cần có nghĩa là sở hữu được chánh niệm.

[140] 24. *Ta tiến vào cõi Phạm Thiên* có nghĩa là ta đi tới^[138] Cõi Phạm Thiên.

Và thành phố của đức Phật Koṇḍañña có tên gọi là Rammavatī. Cha của ngài là một Quý Tộc Sát Đế Lị tên gọi là Sunanda, Sujātā là tên của hoàng hậu mẹ ngài. Hai tối thượng nam tinh văn của ngài có tên gọi là Bhadda và Subhadda, người thị giả của ngài có tên gọi là Anuruddha, Tissā và Upatissā là hai tối thượng nữ tinh văn của ngài, cây Bồ Đề của ngài là cây cổ thụ dễ thương sālā. Thân hình của ngài cao khoảng tám mươi tám cubit. Tuổi thọ của ngài là một trăm ngàn năm. Tên vợ ngài là Rucī, con trai của ngài là Vijitasena,^[139] nhà vua là trợ lý người đời của ngài tên Canda; người ta kể rằng ngài trụ trì tại Chùa Canda. Do đó có người nói rằng:

25. Rammavatī là tên thành phố ngài cư trú, Sunanda là tên của vị Quý Tộc Sát Đế Lị, Sujātā là tên của mẹ đức Phật Koṇḍañña một ẩn sĩ.

30. Bhadda và Subhadda là hai tối thượng nam tinh văn của Đức Phật. Anuruddha là tên thị giả của Đức Phật Koṇḍañña, vị đại ẩn sĩ.

31. Tissā và Upatissā là hai tối thượng nữ tinh văn của ngài. Cây Bồ Đề của ngài Koṇḍañña, vị đại ẩn sĩ, tên là cây Sālā thật đáng yêu.

33. Nhà đại ẩn sĩ cao tám mươi tám cubit. Ngài tỏa sáng tựa như mặt trời giữa ban ngày, như thế quốc vương thuộc các thiên thể vậy.

34. Tuổi thọ bình thường của ngài kéo dài khảng một trăm ngàn năm. Sống kéo dài đến như vậy ngài đã giúp cho nhiều người vượt thắng được (bộc lưu).

35. Thế gian này được trang điểm với những người đoạn tận các lậu hoặc và trở thành vô tì vết. Tựa như trời cao với các thiên thể thiên đàng vậy. chính vì thế ngài cũng tỏa sáng như vậy.

36. Và với vô số những long vương Naga rất nổi tiếng, không nao núng, khó lòng bị tấn công. Đã tự tan biến đi trông tựa như là một luồng chớp.

37. Và sức mạnh thần thông của ngài chẳng bao giờ phải hiệu chỉnh, và chánh định của ngài được trí tuệ thôi thúc đã tịch diệt. Liệu có phải toàn bộ những pháp hành đó đều chỉ là trống rỗng hay sao?

31. Một cây *Sālā*^[140] dễ thương có nghĩa là một cây *Sālā* vô cùng yêu quý. Cây xuất hiện vào thời điểm của một đức Phật và vào thời gian một vị chuyển luân vương mà thôi. Chứ không phải bất kỳ người nào khác. Người ta kể lại rằng cây chỉ xuất hiện duy nhất có một lần.

35. Thế gian này được trang điểm với nhiều người đã đoạn tận các lậu hoặc và vô tì vết. Có nghĩa là trái đất này trông thật đáng yêu biết nhường nào khi được trang điểm với chỉ một ánh sáng rực rỡ màu vàng y cà sa của những vị đã đoạn tận các lậu hoặc và vô tỳ vết.

35. *Giống như* có nghĩa là: đây chỉ là một tiêu từ hiểu theo nghĩa như là một (ẩn dụ)

[141] 35. Với những thiên thể trên trời có nghĩa là với các chòm sao. Như thể chiếc vòm dưới bầu trời với những đám tinh tú, trái đất được tỏa sáng rõ ràng được trang điểm với những người đã đoạn tận các lậu hoặc.

36. Không nao núng nghĩa là không lay chuyển, không xao động vì tám pháp thế gian^[141].

36. Tự^[142] tỏa sáng giống như một tia chớp có nghĩa là họ tự³^[143] chứng tỏ cho thấy chính mình tỏa sáng giống như một tia chớp “Tia chớp”^[144] cũng là một cách giải thích, người ta nói rằng với thời điểm đức Phật Koṇḍañña khi các vị tỳ khưu chứng đắc Níp Bàn chung cuộc các ngài bay lên trời cao khoảng bảy cây dừa trên không, hoàn toàn được tỏa sáng, giống như tia chớp, qua kẽ hở của đám mây và nhập vào hỏa giới và tan biến đi hoàn toàn^[145]. Giống như lửa tan biến đi chẳng còn gì được giữ lại^[146]. do đó mà người ta cho rằng: tự cho thấy giống như một ánh chớp.

37. Không thể định cỡ được có nghĩa là không được xác định kích cỡ, ^[147] chỉ duy nhất.

37. Được thôi thúc nhờ trí tuệ có nghĩa là tiến tới thông qua trí tuệ có được.

Theo như phương pháp chúng ta đề cập đến ở trên những đoạn kệ còn lại đã quá rõ ràng.

ức Phật Koṇḍañña, vị Chánh Đẳng Giác viên tịch tại công viên Canda đầy thú vị; điện thờ được xây dựng dâng cúng ngài rộng vào khoảng bảy do tuần (yojana)[\[148\]](#)

82

Vì họ đã không phân tán xá lợi của vị đạo sư này; toàn bộ xá lợi của ngài vẫn được giữ nguyên vẹn. Giống như một hình tượng[\[149\]](#) bằng vàng.

83

Những thần dân[\[150\]](#) cư trú trong toàn cõi Nam diêm phù đề (Jambudipa) đã qui tụ lại và hoàn tất xây cất điện thờ, rộng khoảng bảy do tuần (yojana) bao gồm bảy loại đá quý, và tường điện thờ họ đã cho trét một loại bột thạch tín màu vàng và màu đỏ và dùng chất kết dính gồm có dầu vừng và bơ tinh khiết.

Đến đây kết thúc phần Chú giải về đức Phật Koṇḍañña. Cũng kết thúc luôn biên niên ký về đức Phật thứ hai.

-ooOoo-

IV. CHÚ GIẢI ĐỨC PHẬT MAṄGALA

Ngay sau khi đạo Sư Koṇḍañña đã chứng đắc Níp Bàn, Giáo Pháp của ngài vẫn còn được tiếp tục lan truyền khoảng độ một trăm ngàn năm nữa. Sau khi các đồ đệ của Phật Koṇḍañña[\[151\]](#) biến mất thì Giáo Pháp của ngài cũng biến mất theo. Và tiếp theo sau đức Phật Koṇḍañña, chỉ sau một A-tăng-kỳ trôi qua có tới bốn đức Phật được khởi sanh trong cùng một đại kiếp, đó là Maṅgala, Sumana, Revata, Sobhita.[\[152\]](#) Trong đó có đức Phật Maṅgala [\[153\]](#) là lãnh tụ thế gian, sau khi đã hoàn tất toàn bộ những pháp Ba la mật trong suốt mười sáu (A-tăng-kỳ) và một trăm ngàn đại kiếp. Ngài được hạ sanh tại thành phố cõi trời đầu suất và cư ngụ tại đó trong suốt cuộc đời của ngài (tuổi thọ). Có một náo động về Đức Phật[\[154\]](#) (lời đồn thổi) nổi lên với năm điềm báo.[\[155\]](#) Bởi vậy các chư Thiên thuộc Thập Vạn Đại Thiên ta bà Thế Giới đã tụ tập lại trên cõi đời này mà yêu cầu ngài, nói rằng:

[142] Đây chính là thời điểm dành cho ngài: vị đại anh hùng, hãy giáng sanh vào trong bụng mẹ. Giúp đỡ con người cũng như chư Thiên vượt qua mọi lụt lũ, mong rằng ngài được Giác Ngộ pháp bất tử.[\[156\]](#)

Sau khi các chư Thiên đã yêu cầu như vậy, ngài liền tịch diệt khỏi nhóm cõi Trời Đầu Suất và ngài đã thực hiện năm điều thăm sát vĩ đại[\[157\]](#). Ngài đã giáng sanh trong lòng hoàng hậu tên là Uttarā trong hậu cung của một vị vua có một không hai (anuttara) tên là Uttara tại thành phố Uttara, trôi vượt hơn trên hết mọi thành phố. Thế rồi có muôn vàn điềm lạ xuất hiện – điều này nên được hiểu một cách chính xác

theo như phương pháp được đề cập đến trong Ký Sự Niên Đại về đức Phật Dipaṅkara^[158]

Kể từ thời gian khi Đại Nhân Maṅgala, một điềm lành cho toàn thể thế giới, đã giáng sanh trong cung lòng đại hoàng hậu Uttarā, vẻ đẹp lộng lẫy thân hình hoàng hậu, lan tỏa khắp vùng ngày cũng như đêm ở mức độ tám mươi cubit, luôn tồn tại không bao giờ tắt cùng với ánh sáng mặt trời mặt trăng. Và vẻ đẹp lộng lẫy nơi cơ thể của ngài đã đầy lùi hoàn toàn bóng tối không còn một vệt sáng nào khác, luôn di chuyển đó đây khi hoàng hậu được sáu mươi tám bà mẹ nuôi chăm sóc. Họ cho là với sự trợ giúp của các chư Thiên cuối cùng hoàng hậu đã Đản sanh sau mười tháng mang thai Đại Nhân Maṅgala ngay trong nơi vui chơi giải trí Uttara-madhura. Ngay sau khi Đại Nhân được Đản sanh, đang khi quán xét khắp tứ phương thiên hạ và bước đi bảy bước hướng về phía bắc, ngài đã thốt lên một câu hết sức uy nghi.^[159] Trong khi đó các vị chư Thiên thuộc Thập Vạn Đại Thiên tà bà Thế Giới cũng có mặt lộ nguyên hình với thân hình và tay chân các ngài được trang điểm với các vòng hoa chư Thiên, miệng luôn phát ra những lời chiến thắng, những điềm lành và những lời ngợi khen. Và lại xuất hiện những điều lạ lùng như đã được đề cập đến ở trên.² Và đến ngày lễ đặt tên cho ngài những người giải thích điềm lạ nói rằng: “Ngài đã giáng trần với toàn bộ vẻ huy hoàng rực rỡ của một điềm lành.” Thế nên người ta đã đặt tên cho ngài là Maṅgala (có nghĩa là điềm lành).

Ngài có ba toà lâu đài có tên lần lượt như sau: Yasavā. Sucimā, Sirimā. Có tới ba mươi ngàn vũ nữ hầu hạ ngài đứng đầu là Yasavatī. Trong khoảng chín ngàn năm Đại Nhân đã trải qua hạnh phúc tại đó, giống như niềm hạnh phúc do chư Thiên đem lại. Ngài đã sanh hạ một người con trai tên là Sīlava do người vợ của ngài tên là Yasavatī. Khi ngài đã nhận ra bốn điềm lạ và đã xuất gia thông qua một đại xuất ly trên một chiến mã có vẻ đẹp thật rực rỡ, được trang hoàng kỹ lưỡng có tên là Paṇḍara. Thế là ngài đã xuất gia trong hoàn cảnh đó, trong một cuộc xuất gia quy có đến ba vạn triệu. Những người xuất gia theo gương của ngài đã vây quanh Đại Nhân và cố gắng thực hiện phần đầu khổ hạnh trong tám tháng.

Và rồi sau khi đã dùng bữa ăn cơm sữa ngọt gồm chất dinh dưỡng chư Thiên đã được đem đến hầu ngài vào ngày rằm tháng Visākha do Uttarā dâng cúng, nàng là con gái một thương gia tên là Uttara đang cư ngụ tại làng Uttara, ngài đã trải qua một ngày tạm trú trong khu rừng Salā. Ngài đã nhận tám bó cỏ khô do Uttara, một ẩn sĩ sống lỏa thể dâng cúng ngài và đi tiếp tục giống như một con voi động dục bao vây quanh cây Bồ Đề Nāga (kim-mộc). Ngài đứng về phía đông bắc và trải những năm cỏ khô xuống một khoảng rộng tới năm mươi tám cubit. Ngồi thiền kiết già tại đó, ngài quyết tâm một cách dứt khoát dựa trên tinh tấn đạt đến được bốn yếu tố tinh cần,^[160] ngài đã đập tan Ma-Vương cùng với đoàn quân của hắn. Chứng đắc Túc mạng minh và thiên nhãn minh. Nghiên ngẫm về những trạng thái nhân duyên, ^[143] quán xét ngũ uẩn có liên quan đến vô thường v.v..., đến đúng thời gian quy định ngài chứng đắc Chánh Đẳng Giác có một không hai và thốt lên những lời tuyên bố long trọng sau đây:

“Thông qua biết bao nhiêu lần tái sinh nơi kiếp luân hồi... ta đã chứng đắc huỷ diệt mọi ái dục [161]

Vẻ rực rỡ thân hình Maṅgala, đấng Chánh Đẳng Giác, còn trội vượt hơn cả vẻ rực rỡ của Đức Phật Cồ Đàm. Vì trong khi vẻ rực rỡ nơi thân hình Đức Phật chỉ do được tám mươi cubit hay một luồng sáng chung quanh thân hình, còn của Đức Phật Maṅgala lại tồn tại vĩnh viễn tỏa sáng tới Thập Vạn Đại Thiên ta bà Thế Giới. Cả cây cối, đồi núi, vách đá, tường thành dày, cổng thành cứng v.v.. Đều có thể xuyên qua tựa như che phủ bằng một miếng vải vàng. Tuổi thọ của ngài kéo dài chín mươi trăm ngàn năm. Đối với toàn bộ những người cùng thời tuổi thọ chỉ kéo dài vào khoảng chín ngàn năm trở lại. Đối với toàn bộ thời gian có ánh sáng rực rỡ của mặt trăng, mặt trời, và các ngôi sao, v.v... lại không rõ ràng. Cũng như sự phân định giữa ngày và đêm [162] Vào ban ngày chúng sanh đi đây đi đó làm đủ thứ mọi công việc nhờ hào quang liên tục của vị Chánh Đẳng Giác soi chiếu như thể ánh sáng mặt trời và chúng sanh nhận ra được sự phân định giữa ngày và đêm theo cách hoa nở vào ban sáng và chim kêu vào buổi tối. Nhưng chẳng còn đức Phật nào có được uy quyền này hay sao? Họ không thể có được như vậy đâu, cho dù những vấn đề này có nhiều đức Phật muốn được tỏa sáng khắp Thập Vạn Đại Thiên ta bà Thế Giới hay vượt trội hơn cả về ánh sáng nữa. Chỉ có vẻ rực rỡ thân xác của Đức Phật Maṅgala mới tồn tại liên tục tỏa sáng hàng trăm ngàn Thập Vạn Đại Thiên ta bà Thế Giới như vậy. Ngay cả chỉ là vẻ rực rỡ của một hào quang nơi Chư Phật khác cũng chỉ là vẻ rực rỡ khoảng độ một sải tay so với ước ao của đức Phật Maṅgala vẫn tồn tại vĩnh viễn tỏa sáng khắp cõi Thập Vạn Đại Thiên ta bà Thế Giới ngay cả vàng sáng của một vàng hào quang của các vị khác chính là vàng sáng chỉ vào khoảng một sải dựa trên ước vọng tiền kiếp mà ra.

Người ta nói rằng vào một thời điểm ngài còn là một vị Bồ Tát với đặc tính cá nhân giống hệt như Bồ tát Vessantara, ngài đang sống với vợ và các con trên đỉnh một ngọn núi có tên gọi là Vaṅka. [163] Thế rồi có một con yêu tinh ăn thịt người [164] tên là Kharadāṭhika đã quấy rối liên tục tất cả mọi chúng sanh, nghe thấy khuynh hướng của vị Đại Nhân đối với việc bố thí, yêu tinh liền giả đồ thành một người Bà-la-môn và hỏi ngài về hai đứa nhỏ. Vị Đại Nhân suy nghĩ, “Ta sẽ đưa cho người này hai đứa con của ta chẳng.” Ngài đã vui vẻ và hoan hỷ trao hai đứa con cho yêu tinh, ngay lập tức đất rung chuyển đến tận bờ đại dương. Thế rồi đang khi Đại Nhân vẫn còn nhìn thấy con yêu tinh, nó liền bỏ chân tướng là người Bà-la-môn và túm lấy hai đứa nhỏ rồi bóp chúng thành một nhúm rễ sen có thể ăn được. Hai con mất đồ ngẫu vì không thoả mãn và rất hăng hái hung dữ, những chiếc răng khủng khiếp rất thô bạo và dài, thân hình nó giống như một khúc gỗ dài bằng tám thân cây dừa. Khi Vị Đại Nhân nhận ra con yêu tinh và nhìn thấy cái mòm trông trơn của nó đầy máu ướt xũng giống như những ngọn lửa tắt ngấm. Ngay cả đến lúc này ngài chẳng có mấy may buồn sầu nhỏ nhoi [165] nào nổi lên cả. [166] Trái lại lòng nhiệt tình và sung sướng lại tràn đầy thân xác ngài. Ngài liền có lời ước, “Kết quả của việc này chớ gì ánh hào quang phát ra từ ta cũng như vậy trong tương lai.” Ngay tức khắc kết quả của lời ước này được thể hiện, những tia hào quang xuất phát ra từ thân xác ngài sau khi ngài trở thành một đức Phật và tràn ngập cả một vùng ở mức độ chúng ta đã nói đến ở trên.

Và lại có một biến cố[167] khác nữa xảy ra. Người ta kể lại rằng: khi ngài Bồ Tát nhìn thấy thánh điện của đức Phật[168] [144] ngài đã suy nghĩ “Ta phải hy sinh mạng sống của ta cho ngài.” Rồi ngài lấy vải quấn chặt vòng quanh thân mình giống như tay cầm một cây đèn nhỏ được bọc quanh lại, và rồi ngài đổ đầy bơ tươi bóng láng trên đó giống như đổ bơ vào chiếc bình vàng được nạm đá quý trị giá cả hàng trăm ngàn đồng tiền vàng (Kahapana), rồi lấy lửa thắp lên một trăm ngàn chiếc tim đèn và ngài dự tính lấy lửa đốt cháy toàn bộ thân xác của mình từ đầu xuống chân. Ngài đã đi vòng quanh điện thờ trong tình trạng như thế. Nhưng đang khi phấn đấu như vậy cho tới sáng, thì chẳng có may mắn một lỗ chân lông của ngài bị cháy xém cả, như thế trong thời gian đó ngài đã đi vào trong bụng một đoá hoa sen[169]. Thực vậy chính Giáo Pháp này đã bảo vệ ngài và ngài cũng tự bảo vệ chính mình. Kết quả ngài nói như sau:

“Pháp thực sự bảo vệ người hành trì Pháp.
Thực hiện Pháp sẽ đem lại hạnh phúc.
Đây là lợi ch đang khi tu tập Pháp.
Người hành trì Pháp sẽ không rơi vào khổ cảnh.*”

Và được coi như là một kết quả nghiệp thấp sáng thân xác của Đức Phật còn duy trì lan tràn ra cả mười ngàn Đại Thiên ta bà Thế Giới, Do đó người ta nói rằng:

1. Tiếp theo sau đức Phật Koṇḍañña là một vị lãnh tụ hồng danh là Maṅgala đã giao cao ngọn đuốc Phật Pháp tận diệt mọi buồn sầu khắp thế gian
2. Ánh sáng rực rỡ của ngài thật là vô địch. Trỗi vượt lên trên các vị Chiến Thắng khác., làm tắt lịm cả ánh sáng mặt trời và mặt trăng. Ngài toả sáng trên mười ngàn ta bà thế giới.

1. Về điểm này *mọi buồn sầu* có nghĩa là cảnh đen tối[170] trên thế gian này và cả những buồn rầu trong lòng nữa.

*1. Thag 303, được trích trong Ja 54. 496 xin đọc Mhvu ii 81.

*2M iii 243. A I 257.đoạn này cũng thấy trong MA. I 175.

*3 Ja vi 189. 437.

1. *Ngọn đuốc Phật Pháp*: giờ thì từ ‘chiếc đuốc” Ukka” nên được coi như có nhiều nghĩa khác nhau, như trong nôi[171] nấu kim loại của người thợ bạc v.v... như có lời nói rằng: “Sau khi đã kẹp chắc vàng với những chiếc kẹp người thợ bạc đã nhúng vàng vào trong chiếc nôi đang sôi sục. (ukka-mukkhe)” *₁ - trong đoạn chuyện xuống lò nấu: “Chúng ta nên hiểu là sửa soạn lò đun; sau khi đã sửa soạn lò rồi người ta chắt lửa vào trong chiếc lò đun bình nung chảy.”*₂ đây chính là chiếc quạt của người thợ bạc trong đoạn được trích dưới đây: “Như chiếc lò của người thợ bạc đang cháy bên trong, chứ không cháy bên ngoài” *₃ đây chính là lò lửa của người thợ bạc.

Trong đoạn đã trích sau:

Như vậy kết quả sẽ rơi vào tất cả những vị đang nổi lên như còn *₄ người đang nổi lên ở đây mang ý nghĩa là sức mạnh của gió[172]. Trong đoạn văn truyền lại rằng: “Khi họ đang mang đuốc (ukkā)”*₅ đuốc (ukkā) ở đây được coi như là chiếc đèn. Ở đây cũng vậy ngọn đuốc (ukkā) có nghĩa là chiếc đèn. Chính vì thế người đó giơ cao ngọn đuốc (ukkā, hay là ngọn đèn) gồm có Pháp. Ý nghĩa ở đây là: người đó mang chiếc đuốc gồm có Pháp để che phủ hết bóng đêm vô minh thế gian đang bị bóng tối vô minh chế ngự.

[145] 2. là vô song có nghĩa là vô địch[173] hoặc đây chính là một cách giải thích. Ý nghĩa ở đây là không có đức Phật nào khác có thể sánh bằng.

2. Đối với các vị Chiến Thắng khác có nghĩa là đối với những người thắng trận khác.
2. Làm lu mờ vẻ đẹp long lanh của mặt trời và mặt trăng có nghĩa là làm lu mờ toàn bộ ánh sáng của mặt trời và mặt trăng.[174]
2. Chiếu sáng trên cõi Thập Vạn Đại Thiên ta bà Thế Giới có nghĩa là ngài toả sáng trên Thập Vạn Đại Thiên ta bà Thế Giới chỉ đơn giản bằng ánh sáng của một đức Phật không phải bằng ánh sáng của mặt trời hay mặt trăng.

Sau khi Maṅgala, đáng Chánh Đẳng Giác, chính ngài đã tự đạt đến trí Giác Ngộ, ngài đã trải qua bảy tuần lễ ngay tại gốc cây Bồ Đề. Sau khi đã đồng ý với yêu cầu của vị Phạm Thiên về thuyết Pháp, và suy nghĩ “Ta phải giảng dạy Giáo Pháp cho ai đầu tiên?” Ngài đã nhận ra có tới ba vạn triệu các vị tỳ khưu đã xuất gia cùng với mình đang được phú cho những ân đức tốt.[175] Thế rồi lại xảy đến với ngài là: “Những người con trai của các gia đình đáng kính trọng này, cũng được ban cho những ân đức tuyệt vời, cũng lại xuất gia khi ta xuất gia, nhưng ta đã đuổi họ vào ngày rằm tháng Visākha chính vì thái độ tách rời, họ lại đang sống gần thành phố Sirivaddha trong cánh rừng trồng gỗ. Hãy lại đây nào, đến đó ta sẽ giảng giải Giáo Pháp cho họ.” Sau khi lấy bát khất thực và y cà sa và bay lên bầu trời giống như những con ngỗng hoàng gia màu đỏ hung. Ngài đáp xuống cánh rừng trồng gỗ Siri. Và khi những vị tỳ khưu này đã kính lễ đức Phật và đã thực hiện những bổn phận của các đồ đệ[176] họ liền ngồi vây quanh đức Phật. Đức Phật Maṅgala liền dẫn giải cho họ bài thuyết pháp về chuyển Pháp Luân theo như cách tu luyện của toàn bộ chư Phật. Bởi vậy hơn ba vạn triệu vị tỳ khưu này đã đạt đến bậc A-la-hán. Đã diễn một cuộc thâu triệt Pháp hội lên tới một trăm ngàn vạn triệu người kể cả chư Thiên lẫn con người. Do vậy người ta nói rằng:

*4. D i 10, 68; xin đọc Ja I 374, vi 1 476, SnA 362, Miln 178

*5. D i 49, xin đọc Pháp cú kinh (Dhammapada) i 42, 205

IV 3. Đức Phật này cũng diễn giải Tứ Diệu Đế vô cùng quang vinh. Tất cả những ai đã uống được dòng nước diên đế này đều loại bỏ được bóng tối u ám.

4. Sau khi ngài đã đạt đến Giác Ngộ không gì hoan hỷ vào lúc giảng dạy Phật Pháp lần đầu tiên đã diễn ra vào Pháp hội cho khoảng một trăm ngàn vạn triệu chúng sanh.

3. Trong trường hợp này *bốn* có nghĩa là *tứ*[177]

3. *Chân đế vô cùng vẻ vang*, có nghĩa là chân lý vinh quang chính là những chân đế vinh quang. Ý nghĩa ở đây là chân đế thật cao siêu. “Tứ Diệu Đế cao siêu vô cùng” cũng là một cách diễn giải. Ý nghĩa ở đây là bốn chân lý vinh quang của ngài vô cùng cao siêu.

3. *Tất cả những ai*^[178] có nghĩa là những chư Thiên và con người được Đức Phật dẫn dắt.

3. *Chát cốt chân đế* có nghĩa là họ đã uống chát cốt bát tử về thấu triệt tứ diệu đế.

3. *Được loại bỏ khỏi bóng tối u ám* có nghĩa là họ loại bỏ được, họ xua tan được bóng tối hỗn loạn là điều cần loại bỏ bằng cách này cách khác.

4. *Đã đạt tới* có nghĩa là đã thấu triệt được.

4. *Giác Ngộ*: giờ đây trong trường hợp này từ Giác Ngộ (bodhi) có nghĩa là: Thánh đạo, thánh quả và Níp Bàn ở cây Bồ Đề, cũng như sự định danh. Và trí toàn tri thì quả nhiên từ *bodhi* đã được truyền đạt lại^[179].

[146].^[180] Trong lòng văn cảnh như vậy như “Giác Ngộ được hiểu là trí về bốn đạo”^{*₁} được truyền đạt xuống như cách sau. “Điều đó dẫn đến an tịnh, thắng trí, Giác Ngộ (sambodhayā) níp-bàn”^{*₂} đây được hiểu là thánh quả. “Sau khi đã chứng đắc Giác Ngộ, bát tử và vô vi.”^{*₃} Ở đây ta phải hiểu chính là Níp Bàn. “Giữa Bodhi và Gayā ^{*₄} Về điểm này đây chính là Cây Assattha “ Thái tử Bodhi Bồ Đề Kính lễ xụp lạy đầu xuống tận chân Đức Phật”^{*₅}. _ Đây chính là một cách định danh. “Vinh quang, thông minh tuyệt vời. Ngài đã chứng đắc Chánh Đẳng Giác.” ^{*₆} – Về vấn đề này đây chính là trí toàn tri. Ở đây cũng vậy trí toàn tri nên được hiểu là “trí về thánh đạo A-la-hán” cũng không sai.^[181]

4. *Không địch nổi (vô địch)* có nghĩa là thiếu đối thủ. vượt quá mức; ý nghĩa ở đây là: không thể đo lường được ý nghĩa nên được hiểu như sau: Sau khi Đức Phật đã chứng đắc Chánh Đẳng Giác và đang diễn giải Giáo Pháp ngay trong cuộc diễn giải Giáo Pháp đầu tiên.

Và khi Đức Phật đang đứng gần cổng thành Citta ngay tại gốc cây Champak - giống như Đức Phật của chúng ta đứng dưới gốc cây Gaṇḍamba^[182] ngài đã thực hiện Song thông nhằm để khống chế niềm kiêu hãnh và tính tự phụ của các nhóm giáo phái khác. (Rồi) ngài ngồi trên một phiến đá được trang hoàng ngay tại gốc cây Hương Tràm (Coral) trong nơi trú ngụ của Tam Thập Tam, trong một nơi cư trú vinh quang như vậy gồm có vàng bạc rục rĩ và trong một nơi cư trú tuyệt vời của các vị chư Thiên trẻ tuổi và các vị A tu la.^[183] ngài diễn giảng một bài về Vi Diệu Pháp.

*₁. Ndt 456. xin đọc MA iii 326

*₂ Vin. I 10, S iv 331, A I 30 v.v...

*₃ (?) xin đọc Ap 388, đoạn kệ 13.

*₄ Vin I 8, M I 170

*₅ M. ii. 91

*₆ D iii. 159

Bởi vậy đã diễn ra một cuộc thâu triệt Pháp hội cho một trăm ngàn vạn triệu Chư Thiên. Đây lại là cuộc thâu triệt Pháp hội lần thứ hai. Và tại thành phố Surabhi,[\[184\]](#) có một vị chuyển luân vương tên là Sunanda đã hoàn tất các nhiệm vụ của chuyển luân vương, ngài đã đắc thủ được bảo luân xa. Người ta nói rằng: khi Maṅgala, đức Như Lai Thập Lực nổi lên trên thế gian này, Nhà vua Sunanda đã nhìn thấy Bảo luân xa quay trở lại từ nơi cư trú. Niềm hạnh phúc của ngài đã bị giảm sút, ngài liền đặt câu hỏi các vị Bà-la-môn, nói rằng: “Tại sao Bảo Luân Xa này do tài khéo và sức mạnh của tôi tạo ra lại quay trở lại chỗ ở cũ? “Chính vì thế họ giải thích cho nhà vua rằng tuổi thọ của vua chuyển luân vương sắp mãn hay từ khi ngài thực hiện xuất gia hay từ lúc có sự xuất hiện của đức Phật này thì Bảo luân xa đã quay trở lại chỗ cũ.” Khi họ nói như vậy thì lại nói tiếp rằng: Nhưng thưa ngài, đây không phải là việc tịch diệt tuổi thọ của ngài vì ngài có tuổi thọ quá lâu. Chính là vì Maṅgala, vị Chánh Đẳng Giác đã nổi lên trên thế gian này mà Bảo Luân Xa của ngài đã quay trở lại[\[185\]](#)

Khi ngài đã nghe điều này Sunanda, vua chuyển luân vương cùng với các thần dân đang kính lễ Bảo Luân Xa cúi đầu xuống chạm đất, cầu khẩn Bảo Luân Xa rằng: Cho đến khi nào tôi có thể nhờ vào uy quyền của ngài thưa ngài Maṅgala đáng kính, đức Như Lai Thập Lực. Xin làm ơn đừng biến mất: rồi Bảo Luân Xa đó đứng yên đúng chỗ cũ.

Rồi Sunanda, chuyển luân vương lại cảm thấy hạnh phúc tột đỉnh trở lại một đoàn người trải dài gần ba mươi sáu do tuần (yojana) bao vây xung quanh. Đã tiến lại gần Maṅgala, đức Như Lai Thập Lực, một điếm lành dành cho hết mọi người trên thế gian này, ngài đã dâng cúng cho vị đạo sư cùng voi Tăng Đoàn của ngài một cuộc bố thí rất lớn. Ngài đã ban tặng y nhuộm màu vàng nghệ cho khoảng một trăm ngàn vị A-la-hán và ban tặng tất cả những nhu cầu cần thiết cho đức Như Lai. Kính lễ đức Phật đó đã khiến cho toàn thể cõi thế gian này phải kinh ngạc. Sau khi đã tiến lại gần Maṅgala, vị bảo vệ toàn cõi thế gian, kính lễ ngài [\[147\]](#) cùng nhau vỗ tay tán thưởng ngài giống như những búp sen không bị vết nhơ, vô tỳ vết mười móng tay của ngài đung nhau,[\[186\]](#) ngài đã đưa tay lên khỏi đầu và ngồi xuống ở một khoảng cách kính lễ đồng thời để nghe Phật Pháp. Và con trai của ngài, tên là Hoàng Tử Anurāja, cũng ngồi xuống và lắng nghe Phật Pháp như vậy.

Rồi Đức Phật thực hiện một cuộc nói chuyện rất từ tốn với họ, có cả Sunanda, vua chuyển luân vương, đứng đầu nhóm người nghe. Sunanda, vua chuyển luân vương, cùng với một đoàn người đi theo đã chứng đắc A-la-hán với những tuệ phân tích. Rồi vị đạo sư, nhìn thấy việc thiện[\[187\]](#) họ đã thực hiện trong quá khứ và cũng nhận ra những phẩm chất nơi bát khát thực và y cà sa đã ợc thực hiện do tiềm năng sức mạnh thần thông, liền giơ cánh tay phải ra được trang hoàng bằng những bánh xe rực rỡ.

[188] Rồi lên tiếng nói rằng, “Thiện lai tỳ khưu” Vào ngay lúc đó toàn bộ họ đã xuống tóc chỉ còn dài [189] hai đốt ngón tay, họ mang theo bát khất thực và mặc y cà sa một cách lạ lùng bằng chính sức mạnh thần thông tiềm ẩn giống như các vị trưởng Lão danh tiếng cả hàng trăm năm. Và rất thích hợp để được mặc y cà sa như vậy. Sau khi đã kính lễ vị đạo sư, là Đức Phật Maṅgala, họ vây quanh ngài. Đây chính là cuộc Thấu Triệt Pháp hội lần thứ ba. Do vậy người ta nói rằng:

IV. 5. Khi Đức Phật Maṅgala thuyết Pháp tại nơi cư trú chư Thiên của chính thủ lãnh chư Thiên, đã diễn ra cuộc Thấu Triệt Pháp hội lần thứ hai cho chín ngàn vạn triệu chúng sanh [190]

Khi Ngài Sunanda, vua chuyển luân vương, đến gặp vị Chánh Đẳng Giác, Tức thì ngài liền vỗ chiếc trống Phật Pháp quang vinh tối thượng.

Đám đông đi theo Sunanda lên đến con số chín mươi ngàn vạn triệu người. Và [191] tất cả những vị ấy không loại trừ một người nào đã xuất gia theo mệnh lệnh “Thiện lai tỳ khưu” [192]

5. Trong trường hợp này *tại nơi cư trú chư Thiên của vị thủ lãnh Chư Thiên* lại có ý nghĩa: tại nơi trú ngụ của vị Thiên tử. [193]

Vỗ trống có nghĩa là đánh trống. [194]

6. *Vinh quang tột độ* có nghĩa là vinh quang chính là Đức Phật Maṅgala vinh quang, còn tột đỉnh chính là Trống Phật Pháp tối thượng.

Những kẻ đi theo có nghĩa là những người đồ đệ theo hầu sẵn sàng phục dịch [195]

7. *Có* nghĩa là đã có [196] “thế rồi [197] đã có tới chín mươi vạn triệu” cũng là một cách giải thích. Đám đông thuộc về ngài [198]. Đám đông có bao nhiêu người? Ý nghĩa ở đây là chín mươi vạn triệu.

Rồi người ta nói rằng đang khi ngài Maṅgala, người bảo vệ thế gian đang lưu lại thành phố Mekhala, Sudeva và Dhammasena, có đến mười ngàn người Bà-la-môn [199] vây quanh cũng đã xuất gia trong cùng thành phố đó bằng lời kêu gọi “Thiện lai tỳ khưu” (đây là công thức xuất gia) đã xuất gia ngay trước sự chứng kiến của Đức Phật Maṅgala.

Khi hai tối thượng tinh văn và đoàn tùy tùng của họ đã chứng đắc A-la-hán vào ngày rằm tháng Giêng Magha, bậc Đạo sư đã tụng Giới Bản ngay giữa Tăng hội đi theo lên tới một trăm ngàn vạn triệu vị tỳ khưu. Đây chính là Tăng đoàn lần thứ nhất. Còn nữa, ngay tại thành phố không thể sánh bằng Uttarārama chính trong một cuộc qui tụ những người họ hàng thân thuộc, ngài cũng đã tụng Giới Bản cho một Tăng hội khoảng một ngàn vạn triệu người [200] xuất gia. Trong một cuộc tụ tập (vây quanh?) Sunanda, là chuyển luân vương, Ngài cũng đã tụng Giới Bản trước sự chứng kiến của hàng chín mươi ngàn vạn triệu [201] các tỳ khưu. Đây chính là Tăng Đoàn thứ ba. Do vậy người ta đã nói rằng:

[148] IV. 8. Nhà ân sĩ vĩ đại Maṅgala đã qui tụ được ba Tăng Đoàn: Tăng Đoàn thứ nhất có tới một trăm ngàn vạn triệu người tham dự

9. Tăng Đoàn thứ hai khoảng độ một ngàn vạn triệu người [202] Tăng đoàn thứ ba cũng gồm cả chín mươi ngàn vạn triệu người đã đoạn tận các lậu hoặc và đã trở nên vô tỳ vết.

Vào thời đó, Bồ Tát của chúng ta là một người bà la môn Suruci trong một ngôi làng người Bà la môn Suruci. Ngài là thầy thấu đáo được ba Phệ Đà [203], tinh thông từ ngữ và các nghi lễ cùng với tinh thông Âm vị và diễn giải. Và theo truyền thuyết dân gian là người thứ năm: ngài rất tinh thông các tục ngữ ca dao, thấu hiểu ngữ pháp, tinh thông triết học dân gian và đọc được các tướng của Đại Nhân. Ngài liền tiến đến gặp vị đạo sư, nghe ngài thuyết pháp một bài. Sau khi đã quy y ngài đã mời Đức Phật và Tăng Đoàn của ngài, nói rằng: “Thỉnh ngài đến thọ trai nhà con, vào ngày mai” Đức Phật nói “Này Bà la môn, ngài có thể mời được bao nhiêu các vị tỳ khưu đến dự?” ngài hỏi. “Nhưng có bao nhiêu các vị tỳ khưu trong đoàn tùy tùng của ngài?” Hình như chỉ là Tăng đoàn đầu tiên qui tụ lại. Chính vì thế ngài nói. “Khoảng độ một trăm ngàn vạn triệu người.” Bà la môn Suruci liền ngỏ lời mời, nói rằng. “Nếu có bao nhiêu người như vậy xin ngài hãy đến và dùng bữa với tôi cùng với tất cả họ nữa.” Rồi vị đạo sư đồng ý.

Khi Bà la môn mời Đức Phật đến dùng cơm vào ngày hôm sau và đến tận nhà của ông, ông ta nghĩ: “Tôi có khả năng cung cấp một bữa tiệc gồm cơm sữa ngọt, cơm và y cho tất cả các vị tỳ khưu này, nhưng làm sao có chỗ để cho họ ngồi?” Họ cho là ý nghĩ này của ngài đã khiến cho hòn đá trang hoàng của vị Thiên vương Ngàn Mắt trở thành nóng lên ngay trên đỉnh núi Meru cao khoảng tám mươi tư do tuần (yojana). Thế rồi Thiên Chủ (Sakka), vua các vị chư Thiên. Sau khi đã nhận ra chỗ ngồi của Ngài nóng lên, liền nghĩ “Giờ đây, ai là người đã muốn tôi xuống khỏi chỗ này?” Lý giải về điều gì đã xảy ra, ngài nhìn thấy thế giới loài người với một nhãn quang chư Thiên và nhìn thấy vị Đại Nhân ngài nghĩ. “Người này đã mời tăng đoàn các vị tỳ khưu với vị Chánh Đẳng Giác dẫn đầu nghĩ đến lợi ích cho ngài và liên quan đến việc có thể chia sẻ công đức.” Thiên Chủ (Sakka) liền giả dạng là một người thợ mộc, cầm rìu và búa trong tay xuất hiện trước vị Đại Nhân và nói “Ngài có cần thuê ai làm nghề thợ mộc chăng? Sau khi nhìn thấy Thiên Chủ (Sakka) vị Đại Nhân nói, “Ông có thể làm được loại công việc nào?” “Chẳng có nghề nào mà ta không làm được, bất kỳ người nào muốn làm công việc gì: một tòa đại sảnh, hay một hoàng cung hay bất kỳ nơi cư ngụ nào thì ta đều có khả năng thực hiện cho người đó ngay tức khắc.” Thôi được rồi, ta cần làm một công việc đây” “là gì vậy thưa ngài?” “ngày mai ta sẽ mời một trăm ngàn vạn triệu vị tỳ khưu đến dự trai tăng nhà người phải xây cho ta một toà đại sảnh làm chỗ cho họ ngồi” “Ta có thể thực hiện được công việc này nếu ngài có thể trả tiền công cho ta.” Ta có thể làm được, thưa ngài.” Tốt lắm, ta sẽ xây cho ông.” Thiên Chủ (Sakka) nói vậy rồi nhìn quanh xem cảnh quang tìm chỗ xây toà đại sảnh. Đã có một chỗ rất thích hợp rộng khoảng mười hai do tuần (yojana), bề mặt bằng phẳng giống như một vòng tròn kasina [204] Nhìn lại một lần nữa, Thiên Chủ (Sakka) nghĩ “Trong một phần cảnh quang này sẽ xuất hiện một toà đại sảnh tuyệt vời nhất từ xưa đến giờ. Gồm tới bảy loại đá quý.” [149] Bởi vậy có một toà đại sảnh

nổi lên ngay tức khắc từ lỗ nẻ mặt đất xuất hiện có kích cỡ ngang với một toà đại sảnh. Có những chữ viết hoa bằng bạc ghi trên những chiếc cột bằng vàng, và chữ bằng vàng lại ghi trên cột bằng bạc, các chữ hương trầm ghi trên cột bằng đá quý còn chữ bằng đá quý lại ghi trên cột bằng gỗ hương trầm, lại có các chữ hoa được làm bằng bảy loại đá trên những chiếc cột làm bằng bảy loại đá quý.

Bởi vậy ngài đã nhìn ngắm và có suy nghĩ, “Hãy treo trong sảnh đường những chuỗi chuông nhỏ kêu leng keng treo xen kẽ với nhau” Khi ngài đang chiêm ngắm những chuỗi chuông nhỏ đang kêu leng keng treo xen kẽ nhau, từ đó khi có luồng gió nhẹ nhàng làm lay động phát ra những tiếng kêu ngọt ngào rất dễ thương giống như năm loại nhạc cụ. Cảnh tượng đó giống như thời gian tụng Kinh đang diễn ra. Ngài lại nghĩ, hãy treo xen kẽ những chiếc chuông nhỏ đó nhiều tràng hoa ngào ngạt hương thơm thân tiên, những tràng hoa, những tràng lá, những râu đá quý nữa.” Với suy nghĩ đó tức khắc những râu hoa được treo xen kẽ vào đó. Ngài nghĩ: “Chớ gì ghé và chỗ ngồi thích hợp và quý giá được bày ra cho các vị tỳ khưu đủ cho khoảng một trăm ngàn vạn triệu vị xuất hiện từ đất mà lên.” Toàn bộ những thứ đó đã nổi lên từ mặt đất ngay tức thì. Ngài lại ước, “Chớ gì chậu nước rửa tay nổi lên kê ở khắp mọi góc sảnh đường.” Ngay lúc đó những bình nước nổi lên, miệng những chiếc bình đó có lá chuối che phủ và được đổ đầy với nước lạnh, ngọt ngào, tinh khiết, có mùi hương thơm ngọt ngào và thích hợp cho từng người sử dụng. Đấng Ngàn Mắt, sau khi đã thực hiện toàn bộ những công việc này, liền đến gặp một thầy Bà la môn và nói “Thưa ngài, hãy đến mà xem đại sảnh đường, và trả tiền công xây dựng cho ta.” Vị Đại Nhân đến xem toà sảnh đường đó và chiêm ngắm rất kỹ, và khi Ngài thực hiện như vậy thì toàn thân xác của Ngài trào dâng năm loại phỉ lạc.[\[205\]](#)

Thế rồi, đang khi ngài ngắm nhìn toà đại sảnh thì xảy ra nơi ngài: “Toà đại sảnh này không do con người thực hiện. do ý định của ta mà ra, lẽ đương nhiên đó là do ân đức đặc biệt của ta mà có, là nơi cư trú của Thiên Chủ (Sakka), vua Thiên tử, trở nên âm áp hơn. Chính vì thế toà đại sảnh này là do Thiên Chủ (Sakka), vua Thiên chủ tạo nên. Một điều không đúng đắn chút nào nếu ta thực hiện bố thí trong toà đại sảnh này chỉ kéo dài trong một ngày. Ta sẽ thực hiện bố thí trong vòng một tuần.”

Nhưng việc bố thí những của cải vật chất bề ngoài cho dù có to lớn đến cỡ nào, cũng không thể khiến cho tâm vị Bồ Tát của chúng ta hân hoan. Nỗi hoan hỷ của vị Bồ Tát lại tùy thuộc vào nghi lễ họ thực hiện trong cuộc bố thí - cho dù phải cắt đầu, móc mắt xé nát tâm can.[\[206\]](#) Tại Sivijātaka[\[207\]](#) đang khi vị Bồ Tát của chúng ta hàng ngày đang dốc hầu bao ra khoảng năm trăm ngàn kahāpaṇas để phân phát bố thí ngay tại bốn cổng thành và ngay giữa thành phố thì cuộc bố thí này cũng không thể làm trào dâng nơi ngài niềm hân hoan hy tế khi ngài đang thực hiện bố thí được. Nhưng mặt khác, khi Thiên Chủ (Sakka), Thiên tử, giả dạng thành một Bà la môn xuất hiện và hỏi xin đôi mắt của Ngài, rồi Ngài móc đôi mắt của Ngài bố thí cho ông ta. Sự hoan hỷ đã phát sinh khi ngài đang thực hiện bố thí và chẳng có điều gì trái ngược trong tâm trí ngay cả ngài chỉ bố thí phần nhỏ nhoi chỉ bằng đầu sợi tóc. Như vậy vị Bồ Tát không hề thoả mãn với việc bố thí.

Chính vì thế khi Đại Nhân cũng nghĩ là ngài phải thực hiện bố thí cho các vị tỳ khưu với con số lên tới một trăm ngàn vạn triệu người. Ngài cho những vị ấy ngồi lại trong sảnh đường đó một tuần và bố thí cho họ của bố thí gọi là gavapāna.[\[208\]](#) Gavapāna [\[150\]](#) có nghĩa là, đổ đầy sữa vào những chiếc bình và đem lại lò nướng, thêm những hạt gạo đã xay vò từng chút một vào sữa đó cho đến khi đặc lại, khi đã nấu xong, bữa ăn được sữa soạn bằng cách thêm vào đó một hỗn hợp mật, đường thốt nốt và bơ tươi. Bữa ăn này đơn giản cũng được gọi là “bữa ăn được dọn với bốn món đồ ngọt. [\[209\]](#) Duy chỉ đàn ông thôi thì không thể nào phục dịch được cho những vị ấy; mà cần cả đến các chư Thiên nữa, từng người một bên cạnh một vị tỳ khưu và phục vụ cho họ. Nhưng địa điểm đó cho dù có rộng tới mười hai do tuần (yojana) cũng không đủ sức chứa toàn bộ các vị tỳ khưu cho đủ; ấy vậy các vị tỳ khưu phải tự động ngồi xuống mỗi người theo cách do chính vẻ oai nghi thần thông của họ tạo ra. Vào ngày cuối cùng Bà la môn (Suruci) cho rửa toàn bộ bát khất thực cho các vị tỳ khưu và sau khi đã đổ đầy trong các bát đó với bơ tươi, bơ, mật ong, mật đường v.v... Được dùng làm thuốc trị bệnh, vị ấy còn trao cho mỗi vị tỳ khưu ba y cà sa. Các vị tỳ khưu mới được thụ phong trong Tăng Đoàn cũng nhận được y cà sa và y khoác ngoài trị giá hàng trăm ngàn [\[210\]](#) đồng tiền (kahāpaṇas).

Khi vị đạo sư đang được thực hiện cuộc bố thí ngài nghĩ, “Giờ đây, con người này là ai mà lại thực hiện một cuộc bố thí lớn lao đến như vậy?” Đang khi ngài còn quán xét như vậy ngài đã nhìn thấy người đó và suy nghĩ trong tâm, “Trong tương lai khoảng độ một trăm ngàn đại kiếp và hai A-tăng-kỳ thì người đó sẽ trở thành một đức Phật có hồng danh là Cồ Đàm.” Nói với vị Đại Nhân này, ngài thọ ký. “Khi khoảng thời gian này qua đi, ngài sẽ trở thành một đức Phật có hồng danh là Cồ Đàm. Khi vị Đại Nhân nghe lời thọ ký của Đức Phật, trong lòng trào dâng phẫn khởi tốt độ. “Vì ngài đã nói ta sẽ trở thành đức Phật một ngày gần đây thì ta chẳng còn cần đến cuộc sống ngoài đời làm chi nữa; ta sẽ xuất gia.” và từ bỏ hết của cải giống như một bãi nước miếng. Ngài đã tiến hành xuất gia trước sự hiện diện của đạo sư. Khi nghe biết được lời của Đức Phật và chứng đắc thăng trí và tám thiền chứng, ngài tiếp tục sống trong suốt cuộc đời còn lại, chăm chú nhập thiền liên tục không ngơi. Ngài được tái sanh trong cõi Phạm thiên[\[211\]](#) Do vậy có lời nói rằng:

IV. 10. Vào lúc ta còn là một người Bà la môn tên là Suruci, một người đọc tụng, và là chuyên gia giải thần chú và thông thạo Tam Phệ Đà.[\[212\]](#)

11. Tiến lại gần ngài, quy y nơi đạo sư, ta kính lễ Tăng Đoàn với vị Chánh Đăng Giác đứng đầu với đủ thứ hương thơm và vòng hoa. Khi ta đã kính lễ họ với hương thơm và vòng hoa ta cảm thấy như lòng được tươi mát hơn với gavapāna.

12. Và đức Phật, Maṅgala tối cao trong số con người, cũng đã thọ ký về ta như sau: “Vô số đại kiếp sau con người này sẽ trở thành một đức Phật.”

13. Khi ngài đã thực hiện cuộc phẩn đấu liên tục, thực hành những điều khổ hạnh....”thì chúng ta sẽ được gặp mặt vị này.”

Có tám đoạn kệ cần được diễn giải.[\[213\]](#)

14. Khi ta đã nghe được lời của ngài, ta càng thực hiện quyết tâm nhiều hơn. Ta đã quyết tâm tu tập để chứng đắc mười pháp Ba la mật.

[151] 15. Gia tăng[214] nhiệt tâm rồi để đạt đến được Chánh Đẳng Giác vinh quang. Ta đã từ bỏ tài sản thế gian lại cho Đức Phật và xuất gia trước sự hiện diện của ngài.

16. Sau khi đã học hỏi thấu suốt Tạng Kinh và Tạng Luật và toàn bộ giáo pháp chính chi của vị đạo sư, ta được khai sáng toàn bộ Giáo Pháp của vị Chiến Thắng.

17. Trong vấn đề này, đang khi sống chuyên cần, tu luyện và phát triển Phạm Thiên, sau khi đã đạt đến được toàn hảo nơi thắng trí ta đã tiến tới thế giới các đấng Phạm Thiên.[215]

11. Trong trường hợp này với hương thơm và vòng hoa[216] có nghĩa là với hương thơm[217] cũng như với cả các vòng hoa nữa.[218]

11. Với cả gāvapāna: điều này vừa được nói tới; [219] một số đọc là ghatapāna[220].

14. Ta được tươi mát có nghĩa là ta thấy tỉnh táo[221] hẳn lên.

14. Ta nhất quyết thực hiện tu tập thêm nữa có nghĩa là ta quyết tâm tu luyện nhiều hơn nữa. Vì mục tiêu hoàn tất được mười Pháp Ba la mật[222]

15. Lòng nhiệt tình có nghĩa là sự phấn chấn trong tâm hồn.

15. Gia tăng thêm [223] có nghĩa là tiến tới.

15. Để chứng đắc Chánh Đẳng Giác quang vinh có nghĩa là nhằm chứng đắc quả Phật.

15. Ta cống hiến cho Đức Phật có nghĩa là ta hy sinh cho Đức Phật.

15. Tài sản vật chất của ta có nghĩa là của cải thế gian[224] Ý nghĩa là: sau khi đã hy sinh toàn bộ tài sản cho Đức Phật, Đức Thế Tôn, nhằm phục vụ cho bốn nhu cầu cần thiết cho các vị tỳ khưu.

17. Về vấn đề này có nghĩa là nơi giáo Pháp của Đức Phật

17. Brahma Phạm thiên có nghĩa là tu luyện phát triển những Phạm trú.

Và Thành phố Đức Phật Maṅgala cư trú có tên là Uttara, và cha của ngài là quốc vương Quý Tộc Sát Đế Lỵ cũng có tên gọi là Uttara. Mẹ của ngài cũng có tên là Uttara. Sudeva và Dhammasena là hai tối thượng nam tinh văn của ngài, một người trợ lý người đời tên là Pālita; Sīvalā và Asokā là hai tối thượng nữ tinh văn của ngài. Và cây Bồ Đề của ngài là cây Nāga.[225] Thân thể của ngài cao khoảng tám mươi tám cubit. Tuổi thọ[226] của ngài kéo dài chín mươi ngàn năm; và vợ của ngài tên là Yasavatī con trai của ngài tên là Sīlava[227]; ngài xuất gia trên lưng ngựa và trụ trì trong ngôi Chùa tên là Uttara, và thị giả trong thiên viện của ngài tên là Uttara. Đức

Thế Tôn đã trải qua[228] chín mươi ngàn năm và khi ngài viên tịch Níp Bàn chung cuộc nơi cõi Thập Vạn Đại Thiên ta bà Thế Giới chỉ trong một giây lát đã chìm ngập trong bóng tối và nơi toàn bộ các ta bà thế giới đều than van khóc lóc và buồn khổ nơi các con người, do vậy có lời nói rằng:

IV. 18. Tên thành phố là Uttara. Uttara cũng là tên của vị Quý tộc sát đế lị Uttarā cũng là tên của mẹ đức Phật Maṅgala, là ản sĩ vĩ đại.

23. Sudeva và Dhammasena là tối thượng nam tinh văn. Pālita là tên của người trợ lý chăm sóc cho Maṅgala, vị đại ản sĩ.

24. Sīvalā và Asokā là hai tối thượng nữ tinh văn của ngài, cây Bồ Đề của Đức Phật được cho là cây Nāga.

[152] 26. Vị đại hiền triết cao khoảng tám mươi tám ratana. Xuất phát ra từ ngài hàng trăm hàng ngàn hào quang không thể đếm hết.

Tuổi thọ bình thường của ngài kéo dài chín mươi ngàn năm. Sống lâu như vậy ngài đã khiến cho nhiều người vượt qua được gheñh thác bọc lưu.

Giống như ta không thể đếm được sóng biển đại dương cũng vậy ta không thể đếm được số đệ tử của ngài.

Vì bao lâu vị lãnh tụ có tên gọi là Maṅgala, vị Chánh Đẳng Giác vẫn còn sống ngài vẫn chưa thể dứt điểm được các phiền não hiện hữu nơi giáo pháp.

Đang khi mang ngọn đuốc Phật Pháp và tạo ra cho biết bao nhiêu chúng sanh vượt qua được bọc lưu, với một đoàn tùy tùng đông đảo, ngài đã chiếu sáng rực rỡ giống như một cột lửa và tàn lụi đi.

Sau khi đã chỉ ra cho chúng sanh và chư Thiên bản chất cơ bản của pháp hành. Tỏa sáng giống như một khối lửa cháy rực. Như mặt trời đang lặn.

26. Về vấn đề này, *xuất phát ra từ ngài* có nghĩa là xuất phát từ thân thể của ngài Maṅgala.

26. *Xuất phát ra từ ngài* có nghĩa là tỏa ra có sự thay đổi về “con số”[229] ở đây cũng nên được hiểu.

26. *Những tia sáng phát ra* có nghĩa là những hào quang[230].

26. Vô số hàng trăm hàng ngàn *có nghĩa là vô số hàng trăm hàng ngàn*[231].

28. *Sóng biển* có nghĩa là sóng to, sóng cồn, sóng bạc đầu[232].

28. *Đếm* có nghĩa là đếm con số.[233] Ước tính. Vì có một số lượng sóng biển lớn lao đến như vậy nơi đại dương đến nỗi không thể nào đếm được. Cũng vậy không thể nào đếm được số lượng đồ đệ của ngài. Chính vì thế ý nghĩa ở đây là: vượt quá khả năng tính toán.

29. Vì *càng lâu càng* có nghĩa là cần nhiều thời gian đến như vậy.

29. *Chết đi với các phiền não (hiện hữu)* có nghĩa là: với những phiền não như: với phiền não hiện hữu nơi họ; chết với các phiền não hiện hữu chính là chết cho người nào đó với các phiền não hiện hữu. Không thấy có được trong thời gian hiện tại. Có nghĩa là, toàn bộ đồ đệ nơi Phật Pháp của Đức Phật đều chứng đắc Níp Bàn chung cuộc sau khi đạt đến bậc A-la-hán, và không chết như những người bình thường hay như những người nhập lưu v.v... một số người giải thích là “chết trong tình trạng rối loạn hiện nay.”

30. *đuốc Phật Pháp*^[234] có nghĩa là chiếc đèn Phật Pháp.

30. *Cột lửa* ^[235] được cho là lửa bốc cháy. Nhưng ở đây ta phải hiểu là ngọn đèn. Chính vì thế ý nghĩa là: toả sáng giống như một ngọn đèn ngài đã tàn lụi đi.

30. *Có đoàn tùy tùng đông đảo*^[236] có nghĩa là có một số người tùy tùng rất đông. Một số người cho là Ngài với số đồ đệ đông đảo đến như vậy đã tàn lụi đi.

31, *Về Pháp hữu vi* có nghĩa là những gì được tạo lên. những gì nổi lên khi có điều kiện đầy đủ.

[153] 31. *Bản chất cơ bản.* có nghĩa là những tướng vô thường v.v... Được nhận ra nơi cuộc sống Sa môn.

31. *Giống như mặt trời lặn* có nghĩa là giống như hàng ngàn tia sáng mặt trời^[237] xua tan bóng tối^[238] chiếu sáng rực rỡ và khiến cho toàn thế giới sáng ngời lên, lại đi đến chỗ tàn lụi đi, cũng giống vậy mặt trời Maṅgala, đã khiến cho ngay cả một vùng đầm sen nở rộ, xua tan bóng tối bên trong và bên ngoài toả sáng rực rỡ từ chính cơ thể của ngài và đi đến chỗ tàn lụi đi

Phần còn lại các đoạn kệ đã quá rõ ràng dưới mọi khía cạnh.

Đến đây kết thúc phần Chú giải Đức Phật Maṅgala

Cũng kết thúc Chú giải Biên Niên Ký đức Phật thứ Ba.

-ooOoo-

V. CHÚ GIẢI PHẬT TỔ SUMANA

Như vậy toàn cõi thế gian đã chìm trong bóng tối trong giây lát^[239] vào lúc Đức Phật Maṅgala nhập Níp Bàn. Sau đức Phật tuổi thọ của loài người dần dần thu ngắn lại từ chín mươi ngàn năm đến chỉ còn mười năm, thế rồi dần dà tuổi thọ này lại tăng lên vào khoảng giữa các đại kiếp cũng tựa như tuổi thọ kéo dài khoảng từ một A-tăng-kỳ. Sau khi tuổi thọ giảm trở lại xuống chỉ còn chín mươi ngàn năm,^[240] có vị Bồ tát tên là Sumana, đã hoàn tất được Pháp Ba la mật, ngài được sinh ra trong thành phố Cõi

Trời Đâu Suất. Sau khi đã viên tịch khỏi cõi đó, ngài đã giáng trần tái sinh trong lòng hoàng hậu tên là Sirimā gia nhập cuộc sống hoàng gia của vị vua tên là Sudatta, tại thành phố Mekhala. Đã có những điềm lạ giống như những điềm lạ đã nói đến ở trên[241] xảy ra. Cho đến thời kỳ trưởng thành, ngài đã sinh sống trong ba lâu đài có tên là Nārivaddhana, Somavaddhana và Iddhivaddhana[242], ngài có khoảng tám mươi ba ngàn vũ nữ trông tựa chư Thiên hầu hạ và cùng với các nô tỳ bông lai phục dịch, và ngài đã được tận hưởng hạnh phúc nơi chốn bông lai trong suốt một ngàn năm, ngài đã hạ sanh được một con trai không gì sánh nổi tên là Anupama do hoàng hậu Vatamsikā.

Sau khi đã chứng kiến bốn điềm lạ, ngài đã quyết định xuất gia trên lưng một con voi. Trong cuộc thoát ly đó có tới ba mươi vạn triệu chúng sanh cùng xuất gia theo gương ngài. Vây quanh ngài là một đoàn tùy tùng đông đảo, ngài đã thực hiện một cuộc phân đấu khô hạnh trong vòng mười tháng. Sau khi đã dùng bữa cơm sữa trong đó có rất nhiều chất dinh dưỡng thần tiên truyền sức cho ngài do Anupamā, con gái một lái buôn tên là Anupama, đã dâng cúng cho ngài vào ngày rằm tháng Visākha, ngay tại nơi thị trấn Anoma. Ngài đã trải qua một ngày tạm trú trong cánh rừng Sala. Sau khi đã nhận tám bó cỏ khô do Anupama, một ẩn sĩ lửa thể dâng tặng cho ngài. Ngài đã tiến lại gần cây Bồ Đề tên là Nāga và đi vòng quanh cây đó, ngài đã rải cỏ khô trong một khu đất rộng ba mươi cubit và ngồi thiền trong tư thế kiết già trên bảo tọa đó. Thế rồi, [154] sau khi đã đánh tan đoàn quân Ma-Vương và thấu triệt trí toàn tri, ngài đã thốt lên những lời tuyên bố long trọng như sau:

Qua biết bao nhiêu kiếp tái sinh luân hồi...
Ta đã triệt phá được mọi ái dục.”

Do vậy có người nói rằng:

1. Tiếp theo sau Đức Phật Maṅgala phải kể đến vị lãnh đạo Sumana, vô song so với muôn pháp và cao trọng hơn mọi chúng sanh trên cõi đời này.

1. Trong trường hợp này *sau Đức Phật Maṅgala* có nghĩa là tiếp theo sau đức Phật Maṅgala.

1. *Chẳng có gì có thể sánh bằng* có nghĩa là không có vật gì sánh ngang với ngài được, độc nhất vô nhị nơi những việc pháp giới đức, thiền định và trí tuệ.

Người ta nói rằng sau khi đã trải qua bảy tuần lễ gần cây Bồ Đề và đã thuận theo lời yêu cầu của Phạm Thiên là phải giảng giải Phật Pháp, Đức Phật Sumana suy nghĩ. “Trước tiên ta phải giảng giải Phật Pháp cho ai đây?” Ngài đã thấy ba mươi vạn triệu người xuất gia cùng với ngài, kể cả đứa nhỏ Saraṇa, là em trai vợ ngài, và con trai của một thầy tu Bà la môn, cậu trai trẻ tên là Bhāvitatta cả hai đã đắc thủ được những ân đức đặc biệt. Nghĩ rằng, “Ta phải giảng giải Phật Pháp cho chính những người này,” giống như một loại ngỗng hồng đỏ hoàng gia, ngài xuất hiện tại khu vui chơi Mekhala băng qua con đường dọc theo một ngọn núi.[243] Sau khi đã truyền cho (nhấn) người bảo vệ nơi vui chơi giải trí điều đến cho ngài người em trai vợ, là cậu

nhỏ Saraṇa, và người con trai thầy tu người Bà-la-môn, là cậu bé Bhāvitatta, cùng với ba mươi bảy vạn triệu người vây quanh họ và ba mươi vạn triệu người xuất gia cùng với chính ngài cộng với rất nhiều các chư Thiên và chúng sanh khác. Như vậy vào lúc Chuyển Pháp Luân ngài đã tạo cho cả trăm ngàn vạn triệu người được nếm hương vị Phật Pháp, do vậy mà có người đã nói rằng:

V. 2. Trong thành phố Mekhala, ngài cũng đã vỗ trống[244] bắt tử, kèm theo là chiếc tù và Phật Pháp và Giáo Pháp chín chi của vị Chiến Thắng.

2. Trong trường hợp này *Trống bắt tử* có nghĩa là chiếc trống đánh lên để đạt đến bắt tử, để nhập Níp Bàn.

2. *Ngài vỗ* có nghĩa là ngài đóng lên. Ý nghĩa ở đây là: ngài đã giảng giải Phật Pháp. Chiếc trống bắt tử này chính là lời của Đức Phật mà ỉnh cao chính là bắt tử. Do vậy người ta nói về điều đó như vậy: *đi kèm với tù và Phật Pháp, là chi thuyết giảng Giáo Pháp chín chi của vị Chiến Thắng.*

2. Về điểm này, đi kèm với *chiếc tù và Phật Pháp* có nghĩa là đi kèm với những gì biết được trong chín chi thuyết giảng Giáo Pháp bốn chân đế.

Và Sumana, vị lãnh đạo thế gian, sau khi đã chứng đắc Chánh Đẳng Giác chung cuộc, liền tiếp tục lên đường[245] đúng như lời ngài đã hứa[246] để giải thoát chúng sanh thoát khỏi các triền phược tái sanh, xây dựng thành phố bắt tử vinh quang như là bảo chúng (bao gồm) châu báu, tài khéo chống lại cướp bóc[247] do những phiên não cướp bóc[248]. Những chiếc tường rộng lớn bao la chính là những giới đức, những đường hào vây quanh chính là thiên định, lối vào chính là tuệ quán, cánh cửa vững chắc chính là chánh niệm và tỉnh giác, toà đại sảnh v.v... Được trang hoàng với các thiên chứng cũng như chúng sanh làm tràn ngập thành phố với những phẩm chất có lợi cho việc Giác Ngộ.[249] Do vậy có lời nói rằng:

[155] V 3. Sau khi đã chế ngự[250] được phiên não ngài chứng đắc vô thượng Chánh Đẳng Giác. Vị đạo sư đã kiến thiết một thành phố, là thành phố Diệu Pháp vinh quang tột đỉnh.[251]

3. Chính vì thế *sau khi đã chiến thắng* có nghĩa là sau khi đánh bại, sau khi khuất phục được. Ý nghĩa ở đây là: sau khi đã phá huỷ hoàn toàn Thiên tử Ma[252] và là người đã khiến cho mọi phiên não trở thành hiệu lực.

3. *Ngài* có nghĩa là ngài Sumana. “Sau khi đã chiến thắng các phiên não”[253] cũng là một cách giải. Văn *hi* ở đây chỉ là một tiểu ngữ trong đoạn kệ mà thôi.

3. *Chứng đắc* có nghĩa là đã đạt đến được; “Thành tựu”[254] cũng là một cách giải thích

3. *Thành phố* (nagara) có nghĩa là Thành phố níp-bàn

3. *Thành phố Diệu Pháp vinh quang tột đỉnh* có nghĩa là: trong số những thành phố vinh quang được biết tới như là Diệu Pháp là tối thượng, tốt nhất, được tôn tại như là một nguyên tắc căn bản [255] Hay tối thượng trong số những thành phố vinh quang. Bao gồm Diệu pháp Thành phố Diệu pháp Vinh quang tối thượng. Theo cách khác, “thành phố” cũng được hiểu đơn giản chỉ là đồng nghĩa với từ pura này [256] thành phố được đề cập đến ở đây chính là Níp Bàn hiểu theo nghĩa đây là nơi nghỉ ngơi, là nơi cư trú của những bậc hữu học cũng như vô học và các cá nhân thánh đức là những người đứng vững đã thấu triệt bản chất cơ bản của Phật Pháp. Và trong thành phố Diệu Pháp vinh quang này ngài đạo sư đã xây một chánh đạo, tức là những người niệm xứ, không hề gián đoạn, không quanh co, luôn thẳng tắp rộng rãi và trải rộng. Do vậy có lời nói rằng:

V. 4. Ngài đã xây dựng một phố chính, liên tục, không quanh co, thẳng tắp rộng rãi và trải rộng khắp: là những niệm xứ vinh quang tột đỉnh.

4. Trong trường hợp này *liên tục* có nghĩa là liên tục từ lúc sẵn sàng nhúng tay vào để chuyển tới thiện tốc lực tâm [257].

4. *Không quanh co khúc khuỷu* có nghĩa là không cong queo vì không có những nhược điểm khiến cho đặc tính quanh co xuất hiện.

4. *Thẳng thắn* có nghĩa là thẳng chỉ đơn giản từ không quanh co. Đây là một cách diễn tả, là cách giải thích đơn giản của nghĩa các từ trên.

4. *Rộng rãi và trải rộng* có nghĩa là rộng rãi và trải ra theo chiều dài và chiều rộng. Nên được hiểu có liên quan đến chiều rộng và chiều sâu của những niệm xứ hiệp thể và siêu thể.

4. *Chánh đạo* có nghĩa là đường lối to lớn thênh thang.

4. *Những niệm xứ vinh quang tối thượng* có nghĩa là cả những niệm xứ và pháp tối thượng giữa những pháp tột đỉnh vinh quang, tức là những niệm xứ vinh quang tối thượng. Hoặc còn có nghĩa là: việc niệm xứ vinh quang tối thượng chính là con đường nguy nga tráng lệ. Giờ đây cả hai phía vệ đường những niệm xứ đó trong thành phố vĩ đại Níp Bàn ngài đã rải ra những kho báu quý giá nơi Phật Pháp, [258] bốn thánh quả của bậc Sa môn [259] bốn tuệ [260] phân tích. Sáu thẳng trí và tám thiên chứng [261] do vậy người ta nói rằng:

V 5. Nơi ường phố đó, ngài đã trải ra bốn thánh quả của bậc Sa môn, tứ tuệ phân tích, sáu thẳng trí. Tám thiên chứng.

[156] Giờ đây Đức Phật nói rằng: “những ai chứng đắc được những châu báu và những của cải là những người không dễ duôi, chuyên niệm, trí tuệ có tâm, có úy, và tinh tấn v.v...”; và cho thấy những phương tiện tạo ra những châu báu này ngài nói:

V 6. Những ai tỏ ra không dễ duôi, tâm không bị hoang du, đầy đủ với tâm và nghị lực, họ sẽ đạt được bất kỳ những gì thuộc ân đức vinh quang đặc biệt như mình mong muốn.

6. Trong trường hợp này *những kẻ nào (ye)* là một đại từ bất định.

6. *Không dễ duôi* có nghĩa là tình trạng đối nghịch lại với tính chây lười cầu thả xuất hiện nơi họ một đặc tướng không tách rời khỏi chánh niệm.

6. *Tâm Không bị sơ cứng tâm linh* có nghĩa là không có năm loại tâm hoang vu. [262]

6. *đầy đủ với tâm và tinh tấn*: tâm [263] có nghĩa là ngài có lòng hổ thẹn về thân ác hạnh v.v... [264] Đây là từ đồng nghĩa với tính khiêm tốn. Tinh tấn chính là một hiện trạng của người nào đó đã tỏ ra đầy khí lực [265]. Đặc điểm lại tỏ ra tích cực. Những cá nhân [266] có đủ tư cách để chịu đựng và đắc thủ được loại tâm và tinh tấn này.

6. *Những người này (te)*: đây là một đại từ bất định

6. Còn nữa *những người này (te)* [267] có nghĩa là những người con trai thuộc những gia đình vị vọng *chiếm được, đạt đến* được tiến tới phân biệt được nơi châu báu đó những ân đức đặc biệt theo như cách đã nói ở trên.

Và Đức Phật Sumana, với tâm của mình ngài biết rõ tâm của tất cả mọi chúng sanh, sau khi đã gỡ trống Phật Pháp và xây thành Phật Pháp. Nhờ vào những phương pháp này ngài đã thức tỉnh trước tiên một trăm ngàn vạn triệu người theo như lời người ta kể rằng:

V 7. Như vậy, nhờ vào việc ứng dụng tận tâm này, vị đạo sư đã giúp chúng sanh vượt qua bực lưu, tỉnh thức trước tiên một trăm ngàn vạn triệu người cả chúng sanh lẫn chư Thiên.

7. *Về vấn đề này vượt qua khỏi* có nghĩa là chính ngài đã kéo họ vượt qua khỏi đại dương luân hồi nhờ vào con tàu Thánh Đạo.

7. *Một trăm ngàn vạn triệu*: ý nghĩa là: crores một trăm nghìn [268] được diễn tả theo cách ngược lại các từ.

Và khi Sumana, lãnh tụ thế gian, đã dẹp tan niềm kiêu hãnh và tính tự phụ của các nhóm ngoại giáo ngài liền thực hiện Song thông ngay tại gốc cây soài trong thành phố Sunandavatī. Ngài đã khiến cho một ngàn vạn triệu chúng sanh được nếm hương vị Phật Pháp. Đây là cuộc thâu triệt Pháp hội lần thứ hai. Do vậy người ta nói rằng:

V8. Vào thời điểm diễn giải Phật pháp lần thứ hai, khi người đại anh hùng đã động viên các nhóm ngoại giáo, có một ngàn vạn triệu chúng sanh thâu triệt (Pháp).

8. Trong trường hợp này *các nhóm ngoại giáo* có nghĩa là các nhóm đã trở thành các môn phái và [\[269\]](#) các nhóm môn phái. Một số lại giải thích: Đức Phật đã diễn giải Phật Pháp để cảm thắng các ngoại giáo.”

Và khi các chư Thiên thuộc Thập Vạn Đại Thiên ta bà Thế Giới và các chúng sanh đã qui tụ lại nơi thế gian này họ đã thực hiện một cuộc nói chuyện về tịch diệt: làm sao họ có thể nhập vào tịch diệt này? Làm sao được nhập vào tịch diệt này [\[157\]](#) Làm sao họ xuất khỏi tịch diệt? Không thể phân biệt được giữa nhập, quyết định và xuất khỏi. v.v... Các vị chư Thiên thuộc sáu cõi dục giới với các con người và vị Phạm Thiên nơi chín cõi Phạm Thiên, lại phân thành hai phe. (cả hai) đều nghi kỵ lẫn nhau. Chính vì thế vào buổi chiều cùng với nhà vua tên là Arindama, rất được lòng dân, họ đã rủ nhau đến gặp Sumana, là đức Như Lai Thập Lực, là người bảo vệ thế gian. Khi họ đã quyết định tụ tập lại với nhau, thì nhà vua Arindama liền hỏi Đức Phật Sumana một câu hỏi về tịch diệt đó. Thế rồi chính vì lời giải Thích Câu hỏi của Đức Phật về tịch diệt, đã diễn ra một cuộc thâu triệt Pháp hội cho khoảng chín mươi ngàn vạn triệu chúng sanh. Đây là cuộc thâu triệt Pháp hội lần thứ ba. Do vậy có người nói rằng:

V. 9. Khi con người và các vị chư Thiên, một lòng một ý cùng nhau gặp ngài Sumana và đặt ra một câu hỏi về tịch diệt và về điều nghi ngờ trong tâm.

10. Và rồi khi ngài đang diễn giải Phật Pháp, [\[270\]](#) về việc làm sáng tỏ [\[271\]](#) tịch diệt. Đã diễn ra cuộc thâu triệt Pháp hội [\[272\]](#) có chín mươi ngàn người trở lại.

Và Đức Phật Sumana có ba Tăng Đoàn đồ đệ. Trong lần tụ tập đầu tiên sau khi ngài đã trải qua mùa mưa tại thành phố Mekhala, Đức Phật tham gia vào cuộc “lễ tự tứ đầu tiên, ngài đã mời tới một ngàn vạn triệu vị A-la-hán cùng xuất gia theo công thức “Thiện lai tỳ khuru” là công thức kêu mời xuất gia. Đây là lần qui tụ đầu tiên. Sau một thời gian khi nhà vua Arindama đang ngự trị trên núi vàng nhờ sức mạnh tài khéo của ngài, đã nổi lên một khoảng cách độ một do tuần (yojana) từ thành phố Sankassa, mặt trời quang vinh, vị hiền triết, giống như mặt trời mùa thu xinh đẹp trên núi Yugandhara, đang thuần hoá khoảng chín mươi ngàn vạn triệu các chúng sanh đang trên đường đi tới vây quanh nhà vua Arindama. Hãy để họ xuất gia theo công thức “Thiện lai tỳ khuru.” Các vị đã đạt đến bậc A-la-hán vây quanh chính ngày hôm đó ngài đã tụng Giới Bản nơi một Tăng Đoàn đã ủ tứ chi phân [\[273\]](#) Đây là Tăng đoàn thứ hai. Và khi Thiên Chủ (Sakka), vua các chư Thiên tiến lại gần để nhìn thấy người chăm lo hạnh phúc cho chúng sanh, rồi Đức Phật Sumana lại tụng kinh Giới Bản vây quanh ngài là tám mươi ngàn vạn triệu vị A-la-hán. Đây là Tăng Đoàn thứ ba. Do vậy có người nói rằng:

V 11. Nhà ẩn sĩ vĩ đại Sumana có ba Tăng Đoàn gồm toàn những người kiên định và đã đoạn tận mọi lậu hoặc. Họ là những người vô tỳ vết và an tịnh trong lòng.

12. Khi Đức Phật đã an cư mùa mưa trong việc công bố “lễ Tự tứ Ngài đã mời một Tăng Đoàn gồm tới một trăm ngàn vạn triệu người.

13. Tiếp theo sau đó, với một đoàn thể vô tỳ vết qui tụ lại trên núi vàng lại diễn ra một cuộc qui tụ thứ hai gồm chín mươi ngàn vạn triệu.

14. Khi Thiên Chủ (Sakka), vua các chư Thiên, đến gặp Đức Phật, lại diễn ra một cuộc qui tụ lần thứ ba gồm tám mươi ngàn vạn triệu.

[158] 12. Về vấn đề này *liên quan đến việc công bố* “*lễ Tự tứ*”^[274] có nghĩa là có thay đổi giống cần được hiểu ở đây. ý nghĩa ở đây là: nhân việc công bố ‘lễ Tự tứ

13. *Tiếp theo sau đó* có nghĩa là việc tiếp theo sau lời mời.

13. *Trên ngọn núi vàng* có nghĩa là gồm có vàng ròng.

14. *đến để gặp Đức Phật* có nghĩa là đến để yết kiến Đức Phật ^[275]

Người ta nói rằng vị Bồ Tát của chúng ta lúc đó là một vua Long Vương gọi là Atula, là một người có sức mạnh thần thông vĩ đại, có quyền lực vô song. Khi nghe rằng có một đức Phật xuất hiện ngài liền ra khỏi nơi cư trú có một đoàn người hộ hàng bao vây. Sau khi đã tổ chức một cuộc bố thí gồm có các nhạc cụ chư Thiên cho đức Phật Sumana là người có hàng trăm ngàn vạn triệu các vị tỳ khưu^[276] vây quanh, đã ban tặng cuộc bố thí vĩ đại đó và dâng mỗi vị tỳ khưu một cặp y cà sa, ngài đã được thiết lập vào nơi nương tựa. Vị đạo sư này cũng đã thọ ký về ngài như sau, “Trong tương lai ngài sẽ trở thành một Đức Phật “Do vậy người ta nói rằng:

V 15. Vào thời đó ta là một vị Long Vương (Naga) có sức mạnh thần thông to lớn. Tên ta là Atula. Có nhiều tài khéo dồi dào.

16. Rồi, xuất phát với những bà con ruột thịt từ nơi ở của vị Long Vương (Naga). Ta đã phục vụ vị Chiến Thắng và Tăng Đoàn của ngài với những nhạc cụ chư Thiên do các Long Vương nagas biểu diễn.

17. Sau đó ta đã phân phát một trăm ngàn vạn triệu bộ y cà sa cho các vị tỳ khưu và đã chiêu đãi họ với đồ ăn thức uống. Ta đã chạy lại tìm nơi qui y nơi ngài.

18. Đức Phật Sumana, lãnh tụ thế giới cũng đã thọ ký về ta như sau: “Vô số đại kiếp kể từ đây vị này sẽ trở thành một đức Phật”..

19. Khi ngài đã phấn đấu khổ hạnh...” “...chúng ta sẽ được đối diện với con người này.”

Có tám đoạn kệ được diễn giải giống như trong biên niên ký sự về Đức Phật Koṇḍañña.

20. Khi ta đã nghe được những lời này, càng ngày ta càng xác định được chiều hướng tâm linh của ta. ta nhất quyết dốc lòng tu tập để hoàn thành được thập độ (mười Ba la mật).

Và Mekhala là tên thành phố của Đức Phật Sumana. Cha ngài là đức vua Sudatta. Mẹ ngài có tên là Sirim; Saraṇa và Bhāvitatta là tối thượng nam tinh văn của ngài. Udena là thị giả (tu trì) của ngài. Soṇā và Upasōṇā^[277] là hai tối thượng nữ tinh văn của ngài, cây Bồ Đề của ngài có tên là cây Nāga. Thân hình của ngài cao khoảng chín

mười cubit. Quãng đời ngài kéo dài tuổi thọ chính xác khoảng độ chín mươi ngàn năm. Vaṭṭṣak[278] là tên hoàng hậu của ngài. Anupama là tên con trai của ngài. Ngài xuất gia trên lưng voi, Aṅgarja là trợ lý cư sĩ của ngài, Ngài sống tại Aṅgrma. Do vậy có lời nói về ngài như sau:

[159] V 21. Mekhala[279] là tên thành phố. Sudatta là tên vị Quý Tộc Sát Đế Li, Sirimā là tên của mẹ ngài Sumana. Cũng là một ẩn sĩ vĩ đại.

22. Ngài sống cuộc đời trần tục trong vòng chín mươi năm. Ba toà lâu đài tráng lệ của ngài là Canda, Sucanda. Vaṭṭṣa.[280]

23. Có tới tám mươi ba ngàn phụ nữ được trang điểm lộng lẫy. Vợ của ngài là bà Vaṭṭṣik, con trai của ngài có tên là Anupama.

24. Sau khi ngài đã được chứng kiến bốn điềm lạ ngài liền xuất gia trên lưng một con voi. Vị chiến thắng đã thực hiện phần ầu khổ hạnh trong vòng không đầy mười tháng.

25. Sumana, vị lãnh tụ thế giới. Vị anh hùng vĩ đại. Được một vị Phạm Thiên thỉnh cầu với ngài. Ngài đã Chuyển Pháp luân tại thành phố[281] Mekhala xinh đẹp kiêu hãnh.

26. Saraṇa và Bhvitatta là hai tối thượng nam tinh văn của ngài. Udena là tên người thị giả cho Sumana, vị đại ẩn sĩ.

27. Soṇā và Upasoṇā [282] là hai tối thượng nữ tinh văn của ngài và đức Phật vô cùng nổi tiếng này đã Giác Ngộ ngay gốc cây Nāga.

28. Varuṇa và Saraṇa là tối thượng cận sự nam; Cālā và Upacālā[283] là hai tối thượng cận sự nữ của ngài.

29. Đức Phật đó, xuất hiện cao[284] chín mươi cubit, tỏa sáng giống như một cột trụ đầy hoa trước sự chứng kiến của cả mười ngàn chúng sanh.

30. Tuổi thọ bình thường của ngài kéo dài khoảng chín mươi ngàn năm. Sống lâu như vậy ngài đã khiến cho nhiều người vượt qua (bộc lưu).

31. Sau khi đã khiến cho hàng triệu người vượt qua bộc lưu những người đó lại tạo cho biết bao nhiêu người vượt qua được bộc lưu và Giác Ngộ những người đó có thể Giác Ngộ được những người khác. Đấng Chánh Đẳng Giác ấn định như một vị vua các quần thần thiên đàng, ngài đã nhập Níp Bàn.

32. Những ai đã trở thành các vị tỳ khuru, những vị ấy đã đoạn tận các lậu hoặc và trở thành nổi tiếng. Và đức Phật duy nhất này đã tỏa sáng ánh hào quang không gì sánh nổi. Toàn bộ đã tan biến đi.

33. Và trí vô ịch đó và cả những kho báu không gì sánh nổi đó, tất cả đều tan biến i. Thế thì toàn bộ các pháp hữu vi đều là trống rỗng cả hay sao?

34. Đức Phật nổi tiếng Sumana này cũng đã tịch diệt trong công viên Aṅgārāma. Toà tháp của vị Chiến Thắng được xây dựng để tưởng nhớ đến ngài cao bốn do tuần (yojana) [285]

[160] 29. Về vấn đề này *giống như một cột trụ trang hoàng hoa lá* có nghĩa là ánh sáng tuyệt đẹp của ngài được trang điểm với đủ loại á quý.

29. *Chiếu sáng trên cả Thập Vạn Đại Thiên ta bà Thế Giới* có nghĩa là ngay cả Thập Vạn Đại Thiên ta bà Thế Giới đều toả sáng ánh hào quang của ngài. Ý nghĩa ở đây là: ngài toả sáng rực rỡ.

31. *Có thể tạo cho chúng sanh vượt qua bực lưu* có nghĩa là có khả năng khiến cho nhiều người vượt qua bực lưu.[286] Ý nghĩa ở đây là: tất cả những người được đức Phật hướng dẫn qua khỏi bực lưu.

31. *Vị vua các quần thần thiên quốc* có nghĩa là giống như mặt trăng.

Án định có nghĩa là tiến tới quyết định[287]. Một số người giải thích: “nhằm quyết định xuất gia”[288]

Duy nhất có nghĩa là duy nhất không còn ai khác.[289]

Rất nổi tiếng có nghĩa là được nhiều người biết đến. Danh tiếng lẫy lừng. Đoàn tùy tùng lớn lao.

33. *Và trí đó* có nghĩa là kiến thức toàn tri đó.

Vô địch không gì sánh nổi có nghĩa là khôn ví[290], độc nhất.

Điều còn lại đã quá rõ ràng.

Kết thúc phần Chú giải Biên niên Ký Sự Phật Tổ Sumana

Kết thúc Biên niên Ký sự Đức Phật Thứ Tư

-ooOoo-

VI. CHÚ GIẢI ĐỨC PHẬT TỔ REVATA

Tiếp theo sau phần bình luận về Đức Phật Sumana và sự việc Giáo Pháp của ngài tan khỏi thế gian này, tuổi thọ của loài người dần dà thu ngắn lại từ chín mươi ngàn năm[291] đến chỉ còn tuổi thọ mười năm, dần dà tăng lên trở lại thành tuổi thọ một A Tăng Kỳ và giảm trở lại thành tuổi thọ sáu mươi ngàn năm.

Thế rồi lại có vị đạo sư hồng danh là Revata nổi lên. Khi ngài đã hoàn tất được toàn bộ mười Pháp Ba la mật ngài được tái sinh nơi Cõi Trời Đâu Suất, là nơi cư trú rực rỡ với[292] vô số đá quý. Rồi bỏ cuộc sống tại đó ngài được giáng trần tái sinh trong lòng bà Vipulā là một người phụ nữ có thừa những phẩm chất đẹp đẽ duyên dáng. - Gương mặt ngọc ngà của bà trông giống như một đầm sen được trang trí mỹ miều với những bông huệ nước nở rộ. Ánh mắt của bà như có những đàn ong[293] vây

quanh – thu hút sự chú ý của chúng sanh. Trong thành phố Sudhaññavatī với đủ thứ giàu sang của cải lương thực, bà là hoàng hậu nhiếp chính trong hậu cung của vị vua tên là Vipula, là người có đoàn tùy tùng to lớn vây quanh, được trang điểm với đủ mọi thứ trang sức, ngài có một đoàn tùy tùng biểu thị cho sự thịnh vượng và giàu sang đem lại. Ngài có dư thừa mọi thành công. Sau mười tháng trong bụng mẹ vị Bồ Tát Đản sanh, rời khỏi bụng mẹ giống như một con ngỗng hoàng gia màu đỏ hồng trên núi Cittakṭa[294] Những điềm lạ về giáng sanh trong lòng mẹ và Đản sanh của ngài giống như Chư Phật đã đề cập đến ở trên.[295]

Và ba toà lâu đài của ngài có tên là Sudassana, Ratanagghi, vela.[296] Có tới ba mươi ba ngàn phụ nữ chăm sóc cho ngài với Mỹ nhân Sudassanā đứng đầu, vây quanh với những phụ nữ đẹp như tiên trên trời. Ngài đã sống cuộc sống trong hoàng cung trong sáu ngàn năm. Trải qua đủ mọi niềm sung sướng trên cõi đời này.[297] [161] Sau việc sanh [298] hạ ra hậu duệ của mình tên là Varuṇa, do vợ của ngài là Sudassana. Ngài đã chứng kiến bốn điềm lạ. Dừng đứng trước những phú quý nơi quần áo đẹp, nơi cư trú giàu sang, ngài đã bỏ đi đôi bông tai bằng vàng đá quý, vòng đeo tay, mũ trên đầu và nhẫn đeo tay. Những hương trầm quý hoá nhất và những chuỗi ngọc trang điểm cho ngài. Rồi, giống như mặt trời vô cùng rực rỡ. Và như mặt trăng mùa thu. Giống như mặt trăng bao vây xung quanh với một chòm sao, như thể bao quanh ngài là một đoàn các vị Tam thập Tam, giống như Thiên vương Ngàn Mắt bao quanh là một đám các vị Phạm Thiên và giống như vị Đại Phạm Thiên Harita[299] bao quanh là cả một đoàn Bốn binh chủng vĩ đại, ngài đã xuất gia vào một buổi xuất gia vĩ đại đi trên một chiếc xe do các con tuấn mã thuần chủng cùng kéo.

Cởi bỏ toàn bộ đồ trang sức, giao chúng trở lại cho người giữ kho, ngài cắt tóc và chỏm tóc bằng chiếc gươm được mài bén cực kỳ giống như cánh hoa sen xanh, vô tỳ vết; cho dù nổi trên mặt nước và tung lên trên trời. Thiên Chủ (Sakka), vua các chư Thiên, nhận lấy toàn bộ những thứ tóc đó đựng trong một chiếc tráp nhỏ bằng vàng, mang đến nơi cư trú của các vị Tam Thập Tam và xây một điện thờ gồm bảy loại đá quý trên đỉnh núi Sineru.

Và vị Đại Nhân mặc y cà sa màu vàng do các chư Thiên đem lại, rồi ngài xuất gia. Một vạn triệu người cũng xuất gia theo gương của ngài. Bao quanh là những chúng sanh bắt đầu phân đầu tu luyện khổ hạnh trong vòng bảy tháng. Vào ngày rằm tháng Tư visākha ngài đã tham gia bữa ăn cơm sữa ngọt do Sādhudevī đem đến thiết đãi ngài, cô là con gái của một thương lái. Ngài đã trải qua một ngày lưu trú tại cánh rừng Sāla. Vào buổi chiều ngài nhận tám bó cỏ do Varuṇindhara, là một ẩn sĩ loã thể dâng cúng cho ngài và ngài tiến lại cây Bồ Đề Nāga vinh quang rồi ngài đã đi chung quanh cây Bồ Đề giữ phân bên phải tiến về phía cây đó. Ngài trải cỏ khô trên một khoảng rộng độ năm mươi ba cubit. Quyết tâm đạt đến chánh tinh tấn bốn chi phần. [300] Đánh tan đoàn quân Ma-vương và thấu triệt trí toàn tri, ngài đã thốt lên những lời tuyên bố long trọng sau đây:

“Qua biết bao nhiêu kiếp tái sanh luân hồi...
Ta đã diệt trừ mọi ái dục.”

Do vậy có lời nói rằng:

VI 1. Sau đức Phật Sumana đến lãnh tụ Revata, một phi thường khôn ví, độc nhất vô nhị. không gì sánh nổi, tối thượng và là người Chiến Thắng.

Người ta nói rằng sau khi đã trải qua bảy tuần lễ gần ngay gốc cây Bồ Đề. Đạo sư Revata đã đồng ý lời thỉnh cầu của vị Phạm Thiên diễn giải Giáo Pháp cho chúng sanh, nghĩ rằng, “Trước tiên ta phải diễn giải Giáo Pháp cho ai đây?” và nhìn thấy một đám đông các vị tỳ khuru khoảng một vạn triệu^[301] người đã xuất gia với ngài và các chư Thiên và con người được phú bẩm cho những ân đức đặc biệt, ngài đã đi trên không trung và đáp xuống công viên Varuṇā và thực hiện rất nhiều phép thần thông, vây quanh ngài là một oàn các vị tỳ khuru. Sau khi đã Chuyển Pháp Luân, không gì có thể vượt qua, là những điều cao siêu, tinh tế, gồm ba phần.^[302] Không thể quay ngược trở lại với bất kỳ ai. Một vạn triệu vị tỳ khuru đã thiết lập A-la-hán. Chẳng còn giới hạn nào được đặt ra với những tính toán của những ai đã thiết lập ba thánh quả thánh đạo này.

Do vậy người ta đã nói:

VI 2. Cả ngài cũng vậy, do Đấng Phạm Thiên thỉnh cầu để diễn giải Giáo Pháp, hầu đưa ra định nghĩa ngũ uẩn, giới, và không xảy ra trong nhiều hữu.^[303]

[162] 2. Về điểm này định *nghĩa ngũ uẩn và giới* có nghĩa là phân loại ngũ uẩn và mười tám giới bằng những định nghĩa bắt đầu với danh và sắc. Việc định nghĩa các uẩn và các giới được gọi là việc khẳng định các hiện trạng sắc giới và vô sắc giới nhờ những đặc tướng của bậc Sa môn lại là những đặc điểm chủ yếu. Hay, “sắc giống như một trái banh bong bóng.”*₁ Vì sắc không bền vững và vì nó có đầy lỗ hổng. “Thọ giống như một bong bóng nước”* vì nó chỉ tồn tại được trong giây lát mà thôi. “Tuồng cũng giống như một ảo Đảnh.”* vì nó chỉ tạo ra những ảo giác.. “hành cũng giống như một thân cây chuối”* vì không có lõi bằng gỗ cứng. “thức cũng giống như trò ảo thuật” * Vì nó tạo ra trò lừa gạt. Với cách thức bắt đầu như vậy việc định nghĩa ngũ uẩn và giới nên được hiểu như là quan sát về đặc tính vô thường^[304] vậy.

2. *Không xảy ra trong nhiều hữu* có nghĩa là: ở đây hữu là tăng trưởng, phi hữu là suy thoái; hữu là thường kiến. Phi hữu là đoạn kiến; hữu là hiện hữu nhỏ nhoi,^[305] phi hữu lại là một hiện hữu vĩ đại; hữu là hiện hữu theo cách dục giới,^[306] Phi hữu lại là hiện hữu dưới dạng sắc giới và vô sắc giới.^[307] Theo cách thức như vậy ý nghĩa hữu nên được hiểu rõ. Ý nghĩa đây là ngài diễn giải Pháp hiện hữu đối với không xảy ra thuộc nhiều hình thái hữu khác nhau. Hay hữu có nghĩa là điều đó trở thành dưới dạng như vậy. Trong ba loại hữu trong quy trình nghiệp hữu trước qui trình tái sanh. Qui trình tái sanh hữu được gọi là phi hữu. Ngài đã diễn giải Giáo Pháp về không xảy ra để loại bỏ đi ước muốn cả hai.

*₁. Xin đọc S. iii 145, được trích trong Vsm

Và dưới thời đức Phật Revata này đã diễn ra ba lần thâu triệt Pháp hội. Thâu triệt pháp hội lần đầu tiên vượt quá mọi cách ước tính. Do vậy người ta nói rằng:

VI 3. Khi ngài đang diễn giải Giáo Pháp đã diễn ra ba lần thâu triệt pháp hội. Lần thâu triệt pháp hội đầu tiên vượt quá mọi tính toán nơi chúng sanh.

3. Trong trường hợp này *Ba* có nghĩa là ba[308] có sự thay đổi tính. Đây là việc thâu triệt pháp hội lần đầu tiên.

Sau một thời gian lưu lại tại thành phố Uttara, một thành phố quan trọng nhất, vị vua tên là Arindama, người đã đàn áp toàn bộ kẻ thù (sabbarindama). Người ta nói rằng khi nhà vua nghe tin Đức Phật đã trở về thành phố của chính nhà vua, rồi còn có tới ba vạn triệu chúng sanh vây quanh, đức vua đã ra và đến gặp Đức Phật và mời ngài vào trong hoàng cung vào ngày mai. Sau khi đã sắp xếp một cuộc bố thí lớn kéo dài một tuần lễ dành cho Tăng Đoàn các vị tỳ khưu có Đức Phật lãnh đạo. Nhà vua đã kính lễ Đức Phật bằng đèn nến kéo dài tới ba gavuta, tiến lại gần Đức Phật và ngồi xuống. Rồi đức Phật đã diễn giải Giáo Pháp theo nhiều cách khác nhau thích hợp cho từng suy nghĩ của mỗi người,[309] đã diễn ra tại đây cuộc thâu triệt pháp hội lần thứ nhì cho một ngàn vạn triệu con người cũng như các vị chư Thiên. Do vậy người ta nói rằng:

VI 4. Khi vị hiền triết Revata thuyết giảng cho nhà vua Arindama rồi sau đó liền diễn ra cuộc thâu triệt pháp hội lần thứ hai cho một ngàn vạn triệu người.

Đây là cuộc thâu triệt Pháp hội lần thứ hai.

[163] Sau một thời gian đang khi còn lưu lại gần thị trấn Uttara, đạo sư Revata ngồi thiền trong vòng một tuần lễ ngài đã nhập thiên diệt. Người ta nói rằng: các cư dân sống gần thị trấn Uttara đó, mang cơm, đồ ăn đặc có chất lượng, thuốc men, và đồ uống đến và thực hiện một cuộc bố thí dành cho Tăng Đoàn các vị tỳ khưu, họ đã hỏi các vị. “Thưa các vị kính mến, Đức Phật hiện đang ở đâu?” Bởi vì các vị tỳ khưu đã cho họ biết: “Thưa các vị, Đức Phật đang nhập thiên diệt.” Rồi kết thúc bảy ngày đó họ nhìn thấy Đức Phật xuất khỏi thiên diệt và giống như mặt trời mùa thu, ngài toả sáng bằng chính sắc đẹp tuyệt trần của mình, họ liền hỏi những ân đức đặc biệt đem lại những điều thuận lợi gì cho việc chứng đắc thiên diệt. Đức Phật nói cho họ biết những điểm lợi do ân đức đặc biệt đem lại trong việc chứng đắc thiên diệt. Rồi ngài đã kiến lập một trăm vạn triệu con người lẫn chư Thiên chứng đắc A-la-hán. Đây là cuộc thâu triệt Pháp hội lần thứ ba. Do vậy có người đã nói rằng:

VI 5. sau khi đã xuất khỏi sau một tuần lễ nhập thiên diệt. Ngài đã huân dụ cho một trăm vạn triệu con người và chư Thiên về Thánh quả tối thượng.

Cuộc triệu tập đầu tiên trong thành phố Sudhaññavatī nhân việc tụng Giới Bồn gồm toàn bộ các vị A-la-hán vượt quá xa ước tính của những ai đã xuất gia theo khẩu hiệu “Thiện lai tỳ khưu” Cuộc triệu tập thứ nhì diễn ra tại thành phố Mekkhala lại có một số các vị A-la-hán con số ước tính được một trăm ngàn vạn triệu người lại gồm

những người đã xuất gia theo mệnh lệnh, Thiện lai tỳ khuru”, là mệnh lệnh kêu gọi xuất gia. Nhưng Varuṇa, tối thượng tinh văn và cận sự nam Chuyển Pháp Luân của Đức Phật Revata, tối thượng trí tuệ, lại bị bệnh. đang khi diễn giải Giáo Pháp và giải thích tam tướng cho dân chúng là những người đã đến để tìm hiểu về bệnh tật của Ngài, lại có tới hơn một trăm ngàn vạn triệu người xuất gia theo mệnh lệnh “Thiện lai Tỳ khuru.” ngài đã khiến cho họ kiến lập A-la-hán, ngài liền tụng Giới Bản cùng với tăng đoàn bốn chi đó.^[310] Đây là cuộc triệu tập thứ ba. Do vậy có người nói rằng:

VI. 6. Đại ân sĩ Revata có ba tăng đoàn đã kiên trì đoạn tận mọi lậu hoặc và đã trở nên vô tỳ vết và được giải thoát.

7. Những ai tụ tập lại vào lần triệu tập đầu tiên thật đông đảo ngoài sức tưởng tượng. Cuộc triệu tập thứ hai lại gồm một trăm ngàn vạn triệu người xuất gia.

Không có người nào trí tuệ ngang bằng với một cận sự nam của Chuyển Pháp Luân thì đang chịu bệnh tật hành hạ, họ sống trong nghi ngờ.

Cuộc qui tụ lần thứ ba gồm một trăm ngàn vạn triệu^[311] các vị A-la-hán, những vị hiền triết đó đã tiến lại gặp Đức Phật và hỏi thăm về bệnh tình của ngài.

Trong trường hợp này *ệ Tử Chuyển Pháp Luân* có nghĩa là những người môn đồ của Chuyển Pháp Luân.

Sống trong nghi ngờ^[312] về vấn đề này nghi ngờ thuộc cuộc sống chính là sống trong nghi ngờ. [164] “Liệu ngài có đến để chấm dứt cuộc sống đó hay không?” Liệu như vậy cuộc sống trong nghi ngờ,² như vậy ngài có chết hay chẳng, hay không chết vì tính chất nghiêm trọng của bệnh tật đó chẳng? đó chính là cuộc sống trong nghi ngờ.²

9. *Thế rồi những vị hiền triết đã tiến lại gần: điều này có nghĩa là nếu như nguyên âm là âm dài*^[313] là điều liên quan đến các vị tỳ khuru^[314] nếu là nguyên âm ngắn^[315] cùng với nguyên âm^[316] có giọng mũi (có thêm từ muni) thì lại ám chỉ từ Varuṇa^[317]

Lúc bấy giờ vị Bồ Tát của chúng ta, là một thầy Bà la môn có tên là Atideva cư trú tại thành phố Rammavatī. Ngài đã hoàn thành những bổn phận bắt buộc của những người Bà la môn. Đang khi nhìn thấy Revata, vị Chánh Đẳng Giác, và nghe ngài diễn giải về Phật Pháp, đã thiết lập nơi nương nhờ, và khen ngợi ngài là đức Như Lai Thập Lực với hàng trăm hàng ngàn lời khen ngợi. Ngài Kính lễ Đức Phật bằng một chiếc áo khoác ngoài trị giá cả ngàn đồng tiền vàng. Đức Phật cũng đã thọ ký về Ngài như sau: một trăm ngàn đại kiếp và hai A tăng kỳ trở lại đây ngài sẽ trở thành đức Phật có hồng danh là Cồ Đàm.” Do vậy có lời nói rằng:

VI 10. vào thời đó ta đã là một người Bà la môn tên là Atideva. Sau khi đã tiến tới gặp Đức Phật Revata, ta đã đến với ngài xin quy y.

11 Sau khi đã khen ngợi giới đức của ngài, định và ân đức trí tuệ đặc biệt không gì sánh nổi^[318] theo như khả năng của ta^[319] ta đã ban tặng cho ngài chiếc áo khoác

ngoài.

Đức Phật Revata, lãnh đạo thế gian, cũng đã thọ ký về ta: “Nhiều đại kiếp kể từ nay người này sẽ trở thành một đức Phật.”

Khi ngài tập trung phần đầu khổ hạnh...” chúng ta sẽ đến gặp trực diện với ngài.”

Tám đoạn kệ được giải thích[320] như sau:

Khi ta đã nghe những lời của ngài ta càng hướng tâm trí. Ta đã dốc lòng nhất quyết tu luyện nhiều hơn để chu tất mười pháp Ba la mật.

Thế rồi. Niệm tưởng lại những pháp Phật[321] ta tăng thêm suy tư, “Ta sẽ chứng đắc Pháp mà ta đã hết lòng mong đợi từ lâu.

Ta tới gặp ngài để tìm nơi nương tựa: có nghĩa là tôi đến tìm ngài để qui y,[322]. sở hữu cách được hiểu theo nghĩa đối cách.

Ân đức trí tuệ đặc biệt: có nghĩa là vẻ tráng lệ của trí tuệ

11. *Không gì sánh nổi* có nghĩa tốt nhất. “Ân đức đặc biệt không gì sánh nổi của tuệ giải thoát”[323] đây là một cách giải thích. Cũng đã khá rõ ràng.

11. *Sau khi đã khen ngợi* có nghĩa là được khen ngợi,[324] được ca ngợi

11. *Theo khả năng của ta* có nghĩa là theo như sức mạnh của tôi.

[165] 11. *Chiếc áo khoác ngoài* có nghĩa là y cà sa vai trái.

11. *Ta ban cho* có nghĩa là ta bố thí[325]

15. *Pháp Phật* có nghĩa là: những Pháp được thực hiện để thành đức Phật ý nghĩa ở đây là Pháp Ba la mật[326]

15. *Niệm tưởng lại* có nghĩa là hồi tưởng lại.

15. *Ta gia tăng* có nghĩa là làm tấn tới.

15. *Ta sẽ chứng đắc* có nghĩa là tôi sẽ kiếm được, thu được

15. *Pháp đó* có nghĩa là quả vị Phật đó.

15. *Điều ta hàng ước ao chờ đợi* có nghĩa là: tôi sẽ chứng đắc quả Phật là điều ta hàng mong mỏi từ lâu.

Và Thành Phố Đức Phật Revata đã lưu lại trong một thời gian có tên là Sudhaññavat, cha của ngài là một Quý Tộc Sát Đế Lị tên là Vipula, mẹ ngài tên là Vupulā; Varuṇa và Brahmadeva là hai tối thượng nam tinh văn của ngài; Sambhava là thị giả; Bhaddā và Subhaddā là hai tối thượng nữ tinh văn của ngài; cây Bồ Đề của ngài có

tên là cây Nāga; thể hình của ngài cao tám mươi cubit; tuổi thọ của ngài kéo dài sáu mươi ngàn năm. [327] Người vợ chính của ngài tên là Sudassasā, con trai của ngài tên là Varuṇa. Ngài xuất gia trên một chiếc xe ngựa thuần chủng.

Ánh sáng rực rỡ không gì sánh nổi nơi về lòng lấy phát ra từ thân xác ngài liên tục toả sáng ra một do tuần (yojana) chiếu sáng cả ngày lẫn đêm [328] Vị vua Chiến Thắng, vị anh hùng vĩ đại, luôn tỏ lòng từ bi đối với mọi chúng sanh đã quyết tâm. “Chớ gì người ta phân tán hết di cốt của ta”

Và trong nơi vui chơi giải trí Mahāsāra [329] cách thành phố lớn khoảng độ một do tuần (yojana) Revata được những người vị vọng kính lễ và đã nhập Níp Bàn.

Do vậy người ta nói rằng:

VI 16. Sudhañavat là tên của thành phố. Vipula là tên của nhà Quý Tộc Sát Đế Li, Vipulā là tên mẹ của Revata, một đại ẩn sĩ.

Varuṇa và Brahmadeva là hai tối thượng nam tinh văn của ngài; Sambhava là tên của thị giả cho Revata, là vị ẩn sĩ vĩ đại.

Bhaddā và **Subhaddā** là những tối thượng nữ tinh văn của ngài; đức Phật đó không có ai sánh nổi, đã chứng đắc Chánh Đẳng Giác ngay tại gốc cây Nāga.

Paduma và Kuñjara là hai tối thượng cận sự nam của ngài; Sirimā và Yasavatī là hai tối thượng cận sự nữ của ngài. [330]

Có dáng đứng cao tám mươi cubit, đức Phật đó đã soi sáng khắp tứ phương thiên hạ giống như cầu vồng trên trời cao.

Vòng ánh sáng không gì sánh nổi phát ra từ thân xác của ngài, toả ánh sáng ra khắp tứ phương thiên hạ rộng khoảng một do tuần (yojana) liên tục cả ngày lẫn đêm.

[166] 26. Tuổi thọ bình thường của ngài kéo dài khoảng sáu mươi ngàn năm. Sống lâu như vậy ngài đã khiến cho nhiều chúng sanh vượt qua bực lưu.

Sau khi đã phô diễn sức mạnh một đức Phật và trình bày rất chi tiết về bất tử cho thế gian, ngài đã viên tịch chấp thủ giống như ngọn lửa đã tàn lụi do hết nhiên liệu.

Và thân xác ngài giống như ngọc bảo và Giáo Pháp duy nhất trên thế gian đã biến mất. Chẳng Phải tất cả pháp hữu vi là trống rỗng cả sao?

Trong trường hợp này được *chiếu sáng* có nghĩa là làm rõ

Chiều cao có nghĩa là cao.

Vòng ánh sáng rực rỡ có nghĩa là mức độ ánh sáng rực rỡ. [331]

27. *Giống như ngọn lửa* có nghĩa là như lửa.

27. *Liên quan đến hết nhiên liệu* có nghĩa là về việc ngọn lửa tan biến đi. [332]

Và thân xác ngài giống như ngọc bảo[333] có nghĩa là thân xác của đức Phật có màu vàng. “và thân xác giống như châu báu đó[334] cũng là một cách giải thích. Nói như vậy nhờ vào cách thay đổi giới tính. Nhưng ý nghĩ cũng giống nhau.

Điều còn lại trong các đoạn kệ trên đã quá rõ ràng.

Kết thúc Phần Chú giải Biên Niên Ký sự Đức Phật Tở Revata.

Kết thúc Biên niên Ký Sự đức Phật thứ năm.

-ooOoo-

[1]. Một cách giải thích nhiều từ trong năm đoạn kệ đầu tiên xuất hiện trong MA iii. 90, AA iv. 90, UdA 281

[2]. Suranandana, Nandana là một cánh rừng rất đẹp nơi cõi Tam thập tam thiên (Tāvātimsa)

[3]. Khyāti, xin đọc KhA 101 về từ này và từ khyāta; cũng xin đọc MR&III., tr. 108 n. 14

[4]. Hai loại của cải và tài sản bhoga, trong A I 92; thuộc của cải thế gian và của cải Phật Pháp

[5]. Bài nói chuyện tiếp diễn về bố thí, trì giới và thiên đường thường diễn ra trong Kinh Phật Pāli. Để có một số tham khảo xin đọc BD iv. 23, n.1

[6]. Ý nghĩa không còn nghi ngờ gì nữa về những thành tích thành công trong việc nhập thiên.

[7]. Xin đọc bản văn tr. 55

[8]. Ariyavuttusamācāro yena vuccati sīlavā. Xin ọc thêm Jā. iv 42 sīlavante ariyavuttine

[9]. Chín trong số mười một đoạn kệ cũng được tìm thấy trong Vism 10 nhưng theo thứ tự khác nhau

[10]. Vassikā hay vassikī, jasminum sambac, là loại hoa bậc nhất do hương thơm của nó, M iii.7, S iii.156, A iv 22, Miln 182

[11]. Xin đọc A iv. 101

[12]. Samayanti; sameti cơ bản có nghĩa để gộp chung lại với nhau, để hợp nhất lại

- [13]. Xin đọc thêm Chú giải Trường Bộ Kinh (DA) 472, MA iii 91v.v... Để hiểu đoạn này.
- [14]. Như trong Chú giải Trường Bộ Kinh (DA) 647, nhưng xin đọc thêm Kvu 208
- [15]. Xin đọc thêm Pháp cú kinh (Dhammapada) I 365
- [16]. Như trong Vin I 15 v.v...
- [17] Xin đọc thêm MAI 231tt, khA 10tt.
- [18] Saraṇam Saraṇāgamanam Saraṇassa gantā ca veditabbā
- [19]. Trong td. D ii 255, S I 27, Jā I 97, xin được trích Chú giải Trường Bộ Kinh (DA) 233, KhA 16, xin trích Divy 195, cũng trong Sikahāmuccaya. Bản dịch tiếng anh tr. 172, xin đăng kê Sūkarikā vadāna
- [20] Ja I 97, Divy 196
- [21]. Xin đọc KhA 16
- [22]. Sutthuno ti satthāram, sở hữu cách số ít và đối cách số ít.
- [23]. Kassaci dành cho đoạn kệ của kañci
- [24]. Thiện hạnh nơi thân (ba cách) khẩu (bốn cách) ý (ba cách) xin đọc Trung Bộ Kinh I 286
- [25]. Caturō phala-m-uttame ti cattāri uttamāni phalāni ti attho
- [26]. Upanissaya; có ba loại ghi trong Vism 536, nhưng tôi nghĩ không được áp dụng ở đây.
- [27]. Ovadati ti ovadi, hiện tại và bất định
- [28]. Sīhahanu như trong D ii 18 iii 144, 175, m ii 136. xin đọc Chú giải Trường Bộ Kinh (DA) 450 trong đó hàm dưới của Đại Nhân giống như hàm sư tử. Thì tròn trịa hơn hàm trên. Đặc tính “viên mãn” được ám chỉ đến hình dạng của hai hàm do không nghi ngờ gì là do 20 chiếc răng trên mỗi hàm đó là một tướng của một vị Đại Nhân.
- [29]. Usabhakkandha
- [30]. Lại là một tướng đặc biệt của một đại nhân xin đọc td. D ii 18, Trung Bộ Kinh ii 136, DA 449
- [31]. Tārayatī ti...tāresi

- [32]. Parimocetī ti parimocesi. Mặc dù vị Chú giải đã nói rằng trong các đoạn văn cảnh như vậy vì các động từ này ở hiện tại cách phải được coi như là thì quá khứ ngài vẫn khẳng định hiệu quả này.
- [33]. Duggatin ti duggatito
- [34]. Xin đọc bản văn tr. 33
- [35]. Ở đây BvAC gọi là ngài bằng một trong hai tên trên. BvAB lại thêm một tên nữa được gọi giống như trong Phật Tông ii 209. cùng với những cách giải thích khác nhau này ngài được gọi theo hai tước hiệu là Đại Nhân
- [36]. BvAC ghi là dhammābhisamayam pāpesi, BvAB ghi là dhammābhisamayam pāyesi, iều này muốn đưa ra cách diễn đạt đồng nhất về ba cơ hội diễn ra thấu triệt Phật Pháp.
- [37]. Paṇḍukambalasilātala, là ngài của Thiên Chủ (Sakka)
- [38]. Cây trầm hương
- [39]. Visuddhideva; xin đọc thêm bản văn tr. 30
- [40]. Theo như BvAB và BvAC giải thích là bốn ngàn
- [41]. Vinetum, với nghĩa là đuổi khỏi hay thoát khỏi vô minh, v.v...cũng có nghĩa là thực thi kỷ luật.
- [42]. Trong đoạn văn này có năm âm kkh được gom lại: manussabhakkho sakahitanirapekkho paravadhadakkho yakkho makkham
- [43].Pharita-; BvAB –pareta-, khuấy phục, thắng, bị ảnh hưởng.
- [44]. Ta nên hiểu đây là vẻ oai nghiêm sức mạnh thần thông của ngài.
- [45]. Pakkhitta; BvAB ghi là khitta. Xin đọc thêm S I 13 =64= Sn 662= Dh 125
- [46]. Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến còn thêm phần thứ hai của câu hỏi
- [47]. Theo nghĩa đen ngọn lửa chỉ dội lại trên ta, mam’ ūpari yeva patati
- [48]. Caturaṅgasamaññāgata sannipāta như đã được ghi trong bản văn tr. 204, 249, hay caturaṅgikasannipāta như ghi lại trong bản văn tr. 163, 169, 298. Một số giải thích như ở trên trong Jkm 31; cũng như trong Chú giải Trường Bộ Kinh (DA) 418 ngoại trừ ở đây mục thứ hai giải thích “bát khất thực và y cà sa dành cho họ lại do sức mạnh thần thông đem lại.” tôi cũng thấy từ caturaṅgikasannipata ược giải thích (trong Friendly Ways, tháng hai-ba 1967) có liên quan đến Đức Phật Cồ Đàm như

sau: các vị tỳ khưu đã qui tụ lại mà không được báo trước Đức Phật đã phong chức cho họ, tất cả đã kiến lập A-la-hán, và vào ngày rằm tháng Magha”

[49]. Có nghĩa là, được Đức Phật cho xuất gia bằng các từ, “Thiện lai tỳ khưu”

[50]. Xin đọc Vin I 104

[51]. Xin đọc Vin iv 85 và BD ii 335, n. 4

[52]. Mahāpavāranā. Phật Lạp Nhật là một nhiệm vụ tu trì thực hiện vào cuối mùa mưa (giải hạ) Đại Tự Tứ. Đọc Vin I 137 tt.

[53]. Saṅkhāra.

[54]. Nidāna, xin đọc văn bản tr. 4, 5

[55]. Chú giải Bộ Pháp Tụ (Asl) 71 (Ke)

[56]. Xin đọc IIA đặc biệt bản văn 78, 92 tt

[57]. BvAB mà tôi theo dõi và đọc rất kỹ... có ghi vīsatisahassāna ca dhammbhisamayo ahoṣi yeva, ekassa pana dvinaṃ tiṇṇaṃ catunnaṃ ti ca ādivasena abhisamayānaṃ anto natthi.

[58]. Nīyanika

[59]. Chaḷabhiññ mahiddhikā

[60]. Chaḷabhiññnaṃ, mahiddhikānaṃ

[61]. Tena samayenā ti tasmim samaye.

[62]. Mānusaṃ bhavaṇ ti manussabhāvaṃ có nghĩa là, hiện trạng nhân loại

[63]. Đối với đoạn này xin đọc MA I 40t giải thích là “bậc A-la-hán” do “thánh quả A-la-hán”.

[64]. Về đoạn này xin đọc MA I 40 một định nghĩa rõ ràng về sekha, hữu học được thấy trong Chú giải Tăng Chi Bộ ii 331

[65]. Upasobhatī ti abhirājatī atirocati. Hai t này xuất hiện để đem lại ý nghĩa toả sáng, làm lu mờ các nguồn sáng khác.

[66]. Đây là một tên khác dùng để gọi Assattha, cây bồ đề, chính vì thế mà tự điển Anh Ấn gọi là cây pipul thay cho Bo. Xin đọc chú thích đoạn IIB 214 trong CB

[67]. Chư Phật và các người đồng thời với ngài cũng có chiều dài tuổi thọ ngang ngửa với nhau.

[68]. Anacchariya: ý nghĩa đáng ngờ, nghĩa đen là. không mấy tuyệt vời

[69]. Phật Tông Sumedha

[70]. Janikā ti janetti, người mẹ đã sanh ra ngài

[71]. Pilakkakapitthana. Đây không phải là hai cây riêng rẽ nhưng là một loại cây kapitthana gọi là pilakkhakapitthana, xin đọc trong CB IIB 214, chú thích.

[72]. Ākula, vóng vít. quân quít.

[73]. Sobhatī ti sobhittha

[74]. Santāretvā mahājanan ti tārayitvā mahājanam

[75]. Sadevakam lokam

[76]. Yaso ti parivāro. Về ý nghĩa của yasa xin đọc trong Tự điển Pāli-Anh (PED) s. v. và bản văn tr. 152,160,257 (mahāyaso ti mahāparivāro)

[77]. Xin đọc bản văn tr. 2-5

[78]. Xin đọc bản văn tr. 128

[79]. Lotus có nghĩa là hoa sen

[80]. Xin đọc thêm Phật Tông IIB 207-12

[81]. Sāgata trong Phật Tông IIB 213

[82]. Tám được ghi lại trong bản văn tr. 296 và một khác biệt nữa trong số tám điểm này cũng được ghi lại trong SnA 407. Miln 285 công nhận có bốn khác biệt giữa các vị Bồ Tát mà thôi. tất cả đều khớp với các khác biệt giữa Chư Phật như đã được khẳng định trong các đoạn văn và trong Chú giải Trường Bộ Kinh (DA) 424

[83]. Pamāṇa, số đo

[84]. Avijjahitattḥāna. Xin đọc bản văn tr. 297 tt. Chú giải Trường Bộ Kinh (DA) 424, DAT ii 19; MA ii 166

[85]. Sau khi đã giảng thuyết vi diệu pháp nơi cõi chư thiên. cũng xin đọc bản văn tr. 232

[86]. Xin đọc Chú giải Trường Bộ Kinh (DA) 423, MA ii 166 về kích thước các thiên viện dâng cúng cho Đức Phật.

[87]. Đoạn này xuất hiện trong Chú giải Trường Bộ Kinh (DA) ii 425

[88]. Những người sanh cùng thời, saḥajātāni, được ghi lại trong bản văn tr. 276, 298 và cũng ghi trong td. Jā I 54, Chú giải Tăng Chi Bộ I 301, ThagA ii 221, đôi khi cũng cho thấy một số thay đổi. Xin đọc phần giới thiệu xlv tt. và về bốn kho báu, xin đọc Lamotte Vkn 278, n. 34, liên hệ đến Devy 60 tt. và Mhvu iii 383

[89]. Jā I 44, CpA 15

[90]. Buddhānubuddhānaṃ sāvakaṇaṃ; xin ọc bản văn tr. 141 dưới tiêu đề Kinh Điềm Lành (Maṅgala Sutta), buddhānubuddhasāvakaṇaṃ và buddhānubuddho yo thero trong Thag 679,1246 ám chỉ về Trưởng Lão Añña Koṇḍañña. ThagA iii 5 có giải thích: buddhānubuddho ti buddhānaṃ anubuddho, sammāsambuddhehi bujjhitāni saccāni tesāṃ desanārena bujjhatā ti attho, có nghĩa là ngài đã giác ngộ chân đế và đã được giác ngộ do chính những người Tự Giác Ngộ bằng cách theo đuổi giáo lý của họ.

[91]. Chẳng có Đức Phật nào khác nổi lên trong niên đại này, đó là niên đại Sāra, xin ọc bản văn tr. 191

[92]. Chiều dài thọ mệnh

[93]. IIA 83tt.

[94]. BvAC ghi là katvā, BvAB lại ghi là vitināmetvā

[95]. BvAC ghi là bodhitaruṃ còn BvAB lại ghi là - rukkhamaṃ

[96]. Xin đọc bản văn tr. 83.

[97]. Xin đọc giải thích trong Vism 631. Chú giải Tăng Chi Bộ iii 18. xin đọc thêm bản văn tr. 83,184,190

[98]. Gotrabhūna

[99]. Buddhañṇena như trong bản văn tr.52, 119,185. Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến giải thích là buddhagūṇe là những ân đức đặc biệt của một Đức Phật, xin đọc bản văn tr.117

[100]. Trung Bộ Kinh I 73

[101]. Xin đọc Ja I 78; xin cũng đọc trong MQ ii 9, n.6

[102]. Vin i. 7

[103]. BvAB và hai Sinhale MSS giải thích là Arundhavatī ở đây và phía dưới.

[104]. Parivārita, cũng có nghĩa là tỏ lòng kính lễ

[105]. Parivuta

[106]. Một trong số những tính ngữ của Thiên Chủ (Sakka)

[107]. Vin i. 10

[108]. Amitayaso ti anantaparivāro.

[109]. sajja ghaṭṭervā, xin đọc trong tự điển Anh-Pāli s v. āsajja

[110]. Khamanenā ti khantiyā

[111]. Trung Bộ Kinh i. 423

[112]. Pavattente

[113]. Pavatteti có nghĩa là đang khi chuyển pháp luân, hiểu theo nghĩa quay tới liên tục, khiến cho khởi xuất.

[114]. Bài thuyết pháp về những đại phước lành, hay điềm lành. Kh v. sn 258tt. năm được ám chỉ trong VA 1008. xin cũng đọc trong bản văn tr. 174. 217, 228, 233, 292

[115]. Maṅgalāni

[116]. Xin đọc KhA 155

[117]. Naramarūnan ti narānañ ca amarānañ ca.

[118]. Dhammābhisamayo. Phật Tông Be, BvAB tatiyābhisamayo, cuộc thâu triệt Pháp hội lần thứ ba.

[119]. Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến đưa thêm: “Khi Đức Thế Tôn đang diễn giảng Phật Pháp thế rồi đã diễn ra một cuộc thâu triệt pháp hội có tám mươi ngàn vạn triệu chúng sanh” và đưa ra một chú thích là nơi khác điều này đã bị loại bỏ.

[120]. BvAB Saddamāṇava, với v. 1 như ở trên. Māṇava là một từ thường dùng cho thiếu niên bà la môn; như vậy đây có thể là một từ tính hay là một phần của tên. cũng vậy đối với các bạn Subhaddamāṇava của anh ta.

3. BvAB mười ngàn người

[121]. Aparimitavasudharaṃ vasundharaṃ

[122]. Xin đọc bản văn tr. 151, 200, 234.

[123]. Ahaṃ tena samayenā ti ahaṃ tasmim samaye

[124]. SnA 443, Vism 207 khoảng bảy ngàn do tuần (yojana)

[125]. Yathābhutta – không phải là một thành ngữ thông dụng. Xin tra Tự điển Pāli-Anh (PED) s.v. bhutta. Như trong D ii. 173, Trung Bộ Kinh iii. 173

[126] Tới gần cuối đoạn này. xin đọc thêm Chú giải Trường Bộ Kinh (DA) 622tt. MA iv. 222tt

[127]. Jalantena, ở đây ta có jala+anta, tận, cuối.bờ biên,ám chỉ hồ sâu hay là lỗ hổng lớn trong biển giữa hai bờ cách Lục ngọc thạch. Cách khác, jalanta còn có nghĩa là sáng chói ám chỉ bảo luân xa.

[128]. SnA 443, Vism 207

[129] SnA 443, Vism 207

[130]. Koṭisatasahassānan ti koṭisatasahassāni. Sở hữu cách số nhiều, và chủ cách số nhiều.

[131]. tappayin ti tappesiṃ

[132]. Bhaddakappa, một đại kiếp đầy hứa hẹn trong đó có năm đức Phật khởi xuất. Bản văn tr. 191 Chú giải Trường Bộ Kinh (DA) ii 410

[133]. Adan ti adāsiṃ

[134]. Dadim

[135]. Chín phần cấu thành trong giáo lý được đưa ra đầy đủ trong Trung Bộ Kinh I 133. Miln 263.

[136]. Lokiya, cũng có nghĩa là hiệp thế. Đoạn này cũng có thể dịch là “ta đã trang điểm với một cách tiếp cận hiệp thế với điều đã được truyền đạt cho ta” hiệp thế là đối nghĩa của siêu thế.

[137] adhigama, đạt đến. Xin đọc Netti 91, Chú giải Tăng Chi Bộ I 87

[138]. Brahmālokaṃ agāñch’ahan ti Brahmālokaṃ agāñchimi ahaṃ

[139]. Tại đây Chú giải Phật Tông tiếng Ceylon gọi ngài với tên là Jinasena.

[140]. Sālakalyāṇika.

[141] At.t.ha lokadhamma, xin D iii. 260. A iv 156 Netti 162 v.v... cũng đọc Ja iii 169

[142] Dassetvā

[143] Dassayitvā

[144] Xin đọc vijjappātam thành vijjupātam

[145] Trong dụ ngôn lửa “tàn lụi đi” được dùng bằng chữ parinibbāyimsu ang khi đó ngay ở trên từ parinibbāyamāmā lại cũng được sử dụng là “đang khi họ tàn lụi đi” hay “đang khi họ chứng đắc Níp bàn chung cuộc”

[146] Ở đây cũng vậy nirupādāna lại có nghĩa vừa giống như được dịch ở trên lại của là không có nhiên liệu.

[147] Atuliyā ti atulyā

[148] Thūp 9, và xin đọc thêm Phật Tông iii. 38

[149] Thūp 8, nhưng lại đề cập đến Dīpaṅkara.

[150] Xin đọc bản văn tr 270

[151] Xin đọc chú thích đầu tiên về Đức Phật Koṇḍañña như đã nêu ở trên

[152]. Một Đại kiếp Sarāmaṇḍa, xin ọc bản văn tr. 191

[153]. Chuyện kể về Mandala được ghi lại trong Mhvu I 248-252

[154]. Có ba loại kolāhala, tin ồn (náo động) được đưa ra trong BvAC 272, năm loại trong KhA 120

[155]. Xin đọc It 76, Chú giải Bộ Pháp Tụ (Asl) 33 khi một vị chư thiên sắp sửa qua đời khỏi một nhóm chư thiên thì có năm dấu hiệu xuất hiện: vòng hoa của ngài tàn lụi đi, quần áo của ngài trở nên cũ kỹ v.v...xin đọc Divy 193

[156]. Như trong bản văn tr. 53 v.v...

[157]. Xin đọc bản văn tr. 54, 273

[158]. Phật Tông IIA 83tt

[159]. Xin đọc bản văn tr. 132

[160]. Xin đọc bản văn tr. 81, 133, 161, 172, 236

[161]. Giống như trong bản văn tr. 133

[162]. Xin đọc thêm DBK, Ch I đoạn 4, thuộc lòng từ tâm.

[163]. Vessantara sống tại đó.

[164]. Xin đọc bản văn tr. 125 để phát ra âm thanh của Thiên Chủ (Sakka): ở đây đó là manussabhakkha mahesakkha yakkha.

[165]. Appamatta, A v.1 và Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miên giải thích là kesaggamatta, nhẹ tựa lông hồng

[166]. Có lẽ biến cố này ám chỉ đến biến cố trong Ja iv. 13

[167]. Pubbacariya, xin đọc bản văn tr. 147.

[168]. Ekassa Buddhassa, Đức Phật “đã tuyên bố” về ngài (?)

[169]. Xin đọc Ja iii 53 trong Sasajataka làm điển hình cho Bồ Thí Ba la mật.

[170]. Tama....andhakara là hai từ đồng nghĩa cả hai đều ám chỉ mù quáng tâm cũng như bóng tối bình thường.

[171]. Mūsā

[172]. Vātavego. Xin đọc Tự điển Chú giải Pāli (CPD) s.v ukkā “vatāvega (? Chỉ có nghĩa là “người bông nổi tiếng như cồn. DAT I 167 coi điều này như là điều sáng giá của vô số những người nổi tiếng đụng chạm vào nhau vì sức gió.

[173]. Atul’āsī ti atuly’āsi

[174]. Jineh aññeh ti jinehi aññehi

[175]. Candasuriyappabham hantvā ti candasuriyānam pabham abhiantvā

[176]. Upanissaya; ba lần trong Vism 533tt

[177]. Caturō ti cattāri. Về đoạn này tôi theo cách dịch của BvAB vì rõ hơn là cách dịch của BvAC

[178]. Te te

[179]. Vì tôi không thấy đoạn kệ này nơi các tác phẩm Chú giải khác về từ Bodhi, tôi chỉ ước thử đưa ra con số như thể là điều rất kỳ cục đối với Chú giải Lịch sử Chư Phật (BvA)

[180]. Về đoạn này xin đọc ở trên bản văn tr. 55

[181]. Như trong bản văn tr. 56 với MA I 54 nhưng một số khác cũng cho là đó là trí toàn tri.

[182]. Xin đọc td. Chú giải Trường Bộ Kinh (DA) 57

[183]. Surasurayuvati.

[184]. Không có trong Tự điển Pāli-Anh (PED)

[185]. Xin đọc Miln 218, 285, 327 về các kho báu đã hành động khớp với nhau khi có điều kiện thích hợp.

[186]. Xin bản văn tr. 10 cách giải thích trên chính là dasanakhasamodhānasamujjalam vimala-kamalamakulasamam ajaliṃ sirasi katvā

[187]. Pubbacariya, phẩm hạnh và tái sinh hoặc cách sống tiền kiếp (nơi vòng luân hồi).

[188]. Cakkajāla, Jāla có thể có nghĩa vừa là lưới như trong từ jālahatthapāda (một trong 32 tướng của Đại Nhân: chân tay bọc lưới) và rục rỡ. Từ cấu trúc từ và theo truyền thống cho biết thì thân xác Maṅgala luôn toả sáng, hình như muốn ám chỉ nghĩa thứ hai.

[189]. Chiều dài này, hay tu luyện trong hai tháng, dành cho vị Tỳ khưu theo như trong Vin ii. 107 xin đọc nt 133.

[190]. Một trăm ngàn vạn triệu.

[191]. Phật Tông, Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến pi, va ở trên.

[192]. Ehi bhikkhukā; ở trên, etha bhikhavo.

[193]. Surindadevabhavane ti puna devindabhavane ti attho.

[194]. Như trong bản văn tr. 193.

[195]. Baddhacarā từ này không có trong Tự điển Pāli-Anh (PED) cho ta thấy từ paddhacara. Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến giải thích là nibaddhacarā, chắc chắn, đệ tử kiên định.

[196]. sun ti ahesum.

[197]. Tadāsi thay cho tadāsum

[198]. si

- [199]. Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến giải thích là māṇāvaka mānavakasahassaparivāro, thầy Bà la môn, đoàn tùy tùng của họ lên tới một ngàn Bà la môn. BvAC: dasamāṇavakasahasseehi parivutā
- [200]. Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến một trăm ngàn vạn triệu
- [201]. Hình như thế nếu “một ngàn” có sự nhầm lẫn ở đây
- [202]. Là một trăm ngàn vạn triệu.
- [203]. Kittakehi te bhikhuhi attho, rất có thể theo nghĩa đen thì hơn.
- [204]. Được sử dụng trong việc luyện tập thiền đề mục kasīṇa
- [205]. Xin đọc Vism 143
- [206]. Xin đọc Pháp cú kinh (Dhammapada) I 5; cũng như Chú giải Trường Bộ Kinh (DA) ii 465
- [207]. Jā No. 499; xin đọc thêm Cp I 8
- [208]. Nghĩa đen có nghĩa là uống sữa bò
- [209]. Xin đọc ThigA 68 có thể tham khảo bữa ăn được đặt trong bát khát thực điều này được gọi là catumadhura, bốn món ngọt như ở trên.
- [210]. Hay một trăm ngàn
- [211]. Xin đọc bản văn tr. 137
- [212]. Xin đọc thêm II A 6
- [213]. Xin đọc iii 12-15, 18 -21
- [214]. Anubrūhanto. Cũng đọc trong Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến, nhưng xin đọc thêm Tự điển Chú giải Pāli (CPD) s.v. anubrūheti
- [215]. Xin đọc thêm iii. 23, 24
- [216]. Đoạn kệ 16, 17 cũng như trong xiii 18, 19, xix 12, 13 xin đọc thêm iii. 23, 24, xii 16, 17
- [217]. Gandhamalena, số ít.
- [218]. Gandhehi...mālehi, số nhiều
- [219]. Xin đọc bản văn tr. 150

[220]. Ghata là một từ để giải thích bơ (butter)

[221]. Tappayin ti tappesim

[222] . Dasapāramipūriyā ti dasannaṃ pāramīnaṃ pūraṇathāya

[223]. Ở đây là anubrūhento

[224]. Maṃ Gehan ti mama gehaṃ. Từ geha nghĩa là nhà, nhưng Comy lại làm rõ không được hiểu theo nghĩa đen.

[225]. Cây Kim mộc, Mesua ferrea

[226]. Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến giải thích là yuparimāṇaṃ thay cho āyu trên

[227]. Phật Tông Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến giải thích là Sīvala

[228]. Tasmim navutivassasahassāni tathvā. Có điều gì không ổn ở đây, tuổi thọ đã được nêu lên ở trên. Nhưng có thể phải được coi là thời gian người đó sống trong cuộc sống gia đình cụ thể là 9000 năm (xin đọc đoạn kệ 19) cả từ Tasmin rất có thể cũng nên hợp với một số danh tự, hay có thể được giải thích là ngài đã sống (hay cư trú) tại Uttarāma trong 90.000 năm. Những Đức Phật khác đã trở nên nổi tiếng không những đã du hành ở vùng quê nhưng còn đi thăm cả cõi các vị chư thiên nữa.

[229]. Từ số ít sang số nhiều. Liên quan đến động từ niddhāvati ti niddhāvanti, xuất phát ra những tia sáng phát ra.

[230]. Raṃsī ti rasmiyo, số ít và số nhiều liên quan đến số ít và số nhiều của động từ.

[231]. Anekasatasahassiyo ti anekasatasahassā

[232] bốn từ này là mi vīciyo taraṅgā

[233]. Gaṇetuyē ti gaṇetuṃ

[234]. Xin đọc bản văn tr. 144

[235]. Dhūmaketu, trướng làm khói

[236]. Mahāyasa, xin ọc bản văn tr. 160, 257; cũng xin đọc amitaya, bản văn tr. 135

[237]. Sahassakiraṇo divasakaro

[238]. Tamagata, Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến ghi tamagaṇa vi v.1 -gata

[239]. Xin đọc bản văn tr. 151

[240]. Tác giả Bishop Bigandet, *Legend of the Burmese Buddha*, tái bản lần thứ 14 Luân Đôn 1911 tr.22, n. 18 đã đưa ra một bài tường thuật rất hay về những thay đổi tuổi thọ tùy thuộc vào giới hạnh hay tính hung ác của một người. Giáo lý của Đức Phật về những người độc ác có tuổi thọ ngắn sẽ trở thành vô ích.

[241]. Xin đọc bản văn tr. 96tt, IIA 83-108

[242]. Cả ba tên đều khác như ghi trong Phật Tông và dưới đây, đoạn kệ 22

[243]. Pavanapatha, cũng có nghĩa là “đường mòn trong rừng”

[244] Phật Tông ghi là ahani, Chú giải Lịch sử Chư Phật tiếng Ceylon lại ghi là ahanī, BvAB thì ghi là āhanī

[245]. Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến lại thêm paṭipadam, là đường đi hay là lối đi.

[246]. Paṭiññ; iều này phải ám chỉ về công việc ngài đã nhận theo yêu cầu của vị Phạm Thiên

[247]. Viluppamānassa; Tự điển Pāli-Anh (PED) chỉ có ghi là vilumpa-

[248]. Xin đọc Miln 332 để gia nhập vào thành phố níp bàn một khi các phiến não đã được diệt trừ.

[249]. Xin đọc Ap tr. 44, đoạn kệ 95, 96, Miln 341tt.

[250]. Nijjinitvā, Phật Tông ghi là jinitvāna.

[251]. Saddhamma-, Phật Tông ghi là dhamma-; xin đọc Dhammanagara trong Miln 341 tt.

[252]. Có lẽ ở đây có một “Thiên tử Ma” thực sự hay chỉ mang tính là chuyện cổ tích, cũng có tên gọi là Vasavatti”

[253]. Jinitvā kīlese hi

[254]. Patvā ...patto. Phật Tông cũng giải thích là patto

[255]. Padhānabhūta. Xin đọc Vism 511, và Ppn 584, n. 23 về ý nghĩa padhāna.

[256]. Có nghĩa là, nagara, thành phố là một từ đồng nghĩa với pura, cũng là thị trấn

[257]. Javana, tức là tốc lực tâm, một giai đoạn quan trọng trong qui trình tâm; ở đây là nghĩa là tư. Thiện hay bất thiện (có nghĩa là, nghiệp chướng) được tạo ra. Xin đọc ynatiloka nhng tự điển s.v. lại ghi là javana. Đây là một bộ phận của cittavithi, tức là

những loạt tâm xuất hiện trong qui trình tâm. “Chánh đạo” đoạn kệ này đề cập đến chính là mahāvīthi.

[258]. Xin đọc Miln 336tt. tức là “cửa hiệu châu báu của Đức Phật”

[259]. Những Thánh quả thuộc bốn thánh đạo như của vị nhập lưu v.v... xin đọc D iii. 227 S. v 25, A iii 272, Miln 344, 358

[260]. Xin đọc td. Miln 339

[261]. Xin đọc Miln. 214. v.v... Đối với những loại này.

[262]. Xin đọc Trung Bộ Kinh Sta 16, Cetokhilasutta; cũng như trong D iii. 237, A. iii 248, iv 400. v. 17

[263]. Hiri được định nghĩa trong Vism 464 với cùng các từ như ở đây.

[264]. “v.v...” muốn ám chỉ về hành khẩu ác hạnh và ý ác hạnh.

[265]. Xin đọc Vism 464 trở lại

[266]. Bhabbapuggala có một loại ý nghĩa chuyên môn.

[267]. Đoạn kệ giải thích là te te ime. Từ te thứ hai được dịch với ime như là “(bất kỳ kẻ nào) trong số những người này

[268]. Koṭisatasahassiyo ti satahassahassakoṭiyo

[269]. Chú giải Lịch sử Chư Phật tiếng Ceylon ghi là ca. Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến lại ghi là vā, nghĩa là *hoặc*

[270]. Chú giải Lịch sử Chư Phật tiếng Ceylon ghi là dhammaṃ desente; Phật Tông, Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến lại ghi là dhammadesane.

[271]. Chú giải Lịch sử Chư Phật tiếng Ceylon ghi là -paridīpanaṃ; Phật Tông, Be lại ghi là -dīpane.

[272]. Chú giải Lịch sử Chư Phật tiếng Ceylon ghi là dhammābhisamayo, Phật Tông. Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến ghi là tatiyābhisamayo, tức là cuộc thâu triệt Pháp hội lần thứ ba.

[273]. Caturaṅgasamannāgata, xin ọc bản văn tr. 126

[274]. Abhiguttṭhe pavāraṇe, giống đực; nhưng pavāraṇā lại là giống cái. Chính vì thế mà hình thức giống cái được đề ra ở đây đó là: abhiguttṭhāya pavāraṇāya.

[275]. Buddhadassanupāgamī ti buddhadassanattham upāgamī

- [276]. Rất có thể lại ám chỉ đến những người được đề cập đến trong bản văn tr.154
- [277]. Chú giải Lịch sử Chư Phật tiếng Ceylon ghi là Sonā Upasonā.
- [278]. Chú giải Lịch sử Chư Phật tiếng Ceylon giải thích cho là-sakā đây; tr. 153 -sikā
- [279]. Ja I 34 ghi là Khema.
- [280]. Chú giải Lịch sử Chư Phật tiếng Ceylon lại đưa ra một tên khác; đầu tiên được gọi là Sirivaḍḍhana trong BvAB
- [281]. Puravaruttame; Phật Tông puravuttame
- [282]. Như ở trên, Sonā Upasonā
- [283]. Phật Tông ghi là Cālā Upacālā
- [284]. Phật Tông Chú giải Lịch sử Chư Phật tiếng Ceylon ghi là Hatthasamuggato Be Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến ghi là hatthamuggato.
- [285]. Trích Thup 10
- [286]. Tāraṇīye ti tārayitabbe
- [287]. Atthamī ti atthaṅgato
- [288]. Attham gatto
- [289]. Asādiso ti asadiso (asadiso trong Phật Tông)
- [290]. Atulan ti atulyaṃ. Đoạn kệ tr. 159 và Phật Tông giải thích là atuliyam
- [291]. Giống như dưới thời Đức Phật Sumana
- [292]. Samujotita Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến coi như là một từ biến thể, giải thích là samujjalita,
- [293]. Ali, xin đọc Tự điển Childers
- [294]. Nồi tiếng như là nơi cư trú của loài ngỗng vàng đỏ hồng.
- [295]. Xin đọc IIA 83 tt
- [296]. Phật Tông ghi là Avela. Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến ghi là Āvela
- [297]. Xin đọc bản văn tr. 153

[298]. Xin đọc bản tường trình sau đây với bản văn tr. 183

[299]. Xin đọc D ii 261, Chú giải Trường Bộ Kinh (DA) ii 693

[300]. Xin xem bản văn tr. 83

[301]. Số nhiều của Koṭiyo ám chỉ đến các chư thiên và người đàn ông cũng như các nhà sư, chỉ có một vạn triệu người đàn ông xuất gia chung với ngài.

[302]. Xin đọc Vin I 10

[303]. Bhavābhava, hữu phi hữu, tương tự như phālaphala, nhiều loại quả khác nhau.

[304]. Xin đọc thêm Vism 290

[305]. Bhava, ý nghĩa hiện hữu và tồn tại bhavo ti khuddakabhavo.

[306]. Có nghĩa là, với tất cả năm indriya, quyền, bắt đầu với nhãn quyền

[307]. Xin đọc MA iii 223. SA iii 295, UdA 164m CpA 20, v.v...

[308]. Tīṇī ti tayo

[309]. Manonukūla

[310]. Xin đọc bản văn tr. 126

[311]. Be saḥassa. Một ngàn

[312]. Patto jīvitasamṣayaṃ.. jīvitasamṣayaṃ patto..jīvite samṣayaṃ patto nhiều ý nghĩa khác nhau được nhắm tới ở đây.

[313]. Có nghĩa là, i trong từ muni, nhà hiền triết.

[314]. Dài trong Be, BvCB: ye tadā (Varuṇaṃ) upagatā munī. Thế rồi những nhà hiền triết đó tiến lại gặp ngài (Varuṇa)

[315]. Giống như trong Phật Tông

[316]. Anussarena saddhim; xin đọc thêm chú thích trong bản văn tr. 71 trong đó xuất hiện từ anusāra, t này cũng xuất hiện trong bản văn tr. 12

[317]. Ye tadā muni(m) (=Varuṇaṃ) upagatā, rồi những người này cũng tiến lại gần (Varuṇa)

[318]. Pañṅuṇaṃ anuttamaṃ: Be giải thích là puñṅuṇavaruttamaṃ

[319]. Yathāthāmaṃ nh ở trên; yathā thomaṃ trong Phật Tông

[320]. Xin đọc III 12-15, 17-19

[321]. Phật Tông ghi là taṃ. Còn Chú giải Lịch sử Chư Phật tiếng Ceylon lại ghi là maṃ.

[322]. Saraṇaṃ tass’ agacch’ ahan ti taṃ saraṇaṃ agañchim ahaṃ

[323]. Paññvimutti là một dấu hiệu A-la-hán.

[324]. Thomayitvā ti thometvā

[325]. Adas ahan ti adāsim ahaṃ

[326]. Xin đọc bản văn tr. 104, về II 116

[327]. Chú giải Lịch sử Chư Phật tiếng Ceylon giải thích là sáu mươi ngàn

[328]. Xin đọc vi. 25 dưới đây

[329]. Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến ghi là mahānāgavanuyyāne

[330]. Đoạn kệ này đã được đưa ra trong Chú giải Lịch sử Chư Phật bản tiếng Miến đã công nhận rằng đôi khi đã bị bỏ qua. Như trong Chú giải Lịch sử Chư Phật tiếng Ceylon. Nhưng việc bỏ qua này lại thích hợp với luật chung liên quan đến việc gộp lại trong các bản văn Chú giải.

[331]. Pabhāmālā ti pabhāvelā, ám chỉ những tia sáng hay vòng hào quang.

[332]. Upādānasankhayā ti indhanasankhayā. Cả hai upādāna (một trong các nghĩa) và indhana có nghĩa là nhiên liệu. Để phân biệt “đốt cháy” (hay là củi đốt) hình như tốt hơn là ta dùng từ “để bắt lửa” với từ indhana. Từ này cũng xuất hiện trong bản văn tr. 219, 247 và Vism 505 VbhA 110.

[333]. Chính vì thế so ca kāyo ratananibho, là giống đực.

[334]. Tañ ca kyaṃ ratananibhaṃ., lại là trung tính.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục & Giới thiệu](#) | [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#)

Chân thành cảm ơn Tỳ khưu Thiện Minh, chùa Bửu Quang, Việt Nam, đã gửi tặng bản vi tính.

[[Trở về trang Thư Mục](#)]

last updated: 20-06-2007